

BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
HĐ XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN

DANH SÁCH
SÁNG KIẾN ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-HDSK ngày 08 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng xét duyệt Sáng kiến Học viện Tài chính)

TT	Họ tên, chức vụ, đơn vị công tác	Tên sáng kiến	Nội dung sáng kiến	Hiệu quả áp dụng sáng kiến	Phạm vi ảnh hưởng, khả năng nhân rộng
1.	Nguyễn Đào Tùng Chủ tịch Hội đồng trường	Định hướng áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam	Những nguyên tắc kế toán quản trị toàn cầu đã được tạo ra trong kỷ nguyên kinh doanh này. Sáng kiến: “ <i>Định hướng áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam</i> ” tập trung nghiên cứu các vấn đề: Bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam bởi xu hướng trong tương lai các kế toán viên sẽ dành nhiều thời gian cho việc phân tích, lập kế hoạch, dự toán, dự báo, lập ngân sách hoặc đưa ra các thông tin hỗ trợ, tham mưu cho ban lãnh đạo đơn vị về lĩnh vực chuyên môn của họ. Sáng kiến tập trung vào nghiên cứu quan điểm, định hướng phát triển kế toán công ở Việt Nam thời gian tới. Trên cơ sở đó, đưa ra định hướng áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công Việt Nam với mong	Sáng kiến tạo tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp áp dụng các nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam sao cho có hiệu quả; Là nguồn tài liệu hữu ích đối với cơ quan Nhà nước trong việc phục vụ xây dựng chính sách. Sáng kiến còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán.	* Phạm vi ảnh hưởng: Cấp Bộ, ngành - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. - Các đơn vị thuộc khu vực công ở Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

			muốn khi áp dụng các nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công Việt Nam sẽ giúp các tổ chức ra quyết định tốt hơn bằng cách sử dụng thông tin kế toán một cách hiệu quả, đưa KTQT tiệm cận dần với KTQT tại các nước tiên tiến phát triển.		
2.	Nguyễn Mạnh Thiệu Phó Giám đốc Học viện	Kinh nghiệm triển khai, áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công của các nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam.	Các nước trên thế giới đã triển khai kế toán quản trị vào khu vực công và có những kinh nghiệm quý báu để Việt Nam học hỏi. Sáng kiến: “ <i>Kinh nghiệm triển khai, áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công của các nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam</i> ” tập trung tìm hiểu kinh nghiệm của các nước tiên tiến phát triển và các nước trong khu vực như: Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc. Bài học quan trọng cho Việt Nam từ các kinh nghiệm trên là cần tập trung vào kết nối giữa kế toán và quản lý chi phí sản xuất, phân tích chi phí và giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản lý chi phí. Việt Nam cũng nên tập trung vào việc áp dụng phương pháp kế toán quản trị để đưa ra quyết định đúng đắn trong quản lý công việc và tối ưu hóa lợi nhuận. Ngoài ra, Việt Nam cần tìm hiểu các quy định pháp luật và tiêu chuẩn kế toán quản trị quốc tế để sử dụng phương pháp kế toán quản trị một cách chính xác và hiệu quả.	Sáng kiến tạo tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp áp dụng các nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam sao cho có hiệu quả; Là nguồn tài liệu hữu ích đối với cơ quan Nhà nước trong việc phục vụ xây dựng chính sách; Là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán;	* Phạm vi ảnh hưởng: Cấp Bộ, ngành - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. - Các đơn vị thuộc khu vực công ở Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
3.	Nguyễn Lê Cường Trưởng ban TCCB	Hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam.	Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về hiệu quả huy động vốn trên TTCK, các tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu	Xác định các quan điểm định hướng; đề xuất hệ thống các giải pháp chủ yếu và một số giải pháp	Sáng kiến xuất phát từ công trình

			<p>quả huy động vốn trên TTCK; nghiên cứu kinh nghiệm của một số thị trường; đánh giá sát hợp thực trạng</p>	<p>hỗ trợ nhằm thúc đẩy gia tăng hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam của các DN, góp phần phát triển ổn định, vững chắc TTCK Việt Nam</p>	<p>NCKH cấp Bộ đã được nghiệm thu. Được đánh giá là tài liệu, cơ sở hữu ích cho các cơ quan hoạch định chính sách phát triển TTCK Việt Nam; được tham khảo bởi các nhà nghiên cứu, các giảng viên trong công tác NCKH và giảng dạy sinh viên về thị trường tài chính, đầu tư tài chính, ngành Tài chính – Ngân hàng.</p>
4.	<p>Nguyễn Kim Hiếu Đào Xuân Dũng Trần Anh Hùng;</p> <p>Nhân viên, Văn phòng Học viện</p>	<p>Hướng dẫn lái xe khi trời mưa, đường ngập</p>	<p>- Khi đi qua vùng ngập nước, sẽ tháo lọc gió động cơ ra để lấy gió trực tiếp từ khoang động cơ vào thay vì qua đường khí nạp theo xe. Sau khi vượt qua đoạn ngập lụt, có thể lắp lọc gió động cơ trở lại bình thường. <i>(Nguyễn Kim Hiếu)</i></p> <p>- Xem xét mức nước trước khi đi qua, mức nước an toàn là dưới 25 cm và không vượt qua tâm bánh xe, ở trên mức đó không nên</p>	<p>- Khi lái xe qua vùng ngập nước, tránh cho nước khò vào động cơ.</p> <p>- Khi lái xe qua vùng ngập nước, tránh trường hợp chết máy.</p>	<p>Cấp cơ sở</p>

			<p>liều lĩnh đi qua. Bên cạnh đó, cũng nên chú ý khi có xe chạy cùng chiều và ngược chiều vì có thể xảy ra hiện tượng tạo sóng, làm nước dâng cao hơn và tăng nguy cơ nước tràn vào đường nạp gió, vào lọc gió động cơ. <i>(Nguyễn Kim Hiếu)</i></p> <p>- Khi lái xe trong vùng ngập nước, tắt công tắc điều hòa (nút AC), đi số 1, chạy đều ga ở mức độ vừa phải, giữ cho nổ tròn máy, lái từ tốn. Với xe số tự động, chuyển sang chế độ bán tự động và để ở số 1. Nếu để nguyên, xe sẽ tự sang số 2 khiến ga bị yếu, dẫn tới nước tràn vào động cơ thông qua ống pô. Không đạp côn xe số sàn khi qua chỗ ngập để tránh trường hợp chết máy. <i>(Trần Anh Hùng)</i></p> <p>- Nên hạn chế đạp thốc ga vì việc tăng ga mạnh sẽ khiến nước tràn qua lưới tản nhiệt, đổ vào ống hút. Ngoài ra, khi tăng ga đột ngột vòng tua máy lên cao, nếu nước vào sẽ dẫn tới hiện tượng thủy kích làm cong tay biên. <i>(Trần Anh Hùng)</i></p> <p>- Khi đã đi qua chỗ ngập, cần đi tiếp một đoạn, rà phanh để loại bớt nước trên đĩa. Sau đó xuống kiểm tra lại động cơ, gầm xe. <i>(Trần Anh Hùng)</i></p> <p>- Nếu xe bị tắt máy đột ngột giữa vùng ngập, tuyệt đối không tìm cách khởi động lại, nên rút chìa khoá điện, đẩy xe vị trí cao và gọi ngay cứu hộ. <i>(Trần Anh Hùng)</i></p> <p>- Khi gọi cứu hộ, nếu xe trang bị số tự động, hệ thống tự động chống trượt, tự</p>		
--	--	--	---	--	--

			<p>động cài cầu, tự động ổn định chống lật hoặc dẫn động 4 bánh toàn thời gian thì chỉ nên kéo xe bằng xe bàn (4 bánh không quay). (<i>Đào Xuân Dũng</i>)</p> <p>- Nên tránh mở cửa ngay khi xe bị chết máy mà cần chú ý tới mức nước. Nếu nước cao hơn phần thấp nhất của cửa ra vào, tuyệt đối không được mở cửa, vì sẽ làm nước bên ngoài tràn vào làm hư các hệ thống điện tử. Trong trường hợp này, cần mở cửa số để ra vào xe. (<i>Đào Xuân Dũng</i>)</p> <p>- Luôn mang sẵn theo mình một số điện thoại cứu hộ giao thông khi cần thiết. (<i>Đào Xuân Dũng</i>)</p>		
5.	<p>Hà Minh Sơn Phó trưởng ban CTCT&SV</p>	<p><i>Vấn đề an toàn hoạt động tín dụng ở Việt Nam hiện nay</i> Thuộc bài báo: “Impacts of capital adequacy ratio to credit activities of commercial banks in Vietnam - Ảnh hưởng của tỷ lệ an toàn vốn đến hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam” Hội thảo quốc tế: Proceedings of the sixth international conference on sustainable economic development and business management in</p>	<p>Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động tín dụng, an toàn hoạt động tín dụng góp phần phục hồi, phát triển bền vững nền kinh tế; Đánh giá thực trạng nền kinh tế Việt Nam và thực trạng an toàn hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2016-2022 và tác động nhằm phục hồi, phát triển bền vững nền kinh tế, vượt qua đại dịch covid – 19; Đề xuất giải pháp và khuyến nghị an toàn tín dụng nhằm phục hồi, phát triển bền vững nền kinh tế</p>	<p>Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho hệ thống NHTM, TCTD để phát triển hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	Bộ (ngành)

		the context of globalisation (SEDBM-6)”, năm 2023. Tác giả Hà Minh Sơn, Mai Thị Trang (Trang 215-224).			
6.	Hà Minh Sơn Phó trưởng ban CTCT&SV	<i>Kiểm soát lạm phát ở Việt Nam hiện nay</i> Thuộc bài báo: “Inflation control after covid-19 passion in vietnam – <i>Kiểm soát lạm phát sau đại dịch covid-19 ở Việt Nam</i> ” Hội thảo quốc tế: Proceedings of the sixth international conference on sustainable economic development and business management in the context of globalisation (SEDBM-6), năm 2023). Tác giả Hà Minh Sơn, Nguyễn Vũ Anh Quân (Trang 868-896).	Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về lạm phát, kiểm soát lạm phát và tác động tích cực của kiểm soát lạm phát đối với nền kinh tế; Đánh giá thực trạng kiểm soát Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022 và tác động nhằm phục hồi, phát triển bền vững nền kinh tế, vượt qua đại dịch covid - 19; Đề xuất giải pháp kiểm soát lạm phát nhằm phục hồi, phát triển bền vững nền kinh tế	Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho hệ thống NHTM, TCTD để kiểm soát lạm phát và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước	Bộ (ngành)
7.	Hà Minh Sơn Phó trưởng ban CTCT&SV	<i>An ninh mạng khi phát triển thanh toán không dung tiền mặt ở Việt Nam</i> Thuộc bài báo: “Cybersecurity issues in cashless payments in Vietnam - Vấn đề an	Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về thanh toán không dung tiền mặt, phát triển TTKDTM trong bối cảnh chuyển đổi số; Đánh giá thực trạng an ninh mạng khi phát triển TTKDTM ở Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022 và tác động của chuyển đổi số đến an ninh mạng khi phát triển TTKDTM; Đề xuất giải pháp	Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho hệ thống NHTM, TCTD và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại	Bộ (ngành)

		<p>ninh mạng trong thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam”</p> <p>Hội thảo quốc tế: Proceedings of the fifth international conference on finance and accounting for the promotion of sustainable development in the private sector” (FASPS5) năm 2023</p> <p>Tác giả Hà Minh Sơn, Nguyễn T. Thương Giang, Mai Thị Trang, Phạm Thu Hạnh (Trang 868-896).</p>	<p>an toàn tài chính, an ninh mạng khi phát triển TTKDTM ở Việt Nam đến năm 2030</p>	<p>học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	
8.	<p>Hà Minh Sơn Phó trưởng ban CTCT&SV</p>	<p><i>Quản lý nhà nước đối với thị trường tiền tệ Việt Nam</i></p> <p>Thuộc bài báo: “Strengthen state management of vietnam’s money market - Tăng cường quản lý nhà nước về thị trường tiền tệ Việt Nam”</p> <p>Hội thảo quốc tế: Proceedings of the fifth international conference on finance and accounting for the</p>	<p>Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở luận về thị trường tiền tệ, vai trò QLNN đối với TTTT trong bối cảnh chuyển đổi số; Đánh giá thực trạng QLNN đối với TTTT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022; Đề xuất giải pháp tăng cường QLNN đối với TTTT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến năm 2030</p>	<p>Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho hệ thống NHTM, TCTD tăng cường QLNN đối với TTTT Việt Nam. và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	<p>Bộ (ngành)</p>

		promotion of sustainable development in the private sector” (FASPS5) năm 2023 Tác giả Hà Minh Sơn, Nguyễn Phương Thảo, Mai Thị Trang, Phạm Thị Hạnh			
9.	Nguyễn Thị Thu Hà Phó trưởng ban CTCT&SV	Định hướng phát triển nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán của Việt Nam hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế Thuộc đề tài “Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán của các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở Việt Nam”	Phân tích thực tế nhu cầu thị trường lao động lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam. Đề xuất định hướng phát triển nguồn nhân lực gắn với đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo nhằm tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đầu ra, hướng tới đào tạo chất lượng cao, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và ứng dụng hiệu quả thành tựu phát triển của CNTT.	Sáng kiến giúp đề xuất các giải pháp cụ thể, toàn diện trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Sáng kiến có thể được áp dụng xây dựng nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.	Bộ (ngành)
10.	Nguyễn Thế Hùng Chuyên viên, Ban CTCT&SV	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử trong nền kinh tế số Thuộc bài báo: “Development of electronic banking services in the digital economy - Phát triển	Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ ngân hàng điện tử; Đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Việt Nam hiện nay, nhất là giai đoạn sau dịch bệnh Covid 19; tác giả cũng chỉ ra được những cơ hội và thách thức để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các Ngân hàng thương mại hiện nay. Bên cạnh đó,	Sáng kiến đã góp phần quan trọng trong việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống các NHTM, TCTD để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử an toàn, hiệu quả trong nền kinh tế số hiện nay.	Bộ (ngành)

		<p>dịch vụ ngân hàng điện tử trong nền kinh tế số” Hội thảo quốc tế: “Kinh tế số: Nhận diện, định vị các tiềm năng và thách thức”, Đại học Quốc Gia Hà Nội, năm 2023. Tác giả Nguyễn Thế Hùng (Trang 161-175)</p>	<p>tác giả đã khảo sát 179 khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại hiện nay để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại hiện nay để từ đó, tác giả đề xuất giải pháp và khuyến nghị nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại trong nền kinh tế số hiện nay.</p>		
11.	<p>Nguyễn Thế Hùng Chuyên viên, Ban CTCT&SV</p>	<p>Tác động của Fintech đến hệ thống ngân hàng thương mại trong nền kinh tế số Thuộc bài báo: “<i>Fintech and Commercial banking system in the digital economy - Fintech và hệ thống ngân hàng thương mại trong nền kinh tế số</i>” Hội thảo quốc tế: “Kinh tế số: Nhận diện, định vị các tiềm năng và thách thức”, Đại học Quốc Gia Hà Nội, năm 2023. Tác giả Nguyễn Thế Hùng (Trang 191-204)</p>	<p>Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về Fintech và tác động của nó tới hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam; lợi ích của Fintech trong lĩnh vực ngân hàng thương mại; Tác giả nêu lên thực trạng fintech trong lĩnh vực ngân hàng thương mại hiện nay và đánh giá tác động của nó lên hoạt động của các ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, tác giả đã khảo sát 192 khách hàng sử dụng dịch vụ fintech để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Fintech để từ đó, tác giả đề xuất giải pháp nhằm nâng cao ứng dụng Fintech trong lĩnh vực ngân hàng tại các ngân hàng thương mại hiện nay.</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng trong việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống các NHTM, TCTD để thấy rõ tác động của Fintech đến hệ thống ngân hàng thương mại trong nền kinh tế số hiện nay.</p>	Bộ (ngành)
12.	<p>Nguyễn Thế Hùng Chuyên viên, Ban CTCT&SV</p>	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại Cổ</p>	<p>Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ ngân hàng điện tử và các nhân tố tác động đến phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt; Bên cạnh đó, tác giả đã khảo sát</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng trong việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống các NHTM, TCTD để thấy rõ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát</p>	Bộ (ngành)

		<p>phần Bưu điện Liên Việt</p> <p>Thuộc bài báo: “<i>Analysis of factor influencing the development of electronic banking services at LienViet Post Joint Stock Commercial Bank</i>”</p> <p>Hội thảo quốc tế: “Sustainable economic development and business management in the context of globalisation”</p> <p>(SEDBM6) năm 2023. Tác giả Nguyễn Thế Hùng (Trang 450-463)</p>	<p>425 khách hàng đang sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng bằng phương pháp Hồi quy đa biến. Qua phương trình hồi quy, tác giả đã chỉ ra được các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt theo các mức độ khác nhau. Cao nhất là yếu tố sản phẩm dịch vụ có hệ số Beta, là 0.324, thấp nhất là nhân tố Bảo mật thông tin, có hệ số Beta là: 0.081, từ đó tác giả đã đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.</p>	<p>triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt nói riêng và từ đó chỉ ra được nhân tố chung tác động đến các ngân hàng thương mại khác trong phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử.</p>	
13.	<p>Lê Minh Chiến Chuyên viên, Ban CTCT&SV</p>	<p>Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chỉ số (PCI): Nghiên cứu tại Việt Nam năm 2022. “<i>Analyzing the Impact of Factors Affecting the Provincial Competitiveness Index (PCI): Research in Vietnam in 2022</i>” Tạp chí quốc tế về nghiên cứu và nghiên cứu đa ngành nâng cao:</p>	<p>Bài viết đã hệ thống và phân tích Chỉ số PCI được công bố sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho lãnh đạo các tỉnh, thành phố nói riêng cũng như các nhà hoạch định chính sách nói chung. Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 với các chỉ số tiếp cận đất đai, tính minh bạch, năng động và tính tiên phong của lãnh đạo tỉnh, cơ sở đào tạo lao động và pháp chế tại 63 tỉnh, thành phố Việt Nam năm 2022 kết quả cho thấy các yếu tố như khả năng tiếp cận đất đai, tính minh bạch, tính năng động, đào tạo lao động ảnh</p>	<p>Sáng kiến này có thể sử dụng làm tài liệu cho các đơn vị nghiên cứu từ đây, chúng ta có thể nhận diện những điểm nghẽn trong quản lý kinh tế cũng như đưa ra các giải pháp phù hợp để thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế một cách hiệu quả nhất.</p>	<p>Cấp cơ sở</p>

		Pages:1479-1484 Tập 3, số 5, 2023 Tác giả: Lê Minh Chiến	hưởng đến chỉ số PCI; yếu tố thể chế pháp lý không ảnh hưởng tới chỉ số PCI		
14.	<p>1. Đào Thị Loan Chuyên viên chính, Ban CTCT&SV</p> <p>2. Nguyễn Hồng Nhung Chuyên viên, Ban CTCT&SV</p>	Nâng cao kỹ năng tiếng Việt, thắt chặt tình đoàn kết Việt - Lào cho LHS Lào đang học tập tại Học viện Tài chính.	<p>Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, văn hóa-thể thao cho LHS Lào, thông qua đó nâng cao các kỹ năng tiếng Việt của các em, thắt tình đoàn kết Việt - Lào.</p> <p>- Điểm mới: LHS Lào được kết nối các CLB sinh viên Học viện, tham gia nhiều hoạt động thực tiễn trong và ngoài Học viện. Thông qua đó tạo môi trường giao tiếp, rèn luyện tiếng Việt, gia tăng sự gắn bó giữa LHS Lào và sinh viên Việt Nam tại Học viện;</p> <p>- Đào Thị Loan: Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động của LHS Lào với các đơn vị ngoài trong và ngoài Học viện; Kết nối với Đại sứ quán Lào tại Hà Nội, Cục Hợp tác Quốc tế (Bộ Giáo dục & Đào tạo); Trường đại học Thể dục – Thể thao HN, Đại học Mở để tổ chức triển khai các hoạt động;</p> <p>- Nguyễn Hồng Nhung: Xây dựng kế hoạch, kết nối hoạt động của LHS Lào với các CLB sinh viên trong Học viện; Tổ chức nhóm LHS Lào trên không gian mạng, triển khai diễn đàn trao đổi các vấn đề về văn hóa, truyền thống Việt Nam, Lào, lịch sử quan hệ Việt – Lào; các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm học tập..</p>	<p>- Thông qua các hoạt động giao lưu, văn hóa – thể thao, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt của LHS Lào được nâng cao. Kỹ năng nghe, diễn đạt nhuần nhuyễn hơn; Vốn từ tiếng Việt của các em được bổ sung.</p> <p>- Góp phần tích cực nâng cao chất lượng học tập của các em; Giúp các em hòa nhập nhanh chóng hơn với môi trường sinh hoạt, học tập.</p> <p>- Điển hình đội LHS Lào Học viện đã đạt giải Ba vòng sơ khảo Cuộc thi “Hùng biện tiếng Việt cho lưu học sinh nước ngoài” năm 2023 với 36 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tham gia; Thắt chặt tình hữu nghị Việt Lào; LHS Kinnalone BOUNPHAN, CQ57/22.05 và KOUNGMANY PHATTHANAPHONE lớp LC 23.21.06 (khóa 2021-2023) được tặng Giấy khen của Giám đốc Học viện, đạt danh hiệu sinh viên khá toàn khóa.</p> <p>LHS SINSANA SYDARA đạt thành tích xuất sắc trong học tập toàn khóa Cao học khóa 30 (2021-2023).</p>	Cấp cơ sở

15.	<p>Nguyễn Hữu Tân - Phó Trưởng Ban HTQT</p>	<p>Tác động của lạm phát và thất nghiệp tới tăng trưởng kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á</p>	<p>Sáng kiến nghiên cứu tác động của lạm phát và thất nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng và áp dụng mô hình Autoregressive Distributed Lag (ARDL) để ước lượng và phân tích kết quả. Nghiên cứu sử dụng kiểm tra đồng liên kết để xác định sự hiện diện của mối quan hệ dài hạn trong mô hình. Do đó, cả hai mô hình ARDL dài hạn và ngắn hạn đều được ước lượng. Kết quả dài hạn cho thấy ảnh hưởng đáng kể và tiêu cực của lạm phát và thất nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Trong ngắn hạn, thất nghiệp và lạm phát được phát hiện có tác động khác nhau đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Dựa trên những kết quả này, đề xuất các cơ quan chức năng nên ưu tiên chính sách chống lạm phát đáng tin cậy, trong khi chính phủ nên tạo cơ hội để nâng cao kỹ năng và năng lực của người lao động.</p>	<p>Sáng kiến tìm hiểu tác động của lạm phát và thất nghiệp tới tăng trưởng kinh tế. Các khuyến nghị của nghiên cứu nhấn mạnh vào việc ưu tiên các chính sách nhằm đến lạm phát và cần phải tạo cơ hội để nâng cao kỹ năng và khả năng của người lao động, mang lại thông điệp thực tế cho các cơ quan chính phủ xem xét trong quá trình xây dựng chính sách.</p>	<p>Nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc</p>
16.	<p>Nguyễn Hữu Tân - Phó Trưởng Ban Hợp tác quốc tế</p> <p>Nguyễn Thu Thương - Giảng viên Khoa TCDN</p>	<p>Nhân tố ảnh hưởng chính sách tín dụng thương mại các doanh nghiệp sản xuất niêm yết ở Việt Nam</p>	<p>Sáng kiến tập trung vào vai trò quan trọng của tín dụng thương mại đối với doanh nghiệp và cách nó có thể ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh. Tín dụng thương mại được xem xét như một công cụ chiến lược quan trọng giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, tăng cường doanh thu và tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng tín dụng thương mại không chỉ mang lại lợi ích mà còn đồng thời đưa ra những rủi ro đáng kể cho doanh</p>	<p>Sáng kiến nghiên cứu về tín dụng thương mại có thể mang lại nhiều lợi ích và ứng dụng thực tế cho cả doanh nghiệp như, cung cấp thông tin về các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách tín dụng thương mại, từ đó doanh nghiệp có thể áp dụng những hiểu biết này để quản lý rủi ro hiệu quả hơn và đề xuất chiến lược tín dụng an toàn;</p>	<p>Nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, ngành. Sáng kiến này có thể áp dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất.</p>

			<p>nghiệp. Để hiểu rõ hơn về tác động của tín dụng thương mại, nghiên cứu đã thực hiện phân tích trên một mẫu gồm 292 công ty sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ 2012 đến 2021. Sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu panel, nghiên cứu đã xác định rằng các yếu tố như dự phòng nợ phải thu khó đòi, hệ số nợ và khả năng thanh toán đều có mối quan hệ tích cực với chính sách tín dụng thương mại của các doanh nghiệp. Một điểm đáng chú ý khác là tăng trưởng doanh thu lại có tác động tiêu cực đối với chính sách tín dụng thương mại. Những kết quả này có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc hiểu và quản lý rủi ro khi thực hiện chiến lược tín dụng thương mại và đồng thời đề xuất các điều chỉnh chiến lược để tối ưu hóa lợi ích từ tín dụng thương mại mà không gặp phải những vấn đề không mong muốn.</p>		
17.	<p>Nguyễn Thị Hồng Vân Phó Trưởng Ban Hợp tác Quốc tế</p>	<p>Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ</p>	<p>Báo cáo tài chính giữa niên độ cung cấp thông tin tài chính kịp thời và đầy đủ cho người sử dụng. Vì vậy, tầm quan trọng của công bố thông tin báo cáo tài chính ngày càng được người sử dụng thông tin quan tâm. Nghiên cứu này nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tại các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Thiết kế, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu: mẫu nghiên cứu là 55 doanh nghiệp niêm yết tại VNIndex và nằm trong danh sách 100 công ty lớn nhất năm 2020 của Forbes. Số liệu được thu thập từ báo</p>	<p>Sáng kiến nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm thúc đẩy các giải pháp nhằm nâng cao mức độ công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ, giúp thông tin Báo cáo tài chính tăng tính hữu ích cho đối tượng sử dụng thông tin Báo cáo tài chính.</p>	<p>Nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc</p>

			<p>cáo tài chính giữa niên độ trong giai đoạn bốn năm, từ 2018 đến 2021. Mô hình nghiên cứu GMM được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả: Kết quả phân tích hồi quy cho thấy độ trễ báo cáo có tác động tích cực tác động đến mức độ công bố thông tin của báo cáo tài chính giữa niên độ; các công ty được BIG4 kiểm toán có xu hướng có mức độ đánh giá cao hơn công bố thông tin. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản càng cao thì mức độ công bố thông tin càng cao; quy mô công ty càng lớn thì mức độ công bố càng cao. Cơ cấu vốn chủ sở hữu và đòn bẩy không ảnh hưởng đến mức độ công bố của báo cáo tài chính giữa niên độ. Tóm lại, mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ cần được cải thiện để tăng tính minh bạch. Ngoài ra, tiếp tục khuyến khích các công ty này cung cấp thêm thông tin một cách tự nguyện, các cơ quan chính phủ cần có biện pháp hữu hiệu quy định yêu cầu công bố thông tin đầy đủ từ các công ty niêm yết khác</p>		
18.	Nguyễn Thị Hồng Vân Phó Trưởng Ban Hợp tác Quốc tế	Áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán doanh nghiệp	<p>Trình bày và phân tích những vấn đề lý luận về áp dụng GTHL trong kế toán DN, bao gồm: + Các đối tượng kế toán áp dụng GTHL trong DN: Các đối tượng kế toán áp dụng GTHL khi ghi nhận ban đầu; Các đối tượng kế toán áp dụng GTHL sau ghi nhận ban đầu; Áp dụng GTHL để đánh giá sự suy giảm giá trị TS</p>	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng:

			+ Xác định GTHL: Các phương pháp xác định GTHL và Dữ liệu sử dụng xác định GTHL		+ Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
19.	Lưu Hữu Đức Trưởng Ban Quản lý đào tạo	<i>Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phê duyệt tín dụng tại ngân hàng.</i> Thuộc bài báo: “Factors Influencing the Credit Approval Process at Kien Long Bank” Tạp chí: Business and Economic Research ISSN 2162-4860 2023, Vol. 13, No. 3 Tác giả: Lưu Hữu Đức, Trần Thanh Thu (Trang 83-91).	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động tín dụng của ngân hàng Kiên Long, dựa trên dữ liệu nghiên cứu 30 chi nhánh của ngân hàng. Qua đó, đề xuất giải pháp, kiến nghị tới hệ thống ngân hàng nói chung về tốc độ tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ dự phòng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, chiến lược ... nhằm đảm bảo cung cấp tín dụng an toàn.	Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho hệ thống NHTM, TCTD để cấp tín dụng an toàn và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước	Bộ (ngành)
20.	Lưu Hữu Đức Trưởng Ban Quản lý đào tạo	<i>Mối quan hệ giữa công bố thông tin trách nhiệm xã hội và tình hình tài chính doanh nghiệp.</i> Thuộc bài báo: “RESEARCH ON THE RELATIONSHIP BETWEEN CORPORATE SOCIAL	Nghiên cứu tác động tích cực của công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tới tình hình tài chính của doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp. Với việc sử dụng 25 tiêu chí đánh giá CSR, trong đó tập trung vào ba khía cạnh chính là môi trường, nhân viên và cộng đồng xã hội. Nghiên cứu nâng cao nhận thức giữa các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý	Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các doanh nghiệp niêm yết, để tăng cường công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tác động tích cực tới cộng đồng xã hội và tình hình tài chính của công ty, tăng cường sự minh bạch, trách nhiệm của doanh nghiệp và sáng kiến được sử	Bộ (ngành)

		<p>RESPONSIBILITY INFORMATION DISCLOSURE AND CORPORATE FINANCIAL PERFORMANCE: AN EMPIRICAL EVIDENCE IN VIETNAM”</p> <p>Tạp chí: ICIC International ISSN 2185-2766, Số 6, năm 2022.</p> <p>Tác giả: Đào Văn Thi, Lưu Hữu Đức, Phạm Ngọc Hải.</p>	<p>doanh nghiệp, xã hội. Cân bằng lợi ích kinh tế và phát triển bền vững.</p>	<p>dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	
21.	<p>Lưu Hữu Đức Trưởng Ban Quản lý đào tạo</p>	<p><i>Rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam</i></p> <p>Thuộc sách chuyên khảo: “Rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”</p> <p>Tác giả: TS. Lưu Hữu Đức, TS. Phan Thủy Dương. Năm 2023</p>	<p>Tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về rủi ro tài chính, quản trị rủi ro tài chính, các nhân tố ảnh hưởng tới rủi ro tài chính và quản trị rủi ro tài chính. Kinh nghiệm quản trị rủi ro Tài chính của các doanh nghiệp ở một số quốc gia. Tác giả đánh giá rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam. Đánh giá hoạt động nhận diện, đo lường và xử lý rủi ro ở doanh nghiệp. Đưa ra những khuyến nghị trong các hoạt động trên.</p>	<p>Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu nghiên cứu cho các doanh nghiệp, tổ chức và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	Bộ (ngành)
22.	<p>Lưu Hữu Đức Trưởng Ban Quản lý đào tạo</p>	<p><i>Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</i></p>	<p>Tác giả đã hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tác động của nó tới hoạt động của doanh nghiệp; các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Nghiên cứu những nhân tố tác động tới hoạt động ĐMST</p>	<p>Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các doanh nghiệp tăng cường hoạt động ĐMST và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham</p>	Bộ (ngành)

		Thuộc sách chuyên khảo: <i>“Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư”</i> Tác giả: Nguyễn Hồng Chính, Lưu Hữu Đức. Năm 2023	trong doanh nghiệp, thực trạng hoạt động ĐMST trong doanh nghiệp ở Việt Nam. Đề xuất những kiến nghị chính sách, những giải pháp thúc đẩy hoạt động ĐMST cho các doanh nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước	
23.	Phạm Thị Hà Phó trưởng Ban Quản lý đào tạo	<i>Giải pháp thúc đẩy liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp</i> (Năm trong Đề tài cấp Học viện năm 2023)	Xây dựng mô hình giáo dục đại học (GDĐH) 4.0 với liên kết giữa 3 nhà: Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp (DN) để khai thác các lợi thế của công nghệ giáo dục, hình thành hệ thống GDĐH chuyển đổi số theo hướng mở, học tập suốt đời, tương tác và cá thể hóa; trong đó: + Cần phải xác định rõ mức độ liên kết đào tạo và vai trò của từng chủ thể để có chiến lược liên kết, hợp tác bền chặt hơn và lâu dài. + Nhà nước đóng vai trò là mối quan hệ tổng hòa, vừa định hướng, vừa xúc tác để quá trình liên kết giữa Trường đại học và DN trở nên hiệu quả hơn. + Trường đại học cần phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu sở hữu các kết quả nghiên cứu, tri thức và công nghệ và đây	Sáng kiến đã giúp cho các trường đại học và các nhà quản lý giáo dục Có cái nhìn toàn diện và định hướng rõ ràng hơn cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đại học trong điều kiện chuyển đổi số và toàn cầu hóa	Bộ (ngành)

			<p>chính là nơi cung cấp các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của DN.</p> <p>+ DN vừa là nơi khởi nguồn của nhu cầu, vừa là chủ thể thúc đẩy việc giải quyết nhu cầu nguồn nhân lực của các Trường đại học. DN đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ về mọi mặt cho Trường đại học; trong đó sự chia sẻ kinh nghiệm, tài chính, nhân sự có yếu tố quyết định sự thành công của mối quan hệ hợp tác lâu dài.</p>		
24.	Phạm Minh Việt Phó trưởng ban QLĐT	<p><i>Đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</i></p> <p>Sáng kiến thuộc bài báo: “Research on Factors Affecting Credit Risk of Joint Stock Commercial Banks on Vietnam Stock Market”. Bài báo Quốc tế JPB, Vol 8, Issue 10 (2023), Pages: 01-17. Tác giả: TS. Nguyễn Văn Bình; TS. Phạm Minh Việt, TS. Đoàn Thị Hải Yến, TS. Hồ Thị Hoài Thu.</p>	<p>RRTD là loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của các ngân hàng, được biểu hiện thông qua khả năng không chi trả được nợ của người đi vay đối với người cho vay. Các yếu tố ảnh hưởng đến RRTD rất đa dạng và liên quan đến quá trình tín dụng của ngân hàng với khách hàng. Là một nước đang phát triển, xếp hạng tín nhiệm tất cả các cấp ở Việt Nam vẫn cần được cải thiện. Vì vậy, việc tìm ra các yếu tố phù hợp tác động đến loại rủi ro này có ý nghĩa thiết thực. Mô hình thực nghiệm cho thấy có mối tương quan giữa các yếu tố tác động và rủi ro tín dụng bao gồm 6 biến SIZE, LG, ROA, NIM, ETA, LDR và CIR, trong đó ETA và LDR có ảnh hưởng tỷ lệ thuận và CIR có ảnh hưởng tỷ lệ nghịch đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại; các biến còn lại SIZE, LG, ROA, NIM không ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần hoàn thiện bài báo Quốc tế; bài báo đã được đăng vào ngày 19/10/2023; bài báo được đăng tải tại trang web: https://doi.org/10.26668/businessreview/2023.v8i10.3949.</p> <p>Sáng kiến được áp dụng từ tháng 11 năm 2023, sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	Bộ (ngành)

			<p>Nam. Các kết quả này là cơ sở quan trọng để đề xuất một số giải pháp hạn chế rủi ro và tối đa hóa lợi ích của các ngân hàng thương mại. Đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chặt chẽ các khoản cho vay với các lĩnh vực rủi ro như chứng khoán, bất động sản. - Sử dụng các chi phí hợp lý và xác định cụ thể các hạng mục cần cắt giảm chi phí - Kết hợp ứng dụng công nghệ trong từng khâu hoạt động để tiết giảm thiểu chi phí thấp nhất. <p>Bên cạnh đó bổ sung thêm các giải pháp về: Cải thiện hệ số thanh toán ngắn hạn; cải thiện khả năng sinh lời; nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.</p>		
25.	<p>1. Phạm Minh Việt Phó trưởng ban QLĐT</p> <p>2. Đoàn Thị Thúy Nga Chuyên viên chính, Ban QLĐT</p> <p>3. Bùi Thị Hằng Chuyên viên chính, Ban QLĐT</p>	<p><i>Giải pháp xét tuyển học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập THPT năm 2023 hệ đại học chính quy theo quy định mới của Bộ GD&ĐT.</i></p>	<p>Theo quy định tuyển sinh năm 2023, thí sinh không phải đăng ký tổ hợp xét tuyển mà do cơ sở đào tạo tự xác định tổ hợp phù hợp và có lợi cho thí sinh. Ngoài ra, công tác xét tuyển cần phải nghiên cứu cách thức xử lý dữ liệu nhằm tăng tính hiệu quả và độ chính xác tuyệt đối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả cấu trúc dữ liệu và quy ước xác định tổ hợp xét tuyển đối với diện xét tuyển học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập THPT năm 2023 (đ/c Việt). - Tổ chức dữ liệu xét tuyển đối với diện xét tuyển học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập THPT năm 2023 (đ/c Nga). - Thực hiện kiểm thử kết quả xét tuyển đối với diện xét tuyển học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập THPT năm 2023 (đ/c Hằng). 	<p>Áp dụng từ tháng 07/2023. Đã hoàn thành cho hơn 22.000 thí sinh xét tuyển.</p>	<p>Học viện Tài chính</p>

26.	Ngô Thanh Hoàng Trưởng Ban QLKH	Tổng quan về Kế toán và Kế toán quản trị khu vực công - Nội dung, nguyên tắc Kế toán quản trị quốc tế.	Kế toán quản trị đang trở thành xu thế mới của kế toán hiện đại, đây là lĩnh vực chuyên môn của kế toán nói chung và khu vực công nói riêng nhằm giúp những người quản lý đơn vị ra quyết định điều hành một cách tối ưu nhất. Sáng kiến: <i>“Tổng quan về Kế toán và Kế toán quản trị khu vực công - Nội dung, nguyên tắc Kế toán quản trị quốc tế”</i> tập trung nghiên cứu các vấn đề: Về vai trò của kế toán quản trị đối với các nhà quản trị tổ chức (chủ yếu là ở khu vực công) như thế nào; Đồng thời nghiên cứu giải thích các nguyên tắc KTQT quốc tế một cách kỹ lưỡng cũng như nghiên cứu tình hình áp dụng các nguyên tắc KTQT khu vực công tại các nước tiên tiến phát triển làm cơ sở cơ sở để đề xuất các ý kiến với mong muốn kế toán quản trị công trong các đơn vị sự nghiệp công lập Việt Nam nhanh chóng vươn tầm quốc tế.	Sáng kiến tạo tiền đề cho việc nghiên cứu tình hình áp dụng các nguyên tắc Kế toán quản trị tại các nước tiên tiến phát triển để từ đó có bài học kinh nghiệm cho khu vực công ở Việt Nam, trên cơ sở đề đưa ra các giải pháp áp dụng nguyên tắc áp dụng nguyên tắc KTQT quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam sao cho có hiệu quả; Là nguồn tài liệu hữu ích đối với cơ quan Nhà nước trong việc phục vụ xây dựng chính sách. Mặt khác, là tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán;	* Phạm vi ảnh hưởng: Cấp Bộ, ngành - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. - Các đơn vị thuộc khu vực công ở Việt Nam trên phạm vi toàn quốc mà trọng tâm là các đơn vị Hành chính sự nghiệp
27.	Ngô Thanh Hoàng Trưởng Ban QLKH	Sự tác động của nhân tố đến quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của sáu huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là vấn đề quan tâm không nhỏ của mỗi địa phương trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Sáng kiến được tác giả tập trung vào công tác điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá sự tác động của các nhân tố (vốn đầu tư, trình độ KHCN, NSLĐ, thể chế chính sách, sự ủng hộ của người dân và doanh nghiệp) ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của 06 địa phương ven biển trên địa bàn tỉnh Thanh	Sáng kiến đã cung cấp các bằng chứng khoa học cho tỉnh Thanh Hóa và 06 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa về các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của 06 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa. Tạo tiền đề đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng nhanh, bền vững cho 06 huyện	*Phạm vi ảnh hưởng: Cấp tỉnh. - Là một trong những cơ sở để cơ quan quản lý các cấp tỉnh Thanh Hóa ra các quyết định triển khai thực hiện có hiệu quả các giải

			<p>Hóa. Là cơ sở đưa ra các giải pháp chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế các huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa theo hướng phát triển nhanh và bền vững đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, góp phần mang lại một tầm vóc mới cho 06 huyện, thị xã, thành phố ven biển của Tỉnh, đóng góp vào quá trình tăng trưởng, phát triển chung của toàn tỉnh Thanh Hóa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương trong tương lai gần.</p>	<p>ven biển, góp phần đặt 06 huyện ven biển trở thành trọng tâm trong tầm nhìn phát triển của tỉnh Thanh Hóa theo hướng nhanh và bền vững trong thời gian tới. Mặt khác, là tài liệu tham khảo cho các cho các nhà quản lý, các cơ sở giáo dục đại giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán ở Thanh Hóa và Việt Nam nói chung.</p>	<p>pháp chuyển dịch CCNKT cho 06 huyện, thị xã, thành phố ven biển. *Khả năng nhân rộng: - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý các tỉnh, thành phố trên lãnh thổ Việt Nam. - Đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo cho các cơ sở giáo dục đại học khối kinh tế trên phạm vi toàn quốc.</p>
28.	Nguyễn Hồng Chinh – Ban QLKH	<p>Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 – 2020.</p>	<p>Sử dụng các tiêu chí khác nhau để phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch và xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chỉ rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Là cơ sở đưa ra các giải pháp chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế các huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa theo hướng phát triển nhanh và bền vững đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, góp phần mang lại một tầm vóc mới cho 06 huyện, thị xã,</p>	<p>Sáng kiến đã cung cấp các bằng chứng khoa học cho huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa về những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn 2011 – 2020. Tạo tiền đề đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng nhanh, bền vững cho 06 huyện</p>	<p>*Phạm vi ảnh hưởng: Cấp tỉnh. - Là một trong những cơ sở để cơ quan quản lý các cấp tỉnh Thanh Hóa ra các quyết định triển khai thực hiện có hiệu quả các giải</p>

			thành phố ven biển của Tỉnh, đóng góp vào quá trình tăng trưởng, phát triển chung của toàn tỉnh Thanh Hóa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương trong tương lai gần.	ven biển, góp phần đặt 06 huyện, thị xã ven biển... của tỉnh Thanh Hóa	pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế các huyện, thị xã, thành phố ven biển. * Khả năng nhân rộng: Là nguồn tài liệu tham khảo cho các cơ sở giảng dạy và nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc.
29.	Nguyễn Hồng Chinh – Ban QLKH	Nội dung nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế	Báo cáo chuyên đề làm rõ các nội dung về nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế. Nghiên cứu giải thích các nguyên tắc kế toán quản trị (KTQT) quốc tế. Các nguyên tắc này dựa trên hướng dẫn thông lệ thực hành tốt nhất được soạn thảo vào năm 2017 bởi Hiệp hội KTQT công chứng Anh (CIMA) và Hiệp hội kế toán viên công chứng của Mỹ (AICPA). Làm cơ sở để từ đó đưa ra các đánh giá về những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cần có giải pháp khắc phục và đánh giá khả năng áp dụng các nguyên tắc KTQT quốc tế tại khu vực công của Việt Nam nói chung và đơn vị hành chính sự nghiệp nói riêng	Sáng kiến làm rõ các nội dung về nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế, làm căn cứ giúp ban chủ nhiệm đề tài đề xuất giải pháp “Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam”. Là nguồn tài liệu hữu ích đối với cơ quan Nhà nước trong việc phục vụ xây dựng chính sách. Mặt khác, là tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán;	* Phạm vi ảnh hưởng: Cấp Bộ, ngành - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. - Các đơn vị thuộc khu vực công ở Việt Nam trên phạm vi toàn quốc mà trọng tâm là các đơn vị

					Hành chính sự nghiệp
30.	Nguyễn Đình Sơn Thành Trưởng Ban QTTB&ĐTXD	<p>“IMPACTS OF CORPORATE CAPITAL STRUCTURE ON BUSINESS EFFICIENCY OF REAL ESTATE AND CONSTRUCTION FIRMS LISTED ON THE VIETNAM STOCK EXCHANGE”</p> <p>Đăng trên hội thảo Khoa học quốc tế Icrmat năm 2023 tổ chức tại đại học Công nghiệp Hà Nội</p>	<p>Mục đích của sáng kiến này là điều tra sự ảnh hưởng của các yếu tố cấu trúc vốn đến hiệu quả kinh doanh của 68 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng. Các doanh nghiệp này được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và dữ liệu được thu thập từ năm 2011 đến năm 2021, dẫn đến tổng số 628 quan sát. Nghiên cứu sử dụng nhiều mô hình thống kê khác nhau, bao gồm Bình phương tối thiểu thông thường (OLS), Mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM), Mô hình hiệu ứng cố định (FEM) và mô hình GLS để điều chỉnh. Các phát hiện cho thấy bảy yếu tố cơ cấu vốn tác động đáng kể đến hiệu quả kinh doanh. Các yếu tố này bao gồm: (1) tuổi của doanh nghiệp, (2) tốc độ tăng trưởng doanh thu, (3) tỷ lệ nợ ngắn hạn trên tổng tài sản, (4) tỷ lệ nợ dài hạn trên tổng tài sản, (5) tổng tỷ lệ nợ trên tổng tài sản, (6) tỷ lệ giá trị tài sản cố định ròng trên tổng tài sản và (7) tỷ lệ phần trăm thay đổi trong tổng tài sản.</p>	<p>Sáng kiến “IMPACTS OF CORPORATE CAPITAL STRUCTURE ON BUSINESS EFFICIENCY OF REAL ESTATE AND CONSTRUCTION FIRMS LISTED ON THE VIETNAM STOCK EXCHANGE”</p> <p>là một cơ sở quan trọng nhằm điều tra sự ảnh hưởng của các yếu tố cấu trúc vốn đến hiệu quả kinh doanh của 68 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng</p>	<p>Sáng kiến “IMPACTS OF CORPORATE CAPITAL STRUCTURE ON BUSINESS EFFICIENCY OF REAL ESTATE AND CONSTRUCTION FIRMS LISTED ON THE VIETNAM STOCK EXCHANGE”</p> <p>Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với Bộ Tài chính, UBCK nhà Nước, sở ban ngành trong việc quản lý, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam, áp dụng làm tài liệu giảng dạy</p>

					với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế
31.	Nguyễn Đình Sơn Thành Trưởng Ban QTTB&ĐTXD	<p>“Application of Blockchain Technology in Accounting and Business Management in the Digital Era”</p> <p>Đăng trên hội thảo Khoa học quốc tế (FASPS5) năm 2023 tổ chức tại Học viện Tài chính</p>	<p>Mục đích của sáng kiến này là trong thời đại số, việc ứng dụng công nghệ blockchain trong kế toán, quản lý doanh nghiệp không chỉ là xu hướng mới mà còn là bước đột phá đáng kể. Blockchain, với các tính năng cơ bản như tính minh bạch, bảo mật và tính bất biến, đang tăng cường quá trình ghi lại và xác minh thông tin trong kế toán, giảm rủi ro gian lận và củng cố niềm tin giữa các bên liên quan. Ứng dụng này không chỉ đơn thuần là theo dõi và xác minh các giao dịch. Blockchain cũng có tiềm năng cách mạng hóa việc quản lý tài sản, quản lý hợp đồng và thậm chí giám sát chuỗi cung ứng. Bằng cách tạo ra một hệ thống thông tin có khả năng chống giả mạo từ bên ngoài và có thể xác minh dễ dàng, blockchain giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí và tăng hiệu quả hoạt động.</p> <p>Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ này không phải là không có thách thức. Các vấn đề liên quan đến quyền riêng tư, hiểu biết về công nghệ và tích hợp vào các hệ thống hiện tại đều là những điểm cần được xem xét cẩn thận. Bài viết này nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về tiềm năng và thách thức mà công nghệ blockchain đặt ra trong lĩnh vực kế</p>	<p>Sáng kiến “Application of Blockchain Technology in Accounting and Business Management in the Digital Era”</p> <p>là một cơ sở quan trọng nhằm ứng dụng công nghệ blockchain trong kế toán, quản lý doanh nghiệp không chỉ là xu hướng mới mà còn là bước đột phá đáng kể</p>	<p>Sáng kiến “Application of Blockchain Technology in Accounting and Business Management in the Digital Era”</p> <p>“Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với Bộ Tài chính, UBCK Nhà nước, sở ban ngành trong việc quản lý, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế</p>

			toán và quản lý doanh nghiệp trong thời đại kỹ thuật số ngày nay.		
32.	<p>1. Đặng Việt Hùng Chuyên viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>2. Nguyễn Quang Vịnh Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>3. Nguyễn Phong Vũ Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p>	Thi công bãi đỗ xe trong sự kiện kỉ niệm 60 năm thành lập Học viện.	<p>- đ/c Đặng Việt Hùng: Xuất phát từ lý do khu dự án mới của Học viện tại 69 Đức Thắng hiện nay chưa có bãi đỗ xe ô tô (dù đã được quy hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện). đ/c Hùng đã tìm hiểu, nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo Ban; Lãnh đạo Học viện phê duyệt thi công bãi để xe ô tô phục vụ lễ kỉ niệm 60 năm.</p> <p>-đ/c Nguyễn Quang Vịnh : Sau khi được Lãnh đạo Học viện phê duyệt phương án, đ/c Vịnh đã tích cực, chủ động tham gia trong việc lựa chọn mặt bằng.</p> <p>đ/c Nguyễn Phong Vũ theo dõi, giám sát đơn vị thi công san lấp mặt bằng đảm bảo đúng tiến độ.</p>	Bãi đỗ xe đủ cho số lượng lớn khách tới tham dự trong lễ kỉ niệm 60 năm thành lập Học viện.	Học viện Tài chính
33.	Nguyễn Thu Hiền Chuyên viên, Ban QTTB&ĐTXD	Xử lý tình huống trong công tác quản lý thanh toán của gói thầu xây dựng.	Trong quá trình thi công có nhiều tình huống nhỏ lẻ phát sinh như dự toán tính thiếu, thiết kế thiếu, bổ sung chi tiết cho thiết kế, bổ sung thiết kế... Nếu thực hiện theo đúng quy trình thì mất rất nhiều thủ tục và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Chính vì vậy tôi đã đề xuất gộp các nội dung tình huống xử lý vào một hồ sơ điều chỉnh chung để cấp có thẩm quyền phê duyệt. Rút ngắn thủ tục thời gian thực hiện.	Trong các đợt thanh toán khối lượng thi công từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2023 tôi đã áp dụng sáng kiến của mình trao đổi với các đơn vị thi công, tư vấn để phối hợp thực hiện. Tạo hiệu quả đảm bảo công trình hoàn thành đúng tiến độ và hoàn thành công tác nghiệm thu thanh toán giải ngân của các dự án, giúp Học viện quản lý về tài chính, chất lượng công trình.	Phạm vi ảnh hưởng của Sáng kiến được đưa ra có thể áp dụng cho các Hợp đồng xây dựng tại Học viện Tài chính.
34.	Nguyễn Bá Lợi Kỹ sư, Ban QTTB&ĐTXD	<i>Kiến nghị nhằm Thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước</i>	Mục đích của sáng kiến này là đưa ra các kiến nghị với Bối cảnh mới với nhiều cơ hội và thách thức như hiện nay đòi hỏi	Sáng kiến là một cơ sở quan trọng nhằm Thu hút hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối	Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với Bộ Tài

		<p><i>ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam”</i></p> <p>Đăng trên hội thảo Khoa học quốc gia có tên “ Vai trò của Tài chính hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong thời kỳ mới” năm 2023 do Tổng cục hải quan kết hợp với Học viện Tài chính tổ chức tại Bắc Ninh</p>	<p>Việt Nam cần phải có những thay đổi về định hướng chiến lược thu hút FDI trong thời gian tới, cụ thể như sau:</p> <p><i>Thứ nhất</i>, Bộ Tài Chính phối hợp với Bộ Ngoại giao, bộ Kế hoạch đầu tư và các bộ, ngành khác xây dựng chiến lược thu hút vốn đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (địa bàn địa phương, ngành công nghệ ưu tiên, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư mang tính cạnh tranh...).</p> <p><i>Thứ hai</i>, tiếp tục tập trung phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh Covid-19, song song với đó phục hồi nền kinh tế sau đại dịch để các nhà đầu tư có thể yên tâm tiếp cận, tìm hiểu thị trường Việt Nam. Duy trì ổn định môi trường vĩ mô, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế đối với các cú sốc từ bên ngoài. Đồng thời, luôn đảm bảo tính nhất quán, ổn định và phù hợp của các cơ chế chính sách về: thuế, đất đai, lao động... để các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn tại Việt Nam.</p> <p><i>Thứ ba</i>, rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp trong việc phân cấp phê duyệt đầu tư, tinh gọn quy trình, thủ tục nhanh gọn; công bố quy định, quy trình công khai minh bạch. Xây dựng các chiến lược dài hạn cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, đảm bảo công khai, minh bạch, thủ tục hành chính cần được tiếp tục đơn giản hóa, thuận tiện, hiệu quả... Đẩy mạnh đầu</p>	<p>cảnh mới tại Việt Nam là việc tập trung vào nỗ lực cải thiện khả năng thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, đáp ứng thách thức và cơ hội của bối cảnh kinh tế thay đổi</p>	<p>chính, sở ban ngành trong việc quản lý, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế</p>
--	--	--	---	---	---

			tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng bộ (khu công nghiệp, điện, nước, hạ tầng giao thông vận tải, thông tin, logistics, dịch vụ đi kèm khu công nghiệp...).		
35.	<p>1. Nguyễn Nam Sơn Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD.</p> <p>2. Nguyễn Hồng Ánh Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>3. Nguyễn Văn Thân Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p>	Cải tạo, sửa chữa giảng đường B1, B2, B3, B4 khu nội trú ký túc xá B7 nhằm tách biệt khu nhà ở nội trú và giảng đường tại Học Viện.	<p>- đ/c Nguyễn Nam Sơn: Khảo sát tình hình thực tế tại khu nhà ở nội trú ký túc xá B7 và khu giảng đường cơ sở mới để các em sinh viên được tiếp cận và học tập tại cơ sở mới khang trang và hiện đại hơn giúp các em học tập và nghiên cứu khoa học hiệu quả nhất.</p> <p>- đ/c Nguyễn Hồng Ánh: Kiểm tra, báo cáo và lên kế hoạch dịch chuyển các em sinh viên ra cơ sở mới để các em chuyên tâm vào việc học và nghiên cứu khoa học.</p> <p>- đ/c Nguyễn Văn Thân: Kiểm tra khảo sát và lên kế hoạch sửa chữa phòng học B1, B2, B3, B4 sang phòng ở Ký túc xá, giúp cho khu ở nội trú ký túc xá B7 có nhiều phòng nội trú hơn.</p>	Từ khi cải tạo sửa chữa xong khu nhà ở ký túc xá B7 có thêm nhiều phòng nội trú hơn. Các em sinh viên ra cơ sở mới được tiếp cận với hệ thống giảng đường mới khang trang sạch đẹp và hiện đại hơn góp phần thay đổi diện mạo mới của Học Viện. Các em sinh viên hăng say học tập, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động ngoại khóa.	Học viện Tài chính
36.	<p>1) Nguyễn Anh Tuấn Chuyên viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>2) Nguyễn Văn Hiệp Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>3) Ngô Văn Thắng Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p>	Đề xuất lắp đặt thay thế hệ thống chiếu sáng cho các giảng đường ở 19 hàng cháo và 58 lê văn hiến. Từ bóng tuýp 1.2m máng điện Tắc Te(starter) sang bóng Led ốp trần 60x60cm.	<p>-đ/c Nguyễn Anh Tuấn : Phát hiện bóng cũ và hỏng đề xuất lãnh đạo ban cho thay thế loại bóng mới.</p> <p>- đ/c Nguyễn Văn Hiệp: Tìm hiểu thông tin loại bóng phù hợp và đề xuất.</p> <p>-đ/c Ngô Văn Thắng : Thống kê số lượng bóng cần thay thế.</p>	Sáng kiến giúp các hội trường giảng đường được chiếu sáng ổn định hơn, sáng hơn, tuổi thọ bóng cao hơn, đẹp về mặt thẩm mỹ hơn. Sinh viên không còn bị thiếu ánh sáng trong lúc học tập.	Học viện Tài chính

37.	<p>1) Ngô Văn Quyết Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>2) Hoàng Chí Thanh Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p>	<p>Đề xuất lắp đặt van xả E tự động cho hệ bơm nước ở 58 lê văn hiến và 69 đức thắng.</p>	<p>- đ/c Ngô Văn Quyết: Phát hiện ra lỗi và đề xuất lãnh đạo Ban lắp đặt van xả E cho hệ thống bơm nước.</p> <p>- đ/c Hoàng Chí Thanh: Tìm hiểu thông tin loại van phù hợp,thống kê số lượng van cần lắp đặt và đề xuất.</p>	<p>Sáng kiến lắp đặt van xả E tự động đã giúp hệ thống bơm nước hoạt động ổn định,hiệu quả và không còn bị tình trạng mất nước và thiếu nước,đảm bảo cấp nước đầy đủ phục vụ sinh hoạt cho toàn thể cán bộ giảng viên và sinh viên.</p>	<p>Học viện Tài chính</p>
38.	<p>1. Lại Văn Lương Kỹ sư, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>2. Đỗ Hữu Thuận Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p> <p>3. Trần Quang Thiện Nhân viên, Ban QTTB&ĐTXD</p>	<p>Nạo vét bùn, phát cây dọn cỏ làm công tác vệ sinh tuyến mương thủy lợi trong ranh giới dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đại học- Học viện tài chính</p>	<p>Do tuyến mương lâu ngày không được vệ sinh do đó bùn rác, lắng đọng nhiều có thể gây tắc dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường của Học viện và khu vực lân cận do đó nhóm tác giả đã đưa ra sáng kiến “Nạo vét bùn, phát cây dọn cỏ làm công tác vệ sinh tuyến mương thủy lợi trong ranh giới dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đại học- Học viện tài chính ” và từng cá nhân tham gia đóng góp vào sáng kiến như sau:</p> <p>-đ/c Lại Văn Lương là người nêu ra sáng kiến và chủ trì làm các văn bản đề trình lãnh đạo Học viện phê duyệt.</p> <p>-đ/c Đỗ Hữu Thuận đóng góp cho sáng kiến, bằng cách đưa ra cách thức thực hiện như phải nạo vét bùn, thu dọn bèo rác, cỏ mọc trên mặt mương...các nội</p>	<p>Sáng kiến đã mang lại cho một tuyến mương sạch sẽ hơn, lưu thông được dòng chảy và hạn chế được ô nhiễm môi trường cho Học viện và khu vực.</p>	<p>Học viện Tài chính</p>

			<p>dung công việc cần phải thực hiện của sáng kiến.</p> <p>- đ/c Trần Quang Thiện đi khảo sát, thực địa cụ thể từng vị trí, từng khu vực để cung cấp các số liệu kích thước chiều dài tuyến mương và hai bên bờ tuyến mương phải làm công tác vệ sinh. Và chịu trách nhiệm giám sát thực hiện sáng kiến.</p>		
39.	<p>Nguyễn Thị Hương Thủy Phó Trưởng ban Khảo thí và QLCL, Học viện Tài chính</p>	<p>Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội</p>	<p>Lý luận về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số</p>	<p>Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà quản lý tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam; có ý nghĩa tham khảo với ngành Thuế nói chung và các Cục thuế nói riêng để</p>

					nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; chống thất thu Ngân sách Nhà nước
40.	Đỗ Thị Thanh Thủy Ban Khảo thí và QLCL, Học viện Tài chính	Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội	Kinh nghiệm của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số	Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà quản lý tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam; có ý nghĩa tham khảo với ngành Thuế nói chung và các Cục thuế nói riêng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh

					doanh trên nền tảng số; chống thất thu Ngân sách Nhà nước
41.	Chúc Anh Tú - Trưởng ban Khảo thí và QLCL, Học viện Tài chính	Hình thành và phát triển trụ cột phục vụ cộng đồng	Nhận diện và xác định thế nào là phục vụ cộng đồng; Đề xuất các giải pháp phát triển phục vụ cộng đồng tại HVTC	Toàn Học viện	Toàn Học viện
42.	Chúc Anh Tú - Trưởng ban Khảo thí và QLCL, Học viện Tài chính	Làm rõ một số nội dung khi cơ sở giáo dục đại học tham gia kiểm định và xếp hạng quốc tế	Tổng hợp trình bày các tiêu thức xếp hạng quốc tế theo các tiêu chuẩn, trọng số và đưa ra các khuyến nghị khi các cơ sở giáo dục đại học tham gia kiểm định và xếp hạng quốc tế	Toàn quốc	Toàn quốc
43.	Chúc Anh Tú - Trưởng ban Khảo thí và QLCL, Học viện Tài chính	Trao đổi về nâng cao công tác Kiểm định tại Học viện Tài chính giai đoạn hiện nay	Đánh giá thực trạng công tác Kiểm định tại HVTC (công tác chuẩn bị, công tác triển khai Kiểm định và công tác cải tiến). Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao công tác KĐ tại HVTC trong điều kiện ứng dụng CNTT	Toàn Học viện	Toàn Học viện
44.	Trần Thị Thanh Hằng Thư viện viên - Thư viện Học viện Tài chính Nguyễn Thị Diệp Chi Thư viện viên - Thư viện Học viện Tài chính	Tính sáng tạo và khoa học trong công tác tổ chức, sắp xếp Nhà sách Thư viện tại 58 Lê Văn Hiến theo chuyên ngành học của Học viện.	Thời gian trước sắp xếp theo vần chữ cái ABC nên khi có bạn đọc mua lấy rất khó, từ tháng 10/2023 chúng tôi đã sắp xếp lại theo chuyên ngành học của Học viện. Đ/c Trần Thị Thanh Hằng sau một thời gian nghiên cứu thấy không phù hợp đã đưa ra ý tưởng là sắp xếp lại nhà sách theo 2 hình thức: Đầu sách giáo trình Tiếng Việt theo chuyên ngành học, đầu sách ngoại văn để một giá riêng để bạn đọc vào tự chọn.	Sau khi sắp xếp các đầu giáo trình theo ngôn ngữ và môn loại đã giúp viên chức tìm và lấy sách bán cho sinh viên rất thuận lợi và nhanh chóng. Nhất là vào đầu mỗi giai đoạn học sinh viên mua rất đông nhưng chỉ tranh thủ giờ giải lao đến mua nên có rất ít thời gian.	Được áp dụng từ tháng 10 năm 2023. Sáng kiến đã được đánh giá cao về mặt thực tiễn, vừa thể hiện tính khoa học và sáng tạo trong đổi mới phương thức làm việc cũng như đáp ứng

			Đ/c Nguyễn Thị Diệp Chi là người thực hiện sắp xếp dưới sự hướng dẫn của đ/c Trần Thị Thanh Hằng		được nhu cầu tìm mua tài liệu của bạn đọc chính xác, đầy đủ, kịp thời những đòi hỏi cao trong công tác phục vụ tại thư viện khi Học viện đang từng bước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính.
45.	Nguyễn Việt Tiến Giám đốc Thư viện Học viện Tài chính Lê Thị Hương Thư viện viên - Thư viện Học viện Tài chính	Xây dựng phòng đọc, phòng phát hành giáo trình phục sinh viên tại cơ sở 69 Đức Thắng	Xây dựng 01 phòng đọc và 01 phòng phát hành giáo trình tại cơ sở 69 Đức Thắng nhằm mục đích phục vụ giảng viên, sinh viên thuận tiện trong việc tiếp cận với nguồn giáo trình do Học viện xuất bản cũng như có môi trường học tập và nghiên cứu. Đ/c Nguyễn Việt Tiến là người đưa ra ý tưởng xây dựng phòng đọc và phòng phát hành sách tại cơ sở 69 Đức Thắng. Đ/c Lê Thị Hương là người thực hiện tổ chức, sắp xếp và phục vụ tại cơ sở 69 Đức Thắng	Giải pháp mở cửa Phòng đọc tại cơ sở 69 Đức Thắng đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, đáp ứng nhu cầu thông tin cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có không gian tự học, tra cứu tài liệu và tiếp cận nguồn học liệu tại thư viện.	Thời gian áp dụng từ tháng 11 năm 2023, giải pháp nhận được sự quan tâm và đánh giá cao từ giảng viên và sinh viên đang làm việc và học tập tại Học viện.
46.	Ngô Văn Hậu Giám đốc Trung tâm BD&TVTCKT	Bài học về áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán cho Việt Nam	Nghiên cứu các quan điểm áp dụng GTHL trong kế toán của các tổ chức lập quy kế toán quốc tế như: Quan điểm về GTHL trong kế toán theo FASB; Quan điểm về GTHL trong kế toán theo IASB. Nghiên cứu đưa ra một số bài học chính cho Việt Nam trong việc áp dụng GTHL trong kế toán tại các doanh nghiệp nói	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết

			chung và các DNNY trên TTCK Việt Nam nói riêng từ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong việc áp dụng GTHL trong kế toán.		- Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
47.	<p>Nguyễn Thị Thanh Nga Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin</p> <p>Nguyễn Quốc Khánh Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p> <p>Nguyễn Thị Hiền Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p>	Sử dụng phần mềm miễn phí GoogleSheet để tạo lịch phân công coi thi trắc nghiệm máy	<p>Trong những năm qua Học viện chuyển nhiều môn học, học phần từ hình thức thi viết sang thi trắc nghiệm máy. Vì vậy, việc thi trắc nghiệm máy diễn ra thường xuyên và liên tục trong năm học. Việc phân công lịch coi thi trắc nghiệm qua máy tính cũng là việc làm thường xuyên và được xem là nhiệm vụ quan trọng đối với Trung tâm Thông tin. Để làm tốt được việc này, người được giao nhiệm vụ nhận lịch coi thi và phân công coi thi cho các cán bộ trong đơn vị cần phải có phương pháp hiện đại và khoa học. Để các cán bộ trong Trung tâm tìm kiếm lịch, theo dõi lịch coi thi của cá nhân hay của đơn vị trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn, tránh trường hợp trùng lặp bất cập. Chúng tôi đã đề xuất ứng dụng phần mềm miễn phí GoogleSheet vào việc tạo lịch phân công coi thi trắc nghiệm máy tại đơn vị.</p> <p>- Đ/c Nguyễn Thị Thanh Nga: Đưa ra ý tưởng, báo cáo Lãnh đạo Trung tâm, giao</p>	Sử dụng tiện ích GoogleSheet trong việc phân công lịch coi thi trắc nghiệm qua máy tính tại Trung tâm Thông tin giúp cho các đồng chí lãnh đạo, cán bộ trong đơn vị có thể giám sát và theo dõi một cách tổng thể quá trình thực hiện công việc của mình. Việc phân công ai coi thi ngày nào, giờ nào, phòng nào và đợt coi thi diễn ra trong bao lâu cũng được cụ thể hóa và nếu có thay đổi thì cập nhật đến mọi người cũng rất nhanh. Nhờ đó có thể hỗ trợ các đồng chí lãnh đạo trong việc đôn đốc, ra quyết định nhanh chóng. Cán bộ trong đơn vị có thể quản lý công việc mình đang làm mà không bị quên dẫn đến chủ động hơn trong công việc. Chỉ cần có internet và một chiếc điện thoại thông minh là cán bộ có thể biết được lịch coi	<p>Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến là toàn Học viện.</p> <p>Sử dụng và đem lại hiệu quả cao trong năm học 2023-2024.</p> <p>Có thể sử dụng được trong nhiều năm tiếp theo.</p>

			<p>việc cho các cán bộ. Tham gia kiểm tra nội dung, các thiết bị tương thích trước khi sử dụng chính thức.</p> <p>- Đ/c Nguyễn Quốc Khánh: Nêu ý tưởng về thiết kế khuôn mẫu, giao diện, nội dung, phối hợp tham gia thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng chính thức.</p> <p>- Đ/c Nguyễn Thị Hiền: Trực tiếp tạo lịch, góp ý, kiểm tra, đánh giá tiến độ công việc thực hiện, báo cáo lãnh đạo Trung tâm trước khi đưa vào sử dụng chính thức.</p>	<p>thi của mình và nếu có thay đổi lịch cũng sẽ biết được luôn.</p>	
48.	<p>Ngô Vút Bông Phó Giám đốc (PT) Trung tâm Thông tin</p> <p>Nguyễn Tiến Huy Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p> <p>Vũ Thị Diệu Loan Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p>	<p>Xây dựng phần mềm “quản lý văn bản”</p>	<p>Xây dựng phần mềm với các chức năng phục vụ cho nghiệp vụ quản lý văn bản như số hóa, lưu trữ, tra cứu, in ấn...các loại văn bản; Số hóa quy trình phê duyệt và ban hành văn bản...(Đ/c Ngô Vút Bông: Xây dựng dự án, phối hợp với công ty phần mềm triển khai dự án; Đ/c Vũ Thị Diệu Loan: Hoàn thiện giấy tờ, nghiệm thu phần mềm; Đ/c Nguyễn Tiến Huy: Thử nghiệm phần mềm, hỗ trợ triển khai phần mềm tới các đơn vị sử dụng).</p>	<p>Sau khi phần mềm được đưa vào sử dụng giúp các đơn vị lưu trữ, tìm kiếm văn bản thuận tiện và nhanh chóng, văn bản không bị thất lạc, hư hỏng...; Quy trình phê duyệt và ban hành văn bản trên môi trường số hóa giúp văn bản được thực hiện nhanh chóng, chính xác...</p>	<p>Phần mềm giúp các đơn vị tiết kiệm thời gian, công sức với các nghiệp vụ quản lý văn bản; tiết kiệm công sức, không gian lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn của văn bản...</p>
49.	<p>Dương Đức Thành Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p>	<p>“Thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam”</p> <p>Đăng trên hội thảo Khoa học quốc gia có tên “Vai trò của Tài chính hỗ trợ doanh</p>	<p>Mục đích của sáng kiến này là Thu hút hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam là việc tập trung vào nỗ lực cải thiện khả năng thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, đáp ứng thách thức và cơ hội của bối cảnh kinh tế thay đổi. Nghiên cứu xem xét các biện pháp tăng cường môi trường kinh doanh, tận dụng tiềm năng kinh tế số và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Bằng việc tận dụng các khuyến mãi và cơ chế hỗ trợ, Việt</p>	<p>Sáng kiến “Thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam” là một cơ sở quan trọng nhằm Thu hút hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam là việc tập trung vào nỗ lực cải thiện khả năng thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, đáp ứng thách thức</p>	<p>Sáng kiến “Thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam” Phạm vi ảnh hưởng áp dụng</p>

		<p>ngiệp xuất nhập khẩu trong thời kỳ mới” năm 2023 do Tổng cục hải quan kết hợp với Học viện Tài chính tổ chức tại Bắc Ninh.</p>	<p>Nam đang xây dựng một môi trường hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài. Điều này bao gồm việc tập trung vào các ngành kinh tế chiến lược, đẩy mạnh công nghệ số và phát triển hạ tầng kết nối. Cùng lúc, việc quản lý rủi ro và tạo sự minh bạch cũng được nhấn mạnh để đảm bảo lợi ích cả của nhà đầu tư và quốc gia. Bằng cách kết hợp các biện pháp này, nghiên cứu giúp làm sáng tỏ cách Việt Nam có thể thu hút hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thúc đẩy bền vững trong tương lai.</p>	<p>và cơ hội của bối cảnh kinh tế thay đổi</p>	<p>với Bộ Tài chính, sở ban ngành trong việc quản lý, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới tại Việt Nam ,áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế.</p>
50.	<p>Đình Quang Tiến Kỹ sư Trung tâm Thông tin</p>	<p>Sử dụng phần mềm vDos cho phòng thực hành</p>	<p>Để cho phép các chương trình DOS cũ hơn chạy trên các nền tảng Windows mới hơn, ta phải sử dụng máy DOS ảo (NTVDM). Windows 32-bit có máy ảo này nhưng phiên bản 64-bit thì không. Thay vào đó, người sử dụng Windows sẽ thấy một cảnh báo bật lên thông báo không thể chạy các chương trình DOS. vDos là trình mô phỏng DOS bên thứ ba, thay thế công nghệ NTVDM của Windows. Khi chạy phần mềm DOS thông qua vDos, nó sẽ tải trong cửa sổ riêng, thêm hỗ trợ mạng và in, cung cấp quyền truy cập clipboard rồi cho phép trực tiếp truy cập vào các file hệ thống. Tuy nhiên, vDos không phải là trình giả lập DOS duy nhất. DOSBOX là một biện</p>	<p>Tất cả các máy tính trong lớp học có thể chạy các chương trình phụ thuộc vào DOS như:Pascal....cùng các chương trình chạy trên DOS.</p>	<p>Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng tại Học viện Tài chính</p>

			pháp thay thế, chủ yếu được thiết kế cho những chương trình DOS cũ mà vDos không thể chạy, cũng có thể có thể sử dụng vDosPlus nhưng vDos thu được cập nhật đều đều hơn nhiều.		
51.	Vũ Duy Nguyên, Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính	Macroeconomic policy and its significance on the profitability of Joint Stock Commercial Banks in Vietnam (Chính sách kinh tế vĩ mô và ý nghĩa tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Nghiên cứu dựa trên phân tích dữ liệu của 30 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam từ năm 2005 đến 2022. Ngoài ra, thông tin về các yếu tố kinh tế vĩ mô được thu thập từ trang web của Ngân hàng Thế giới (WB). Bài báo tập trung vào các phương pháp nghiên cứu định lượng bao gồm phân tích hệ số tài chính và hồi quy đa biến với bảng số liệu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam. Đồng thời, áp dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng, mô hình hồi quy dữ liệu và mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận.	+ Về thực tiễn: sáng kiến có ý nghĩa quan trọng đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam trong việc đề ra giải pháp cải thiện các nhân tố ảnh hưởng thúc đẩy việc nâng cao khả năng sinh lời của NHTMCP + Về học thuật: Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín Central European Management Journal (Ba Lan) ¹ ISSN:2336-2693 E-ISSN:2336-4890 ISSN:2658-0845 E-ISSN:2658-2430 Vol. 31 Iss. 4 (2023) Trong danh mục scopus Q3	+ Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ Tài chính, tương đương

			<p>Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần được đo lường bằng sự phụ thuộc biến: tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) và 5 yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam. Đó là quy mô ngân hàng, thu nhập ngoài lãi, chi phí hoạt động, đòn bẩy tài chính và Tăng trưởng kinh tế.</p>		
52.	<p>Nguyễn Thị Hà, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính</p>	<p>Đề xuất giải pháp hoàn thiện chỉ tiêu kiểm soát tài chính nhằm tăng cường kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam</p>	<p>Sáng kiến thuộc cuốn sách chuyên khảo “Kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước” (<i>chủ biên: PGS., TS Nguyễn Thị Hà-Tác giả của sáng kiến là chủ biên sách chuyên khảo</i>). Nội dung cuốn sách phần tác giả viết nhằm mục đích cung cấp và làm sáng tỏ hơn những lý luận cơ bản về kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước, trong đó làm rõ những chỉ tiêu được sử dụng trong kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước. Trên cơ sở đó nội dung của cuốn sách cũng minh họa thực trạng về kiểm soát tài chính và thực trạng về các chỉ tiêu kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam. Từ đó rút ra những đánh giá ưu điểm, những hạn chế còn tồn tại, đề xuất một số giải pháp, định hướng nhằm hoàn thiện chỉ tiêu và tăng cường kiểm soát tài chính doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Đây là tài liệu được sử dụng để tham khảo, chuyên khảo trong học tập cho sinh viên và học viên của Học viện Tài chính; là tài liệu tham khảo để nghiên cứu và giảng dạy của giáo viên Học viện tài chính và là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên và giáo viên các chuyên ngành về kinh tế, tài chính ngân hàng thuộc các trường đại học. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu và thực hành cho các nhà quản lý và các nhà hoạch định cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, khả năng nhân rộng phù hợp với cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương.</p>

53.	Nguyễn Thị Hà, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính	Vận dụng nguyên tắc của OECD vào doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá	Sáng kiến thuộc bài báo đăng hội thảo quốc tế SEDBM2018- “Apply the OECD principles of Corporate Governance to sustainable development of Vietnamese enterprises in the context of Globalization”. Sáng kiến với nội dung chủ yếu mà tác giả tham gia là đã giải thích và mô tả, làm sáng tỏ hơn về các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp (QTDN) của tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD), trên cơ sở đó tác giả của sáng kiến đã đánh giá việc vận dụng các nguyên tắc đó vào doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua như thế nào. Từ đó tác giả của sáng kiến đã đề xuất một số giải pháp nhằm vận dụng có hiệu quả hơn các nguyên tắc giúp cho công cuộc phát triển bền vững doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa.	Sáng kiến đã được sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập và giảng dạy cho các giáo viên và sinh viên các hệ của các chuyên ngành về kinh tế, tài chính ngân hàng thuộc Học viện tài chính và các trường đại học trong và ngoài nước. Ngoài ra sáng kiến là một đề xuất giúp cho việc nghiên cứu, thực hành của các nhà quản lý và các nhà hoạch định cơ chế, chính sách của Bộ tài chính.	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, khả năng nhân rộng phù hợp với cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương.
54.	Nguyễn Thị Hà, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính	Đề xuất giải pháp phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả các quyết định tài chính chiến lược của doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam	Sáng kiến thuộc cuốn sách chuyên khảo: “Vai trò và các vấn đề tài chính chiến lược trong Doanh nghiệp Nhà nước”, (<i>Chủ biên: PGS., TS Nguyễn Thị Hà- Tác giả của sáng kiến là chủ biên sách chuyên khảo</i>). Cuốn sách mà phần tác giả tham gia nhằm mục đích cung cấp và làm sáng tỏ hơn những lý luận cơ bản về doanh nghiệp Nhà nước, về các quyết định tài chính chiến lược trong doanh nghiệp Nhà nước. Trên cơ sở đó nội dung của cuốn sách cũng minh họa thực trạng về vai trò và thực trạng về các quyết định tài chính của doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam. Từ đó rút ra những đánh giá ưu điểm, những hạn	Hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến: Đây là tài liệu được sử dụng để tham khảo, chuyên khảo trong học tập cho sinh viên và học viên của Học viện Tài chính; là tài liệu tham khảo để nghiên cứu và giảng dạy của giáo viên Học viện tài chính và là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên và giáo viên các chuyên ngành về kinh tế, tài	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng thực tiễn phù hợp với cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương.

			chế còn tồn tại đối với vai trò và với mỗi quyết định tài chính của doanh nghiệp Nhà nước, đề xuất một số giải pháp, định hướng nhằm phát huy vai trò hơn nữa và nâng cao hiệu quả các quyết định tài chính chiến lược của doanh nghiệp Nhà nước.	chính ngân hàng thuộc các trường đại học. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu và thực hành cho các nhà quản lý và các nhà hoạch định cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính.	
55.	Nguyễn Thị Hà, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế -Tài chính	Đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách cổ tức trong các công ty CP Thép niêm yết trên TTCK Việt Nam	Sáng kiến thuộc bài báo đăng hội thảo quốc tế FASPS5, 2023 “Dividend policy of steel joint stock companies listed on Vietnam stock market”. Nội dung sáng kiến phần tác giả tham gia là góp phần đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách cổ tức của các công ty cổ phần thép niêm yết trên TTCK Việt Nam như: Cần hoàn thiện việc lựa chọn mô hình chính sách cổ tức phù hợp; Cần đa dạng hóa các hình thức trả cổ tức đảm bảo phù hợp với đặc điểm và tình hình đặc thù của công ty trong mỗi giai đoạn nhất định; Cần xác định số lần trả cổ tức phù hợp trong năm; Cần xem xét để có thể vận dụng việc mua lại cổ phần thay vì trả cổ tức do đây được xem như là cách trả cổ tức bằng tiền gián tiếp cho cổ đông.	Hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến: Đây là tài liệu được sử dụng để tham khảo, chuyên khảo trong học tập cho sinh viên và học viên của Học viện Tài chính; là tài liệu tham khảo để nghiên cứu và giảng dạy của giáo viên Học viện tài chính và là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên và giáo viên các chuyên ngành về kinh tế, tài chính ngân hàng thuộc các trường đại học. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu và thực hành cho các nhà quản lý và các nhà hoạch	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng thực tiễn phù hợp với cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương.

				định cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính.	
56.	Đinh Thị Hải Phong Phó trưởng Bộ môn, Thống kê PT & DB	Đánh giá về thị trường casino gắn với du lịch/ Chương 2: “Đánh giá về thị trường casino gắn với du lịch ở Việt Nam” thuộc đề tài cấp Bộ: “Phát triển hoạt động kinh doanh casino gắn với du lịch ở Việt Nam”	Sáng kiến đã nêu rõ được một số nội dung sau: 2.2.1. các kết quả đạt được 2.2.2. Những tồn tại, khó khăn 2.2.3 một số nguyên nhân, hạn chế, tồn tại	Thời gian áp dụng sáng kiến tháng 01/2023. Sáng kiến đã nêu ra được các kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn và một số nguyên nhân, hạn chế, tồn tại về thị trường casino đối với du lịch. Trên cơ sở đó giúp cho các nhà Quản lý đưa ra các định hướng và chiến lược phát triển thị trường casino gắn với du lịch ở Việt Nam	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Các nghiên cứu thực tiễn và kiến nghị của sáng kiến có thể được cơ quan quản lý sử dụng, tham khảo trong quá trình tổng kết, đánh giá về thị trường casino tại Việt Nam và làm tiền đề xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật trò chơi có thưởng nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát đối

					với ngành, nghề kinh doanh này, từng bước thu hẹp, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, phát triển du lịch, đem lại nguồn thu lớn cho Nhà nước.
57.	Đinh Thị Hải Phong Phó trưởng Bộ môn, Thống kê PT & DB	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm phần Chỉ số/ Chương 7/ sách “Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm Lý thuyết chương 7-Chỉ số như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....và các dạng bài tập trắc nghiệm bao trùm toàn bộ nội dung, kiến thức của chương 7.	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 7 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
58.	Đinh Thị Hải Phong Phó trưởng Bộ môn, Thống kê PT & DB	Thống kê Ngân sách Nhà nước/ Chương 6, sách “Hướng dẫn ôn tập môn học Thống kê Tài chính”	Sáng kiến đã tổng hợp kiến thức chương 6 môn học Thống kê Tài chính và biên soạn các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm	Sáng kiến là công trình khoa học, cung cấp, hỗ trợ người học kiến thức môn học.	Sáng kiến áp dụng trong giảng dạy với bậc đại học tại Học viện Tài chính, là tài liệu tham khảo cho các môn học ngành Thống kê.

59.	Nguyễn Thế Anh Phó trưởng Bộ môn Thống kê PT & DB (PT)	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm phần Các mức độ của hiện tượng kinh tế, xã hội/ Chương 4, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê ”	Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 4 như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....và các dạng bài tập trắc nghiệm bao trùm toàn bộ nội dung, kiến thức của chương 4	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 4 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
60.	Nguyễn Thế Anh Phó trưởng Bộ môn Thống kê PT & DB (PT)	Những vấn đề chung của Thống kê Tài chính/ Chương 1, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Thống kê Tài chính ”	Sáng kiến đã tổng hợp kiến thức chương 1 môn học Thống kê Tài chính và biên soạn các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm	Sáng kiến là công trình khoa học, cung cấp, hỗ trợ người học kiến thức môn học.	Sáng kiến áp dụng trong giảng dạy với bậc đại học tại Học viện Tài chính, là tài liệu tham khảo cho các môn học ngành Thống kê.
61.	Phạm Thị Tiểu Thanh Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Câu hỏi trắc nghiệm chương 3: Phân tổ Thống kê / sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê ”	Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 3 như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 3 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế

62.	Nguyễn Lan Phương Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm phần Dự báo/ Chương 8, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 8 như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....và các dạng bài tập trắc nghiệm bao trùm toàn bộ nội dung, kiến thức của chương 8.	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 8 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
63.	Lê Thị Liên Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm chương 6: Dãy số biến động theo thời gian / sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 6 như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....và các dạng bài tập trắc nghiệm bao trùm toàn bộ nội dung, kiến thức của chương 6	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 6 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
64.	Nguyễn Thị Mai Phương Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm phần Hồi quy, Tương quan/ Chương 5, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	-Sáng kiến đã đưa ra các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 5 như: Câu hỏi đúng/sai, Câu hỏi điền vào dấu chấm, Câu hỏi chọn các phương án trả lời....và các dạng bài tập trắc nghiệm bao trùm toàn bộ nội dung, kiến thức của chương 5.	Sáng kiến là nguồn tài liệu rất hữu ích giúp Sinh viên luyện tập, làm quen dần với các dạng câu hỏi trắc nghiệm chương 5 để vừa ôn tập lại các kiến thức đã học, vừa giúp sinh viên thi trắc nghiệm môn học NLTK được tốt hơn.	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các

					trường thuộc khối kinh tế
65.	Cao Minh Hạnh Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Phân tổ Thống kê/ Chương 3, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	Sáng kiến đã tóm tắt được các nội dung cơ bản về Lý thuyết của chương 3: Phân tổ Thống kê, Bảng Thống kê, Đồ thị Thống kê, kết hợp với việc hướng dẫn sinh viên sử dụng phần mềm SPSS để đi sắp xếp số liệu Thống kê	Sáng kiến đã giúp người học ôn tập lại các kiến thức đã học của chương 3, với việc bổ sung và cập nhật các kiến thức mới cho phù hợp với thực tế hiện nay. Từ đó giúp Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi trắc nghiệm được tốt hơn	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
66.	Nguyễn Thị Thanh Giang Giảng viên: Bộ môn Thống kê PT & DB	Quá trình nghiên cứu Thống kê/ Chương 2, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Nguyên lý Thống kê”	Sáng kiến đã tóm tắt được một số nội dung sau: 2.1. Điều tra Thống kê 2.2. Tổng hợp Thống kê 2.3. Phân tích và Dự báo Thống kê	Sáng kiến đã giúp người học ôn tập lại các kiến thức cơ bản của Chương 2 về quá trình nghiên cứu Thống kê gồm các giai đoạn: Điều tra, Tổng hợp, Phân tích Thống kê. Từ đó giúp cho việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ở chương 2 được dễ dàng hơn	Sáng kiến được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại HVTC và các trường thuộc khối kinh tế
67.	Nguyễn Hồng Nhung Giảng viên: Bộ môn Thống kê & PTDB	Sáng kiến: Thống kê Thị trường chứng khoán/ Chương 4, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Thống kê Tài chính”	Sáng kiến đã tổng hợp kiến thức chương 4 môn học Thống kê Tài chính và biên soạn các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm	Sáng kiến là công trình khoa học, cung cấp, hỗ trợ người học kiến thức môn học.	Sáng kiến áp dụng trong giảng dạy với bậc đại học tại Học viện Tài chính, là tài liệu tham khảo cho các môn

					học ngành Thống kê.
68.	Nguyễn Thị Kim Oanh, Giảng viên, Bộ môn Thống kê & PTDB	Sáng kiến: Thống kê Ngân hàng/ Chương 5, sách “ Hướng dẫn ôn tập môn học Thống kê Tài chính ”	Sáng kiến đã tổng hợp kiến thức chương 5 môn học Thống kê Tài chính và biên soạn các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm	Sáng kiến là công trình khoa học, cung cấp, hỗ trợ người học kiến thức môn học.	Sáng kiến áp dụng trong giảng dạy với bậc đại học tại Học viện Tài chính, là tài liệu tham khảo cho các môn học ngành Thống kê.
69.	Phạm Minh Ngọc Hà Trưởng Bộ môn Tin học cơ sở	Làm việc với các đối tượng trong Python; Làm việc với tập tin, thư mục trong Python; Làm việc với các thư viện thông dụng trong Python	Sáng kiến trình bày các vấn đề cốt lõi của lập trình Python căn bản	Sáng kiến giúp cho sinh viên ngành HTTTQL làm chủ được môi trường ngôn ngữ lập trình Python, từ đó giúp sinh viên có thể thuận lợi trong các bước lập trình tiếp theo	Sáng kiến dùng làm học liệu môn Lập trình Python cơ bản với sinh viên ngành HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình Python
70.	Hoàng Phương Thảo Phó trưởng Bộ môn Tin học cơ sở	Cài đặt môi trường và thiết lập các bước đầu tiên cho ngôn ngữ lập trình Python thuộc Chương 1 làm quen với ngôn ngữ lập trình	Sáng kiến nêu ra từng bước cài đặt môi trường lập trình Python trong máy tính có cài đặt hệ điều hành Windows bao gồm: cài đặt Python, cài đặt IDE Jupiter , cách chạy chương trình Python cơ bản	Sáng kiến giúp cho sinh viên ngành HTTTQL làm chủ được môi trường ngôn ngữ lập trình Python, từ đó giúp sinh viên có thể thuận lợi trong các bước lập trình tiếp theo	Sáng kiến dùng làm học liệu môn Lập trình Python cơ bản với sinh viên ngành

		Python , bài giảng gốc lập trình Python cơ bản			HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình Python
71.	Đào Minh Tâm Phó trưởng Bộ môn Tin học cơ sở	Kỹ thuật gỡ lỗi trong Python - Thuộc phụ lục 2 kỹ thuật gỡ lỗi trong Python Bài giảng gốc lập trình Python cơ bản	Nội dung của sáng kiến tập trung vào các kỹ thuật gỡ lỗi trong Python bao gồm sự cần thiết của kỹ thuật gỡ lỗi, một số kỹ thuật gỡ lỗi cơ bản và giới thiệu các công cụ gỡ lỗi mà môi trường lập trình Python cung cấp	Sáng kiến giúp cho sinh viên ngành HTTTQL nói riêng và những người yêu thích lập trình Python nói chung có các phương pháp, kỹ thuật để phát hiện và sửa lỗi trong quá trình lập trình Python. Đây là tài liệu vô cùng quý giá cho những người mới cũng như có kinh nghiệm trong lập trình Python	Sáng kiến dùng làm học liệu môn học Lập trình Python cơ bản với sinh viên ngành HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình Python
72.	Hoàng Hữu Sơn Bộ môn Tin học cơ sở	Biểu diễn thông tin trong máy tính và giới thiệu hệ thống máy tính trong chương 2 và chương ba thuộc bài giảng gốc Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	Sáng kiến giới thiệu các phương pháp tính toán được sử dụng trong máy tính bao gồm các phép toán cơ bản như phép toán đổi số số phép cộng phép nhân v.v.... Sáng kiến còn giới thiệu tổng quan về hệ thống máy tính và nguyên tắc hoạt động cũng như các	Sáng kiến giúp sinh viên và người đọc hiểu được phương pháp tính toán, xử lý thông tin trong máy tính. Hơn nữa sáng kiến đưa ra hướng tiếp cận tìm hiểu máy tính theo nguyên lý Vonneuman - một nguyên lý cơ	Sáng kiến dùng làm học liệu môn KTMT và HDDH với sinh viên ngành HTTTQL cũng

			giao thức kết nối các thành phần trong hệ thống máy tính	sở để hình thành nên máy tính và các hệ thống thông tin	như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về máy tính và ngành CNTT
73.	Phạm Thị Phúc Bộ môn Tin học cơ sở	Tổng quan về hệ điều hành và quản lý tiến trình trong Chương 5 và chương 6 thuộc bài giảng gốc kiến trúc máy tính và hệ điều hành	Sáng kiến đưa ra các định nghĩa, lịch sử phát triển, phân loại và chức năng hệ điều hành. Sáng kiến cũng chỉ ra các khái niệm tiến trình và các thuật toán quản lý tiến trình được thực hiện trong máy tính.	Sáng kiến cung cấp cho sinh viên và người đọc cách nhìn tổng quát về hệ điều hành, tiến trình cũng như các thuật toán quản lý tiến trình. Hơn nữa sáng kiến còn cung cấp so sánh các thuật toán quản lý tiến trình từ đó giúp người đọc có thể hiểu và giải thích được các hoạt động của hệ điều hành	Sáng kiến dùng làm học liệu môn KTMT và HDDH với sinh viên ngành HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về máy tính và ngành CNTT
74.	Đặng Thị Mơ Bộ môn Tin học cơ sở	Các khái niệm cơ bản về máy tính thuộc chương 1 các khái niệm cơ bản của kiến trúc máy tính trong bài giảng gốc kiến trúc máy tính và hệ điều hành	Sáng kiến đưa ra các khái niệm về kiến trúc máy tính, lịch sử phát triển của hệ thống máy tính cũng như phân loại hệ thống máy tính. Trong sáng kiến cũng trình bày chi tiết về nguyên lý Vonneuman - nguyên lý cơ sở hình thành nguyên tắc hoạt động của máy tính	Sáng kiến là nguồn tài liệu quý giá cung cấp cho sinh viên những cách nhìn tổng quan về hệ thống máy tính và lịch sử hình thành phát triển của máy tính, hơn nữa sáng kiến cũng giúp củng cố kiến thức về hệ thống thông tin	Sáng kiến dùng làm học liệu môn KTMT và HDDH với sinh viên ngành HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà

					<p> nghiên cứu muốn tìm hiểu về máy tính và ngành CNTT</p>
75.	<p>Hoàng Hữu Sơn Bộ môn Tin học cơ sở</p>	<p>Một số phương pháp phát hiện và sửa lỗi trong Python - thuộc phần phụ lục 1 một số lỗi trong Python và cách xử lý, bài giảng gốc lập trình Python cơ bản</p>	<p>Sáng kiến đưa ra các lỗi chính gặp phải trong quá trình lập trình Python bao gồm: tên của lỗi, ý nghĩa của lỗi và cách xử lý tương ứng, với 28 lỗi cơ bản thường gặp</p>	<p>Sáng kiến giúp cho sinh viên ngành HTTT QL có thể làm chủ được các lỗi gặp phải trong quá trình lập trình Python và cách xử lý tương ứng. Đây là tài liệu vô cùng quý giá cho những người mới cũng như đã sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình Python</p>	<p>Sáng kiến dùng làm học liệu môn Lập trình Python cơ bản với sinh viên ngành HTTTQL cũng như làm nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình Python</p>
76.	<p>Mai Ngọc Anh – Trưởng khoa Kế toán</p>	<p>Các cơ chế hỗ trợ đổi mới chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán hướng tới áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cho các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Tài chính.</p>	<p>- Đề xuất và khuyến nghị cụ thể 04 cơ chế: (1) nghiên cứu giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường ĐH; (2) tái cấu trúc, sáp nhập các trường ĐH; (3) áp dụng cơ chế trả lương theo vị trí việc làm nhằm thúc đẩy động lực làm việc; (4) kiện toàn bộ máy quản lý tại các trường nhằm thúc đẩy tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo. - Xây dựng lộ trình thực hiện các đề xuất.</p>	<p>Tạo tiền đề để ứng dụng thành công chương trình đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán hướng tới áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế tại Việt Nam.</p>	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.</p>

77.	Nguyễn Tuấn Anh – Trưởng Bộ môn Kế toán quản trị	Tiêu chuẩn người hành nghề kế toán, kiểm toán hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.	<p>- Trình bày và phân tích các quan điểm và tiêu chuẩn toàn cầu về người hành nghề kế toán, kiểm toán hướng đến áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế</p> <p>- Đề xuất những tiêu chuẩn cơ bản: (i) Về hiểu biết chuyên môn; (ii) Về kỹ năng; và (iii) Về khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm</p>	Giúp đề xuất những giải pháp hoàn thiện hệ thống đào tạo kế toán Việt Nam theo các hướng về thực hành nghề nghiệp, phát triển kỹ năng và chuyên môn học thuật nhằm đáp ứng yêu cầu của việc áp dụng IFRS.	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.</p> <p>- Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.</p>
78.	Bùi Tố Quyên – Giảng viên chính Bộ môn Kế toán quản trị	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trên thế giới	Tổng hợp, phân tích và tìm hiểu các nguyên nhân có thể ảnh hưởng tới việc áp dụng IFRS như: sự sẵn có của thị trường vốn và mức độ mở cửa hội nhập của nền kinh tế, yếu tố kinh tế chính trị, hệ thống pháp lý, chính sách thuế, văn hóa và hệ thống đào tạo kế toán.	<p>- Giúp đánh giá tầm quan trọng của yếu tố nguồn nhân lực kế toán trong áp dụng IFRS.</p> <p>- Giúp đề xuất những hướng nghiên cứu để xây dựng và hoàn thiện hệ thống đào tạo kế toán Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của việc áp dụng IFRS.</p>	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.</p> <p>- Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong</p>

					phạm vi toàn quốc.
79.	Nguyễn Thanh Thủy – Phó trưởng Bộ môn LTHTKT	Giải pháp, khuyến nghị để áp dụng thành công chương trình đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán hướng tới áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	Đề xuất 05 nhóm giải pháp: (i) Nhóm giải pháp đổi mới/phát triển chương trình đào tạo/dạy học; (ii) Nhóm giải pháp đổi mới hình thức đào tạo; (iii) Nhóm giải pháp đổi mới/phát triển học liệu; (iv) Nhóm giải pháp đổi mới phương pháp tiếp cận trong dạy học; (v) trao đổi SV giữa các trường	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp đổi mới, hoàn thiện chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học thuộc Bộ Tài chính. - Giúp đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.
80.	Nguyễn Vĩnh Tuấn – Phó trưởng Bộ môn LTHTKT	Vai trò của việc đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	Xây dựng cơ chế tác động của đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán hướng tới áp dụng IFRS đến hiệu quả hoạt động và thúc đẩy phát triển kinh tế.	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp xác định cơ sở để hoàn thiện và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán trong giai đoạn hiện nay - Giúp đề xuất những giải pháp hoàn thiện hệ thống đào tạo kế toán Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của việc áp dụng IFRS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo

					kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.
81.	Nguyễn Hải Vân – Chuyên viên Văn phòng khoa Kế toán	Thực trạng đào tạo ngành kế toán, kiểm toán tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Tài chính hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.	<p>- Tổng hợp và phân tích thực trạng dựa trên 4 khía cạnh: (1) chương trình đào tạo/dạy học; (2) hình thức đào tạo; (3) học liệu đào tạo; (4) phương pháp tiếp cận trong giảng dạy.</p> <p>- Đánh giá và so sánh thực trạng giữa các trường ĐH.</p>	Tổng hợp, phân tích và so sánh thực trạng đào tạo tại các trường ĐH giúp đề xuất những giải pháp hoàn thiện một cách đồng bộ, có hệ thống việc đào tạo kế toán tại Việt Nam hướng đến áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.</p> <p>- Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.</p>
82.	Vũ Thùy Linh – Phó trưởng Bộ môn kiểm toán	<p>Cách tiếp cận và tình huống thực tiễn về kiểm toán nội bộ dựa vào rủi ro tại Việt Nam.</p> <p>[Thuộc Sách chuyên khảo “Kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro – Nghiên cứu tình huống các doanh nghiệp tại Việt Nam”, Học viện Tài chính, 2023.]</p>	Sáng kiến phân tích cách tiếp cận kiểm toán nội bộ hiện đại theo các vùng rủi ro trọng yếu sau khi xem xét và phân tích các mô hình. Tiếp theo áp dụng cách tiếp cận này để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ tại một số doanh nghiệp điển hình tại Việt nam cho thấy những thách thức và đề xuất hữu ích cho các bên liên quan để cải thiện hiệu quả quản lý doanh nghiệp.	Sáng kiến có hiệu quả cao và đã được áp dụng vào giảng dạy trực tiếp các môn học: (i) Kiểm toán BCTC nâng cao 1 và (ii) Kiểm toán BCTC nâng cao 3 thuộc chuyên ngành Kiểm toán chất lượng cao từ CQ56 đến nay; đồng thời sử dụng làm tài liệu nghiên cứu chuyên sâu cho cao học viên, nghiên cứu sinh về kiểm toán tại Học viện Tài chính và các cơ sở giảng dạy khác.	-Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kiểm toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.

					- Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.
83.	Vũ Thùy Linh – Phó trưởng Bộ môn kiểm toán	Thực hiện dịch vụ đảm bảo về quản trị rủi ro của kiểm toán độc lập Việt Nam. [Thuộc Đề tài “Quy trình thực hiện dịch vụ đảm bảo về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp do tổ chức kiểm toán độc lập Việt Nam thực hiện”, Học viện Tài chính, 2023].	Sáng kiến tập trung phân tích các khuôn khổ về quản trị rủi ro hiện đại cho các mục đích của đơn vị như quản lý doanh nghiệp; kiểm toán bên trong và bên ngoài; duy trì hệ thống công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ và phát triển bền vững. Theo đó, sáng kiến làm rõ và đánh giá từng bước công việc gồm: đánh giá rủi ro; thu thập bằng chứng; mô tả giấy tờ làm việc cũng như rút ra nhận xét về thực trạng, kiến nghị cải thiện quy trình thực hiện dịch vụ đảm bảo về quản trị rủi ro tại Việt Nam.	Sáng kiến có hiệu quả cao và được áp dụng rộng rãi vào giảng dạy trực tiếp các môn học bắt buộc thuộc chuyên ngành Kiểm toán (hệ chuẩn và CLC) từ CQ 58.22; đồng thời sử dụng làm tài liệu nghiên cứu chuyên sâu cho cao học viên, nghiên cứu sinh về kiểm toán tại Học viện Tài chính và các cơ sở giảng dạy khác.	- Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo kiểm toán tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc.
84.	Bùi Thị Thu Hương – Phó trưởng Bộ môn Kế toán tài chính	Kế toán môi trường trên phương diện kế toán quản trị	-Trình bày và phân tích, hệ thống hóa và làm rõ hơn lý luận cơ bản về những vấn đề liên quan đến kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế-xã hội. - Phân tích rõ ý nghĩa của KTQMT đối với những người tham gia trong việc xây dựng các chính sách có liên quan, đối với các doanh nghiệp và đối với Nhà nước.	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường nói chung, kế toán môi trường trên phương diện kế toán quản trị nói riêng	-Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. -Các doanh nghiệp niêm yết

			-Phân tích các vấn đề: (i) ghi nhận thông tin KTQTMT; (ii) xây dựng định mức và lập dự toán môi trường; (iii) xử lý, phân tích thông tin KTQTMT; (iv) cung cấp thông tin KTQTMT.		-Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
85.	Bùi Thị Thu Hương – Phó trưởng Bộ môn Kế toán tài chính	ACCOUNTING FOR ESOP IN VIETNAMESE ENTERPRISES (Kế toán esop trong các doanh nghiệp việt nam)	Bài viết đã hệ thống hóa kế toán ESOP trong doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, trình bày và đánh giá thực trạng kế toán ESOP trong doanh nghiệp Việt Nam hiện nay và đề xuất một số khuyến nghị để phản ánh đúng bản chất của giao dịch ESOP.	Sáng kiến được áp dụng, thông tin về giao dịch ESOP trong các doanh nghiệp Việt Nam trình bày trên BCTC sẽ phản ánh đúng bản chất hơn, lợi ích mang lại từ giao dịch Esop và chi phí liên quan sẽ phù hợp với nhau hơn, từ đó giúp các đối tượng sử dụng thông tin ra quyết định liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp hiệu quả hơn.	Sáng kiến là tài liệu tham khảo để Bộ Tài chính hoàn thiện hơn chính sách kế toán doanh nghiệp. Đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho những giảng viên, sinh viên hoặc nhà nghiên cứu kế toán. Bài viết được đăng trên hội thảo quốc tế. Phạm vi ảnh hưởng: Cấp bộ
86.	Mai Thị Bích Ngọc – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Kiến nghị nhằm hỗ trợ thực hiện kế toán môi trường trong các	Kế toán môi trường là một lĩnh vực đang được xã hội và các nhà khoa học quan tâm trong bối cảnh hiện nay. Sáng kiến “Kiến nghị nhằm hỗ trợ thực hiện kế toán môi	Sáng kiến “Kiến nghị nhằm hỗ trợ thực hiện kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam” tạo tiền đề ứng dụng thành	* Phạm vi ảnh hưởng:

		doanh nghiệp ở Việt Nam	trường trong các Doanh nghiệp ở Việt Nam” được tác giả tập trung đề xuất các kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước, gồm Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường; Các doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đào tạo và đối với các bên liên quan khác trong việc phát triển kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới	công vào đào tạo nguồn nhân lực kế toán kiểm toán hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. - Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
87.	Mai Thị Bích Ngọc – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Giải pháp áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam	Hoàn thiện kế toán công ở Việt Nam theo hướng tuân thủ chuẩn mực kế toán công quốc tế và các nguyên tắc kế toán quản trị toàn cầu là xu hướng tất yếu, nhưng lại là bài toán phức tạp với toàn thể khu vực công của Việt Nam. Sáng kiến được tác giả tập trung đề xuất các kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước; Các tổ chức hội nghề nghiệp Kế toán; Các đơn vị hành chính sự nghiệp và các bên liên quan khác trong việc vận dụng các nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam mà trọng tâm nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và giá thành dịch vụ công	Sáng kiến tạo tiền đề ứng dụng thành công trong việc áp dụng các nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam trong thời gian tới. Bởi hoàn thiện kế toán công ở Việt Nam theo hướng tuân thủ chuẩn mực kế toán công quốc tế và các nguyên tắc KTQT trở thành xu thế mới của kế toán hiện đại; Bên cạnh đó, sáng kiến là tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên, sinh viên trong việc đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> * Phạm vi ảnh hưởng: - Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. * Khả năng nhân rộng: - Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

			ở Việt Nam, qua đó góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán công và chất lượng dịch vụ công ở Việt Nam trong thời gian tới.	nguồn nhân lực Kế toán – Kiểm toán;	- Các đơn vị thuộc khu vực công ở Việt Nam trên phạm vi toàn quốc mà trọng tâm là các đơn vị Hành chính sự nghiệp.
88.	Ngô Văn Lượng – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị	Giải pháp phát triển, hoàn thiện kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam	-Đề xuất một số giải pháp phát triển và hoàn thiện kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam -Giải pháp về kế toán tài chính môi trường. - Giải pháp về kế toán quản trị môi trường	-Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp -Tạo tiền đề ứng dụng vào kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam.	-Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. -Các doanh nghiệp niêm yết -Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
89.	Đặng Thị Hương - Giảng viên chính, Bộ môn kiểm toán	Tổng quan về thị trường chứng khoán Việt Nam và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Tổng quan về thị trường chứng khoán Việt Nam và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để thấy được sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam gắn liền với sự hình thành và phát triển của TTCK và các doanh nghiệp niêm	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.

			<p>yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, có những đề xuất hợp lý nhằm áp dụng GTHL trong kế toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam phù hợp kế toán quốc tế.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
90.	Bùi Thị Hằng – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Tổng quan về các doanh nghiệp Việt Nam	<p>Phân tích khái quát về tình hình hình tế - xã hội giai đoạn 2016 đến 6 tháng đầu năm 2022; phân tích vai trò của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam đối với quá trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.</p> <p>Phân tích tình hình đăng ký và thành lập mới doanh nghiệp; tình hình doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; tình hình doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có đăng ký và doanh nghiệp giải thể.</p>	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> -Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. -Các doanh nghiệp niêm yết -Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

91.	Bùi Thị Hằng – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Tổng quan về các doanh nghiệp Việt Nam	<p>Phân tích khái quát về tình hình hình tế - xã hội giai đoạn 2016 đến 6 tháng đầu năm 2022; phân tích vai trò của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam đối với quá trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.</p> <p>Phân tích tình hình đăng ký và thành lập mới doanh nghiệp; tình hình doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; tình hình doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có đăng ký và doanh nghiệp giải thể.</p>	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
92.	Bùi Thị Hằng – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Các vấn đề cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	<p>Trình bày về khái niệm chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS); Quá trình áp dụng chuẩn mực IAS/IFRS trên thế giới.</p> <p>Trình bày lợi ích của việc áp dụng IFRS như: Cải thiện về chất lượng và khả năng so sánh của BCTC, Tiếp cận được thị trường vốn, Cải thiện khả năng quản trị doanh nghiệp, Loại bỏ được những bất lợi cạnh tranh liên quan đến các chuẩn mực khác nhau.</p>	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng:

			Đồng thời chỉ ra Khó khăn khi áp dụng IFRS: khó khăn về vấn đề chi phí, khó khăn đối với việc lập BCTC.		+ Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
93.	Nguyễn Thị Nga – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Báo cáo tổng quan vấn đề nghiên cứu	Tính cấp thiết đề tài nghiên cứu; Tổng quan các vấn đề nghiên cứu: trong đó trình bày về các công trình trên thế giới và trong nước nghiên cứu về GTHL và áp dụng GTHL trong kế toán tại các quốc gia. Qua đó, phân tích rút ra khoảng trống mà đề tài này tiếp tục nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Đối tượng; phạm vi nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết cấu của đề tài.	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

94.	Nguyễn Thị Nga – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Tổng quan về giá trị hợp lý	<p>Nghiên cứu một số vấn đề sau:</p> <p>(1) Khái quát về lịch sử của giá trị hợp lý</p> <p>(2) Các quan điểm về giá trị hợp lý</p> <p>Nghiên cứu khái quát lịch sử của giá trị hợp lý và các quan điểm về giá trị hợp lý nhằm hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề tổng quan về GTHL.</p>	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
95.	Nguyễn Thị Nga – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Kế toán môi trường trên phương diện kế toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích, hệ thống hóa và làm rõ hơn lý luận cơ bản về những vấn đề liên quan đến kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế- xã hội. - Phân tích rõ ý nghĩa của KTTTC MT đối với những người tham gia trong việc xây 	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết

			<p>dựng các chính sách có liên quan, đối với các doanh nghiệp và đối với Nhà nước.</p> <p>Trên cơ sở đó, vận dụng vào công tác hạch toán kế toán, thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác, phục vụ cho các đối tượng sử dụng thông tin đạt được hiệu quả mong muốn.</p>		<p>- Khả năng nhân rộng:</p> <p>+ Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>+ Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.</p>
96.	<p>Nguyễn Đào Tùng- Chủ tịch HĐ trường.</p> <p>Nguyễn Tuấn Anh – Trưởng Bộ môn Kế toán quản trị.</p> <p>Nguyễn Thu Hiền- Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị.</p>	<p>Tác động của các yếu tố dự phòng đến việc áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở doanh nghiệp sản xuất Việt Nam</p> <p>[Thuộc bài báo NCKH công bố quốc tế trên tạp chí Cogent Business & Management Volume 10, 2023 - Issue 2]</p>	<p>Sáng kiến dựa trên phân tích tác động của các yếu tố dự phòng đến việc áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở doanh nghiệp sản xuất Việt Nam.</p>	<p>Sáng kiến có hiệu quả cao cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý doanh nghiệp trong việc xây dựng và ban hành các cơ chế, nhằm thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng nhiều kỹ thuật kế toán quản trị chiến lược hơn; cho người làm công tác nghiên cứu cũng như giảng dạy về kế toán của các trường đại học trong nước và quốc tế.</p>	<p>Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo Kế toán, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Thuế tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.</p> <p>- Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán; các</p>

					trường đại học khôi kinh tế trong phạm vi toàn quốc và quốc tế. - Các Doanh nghiệp sản xuất trên phạm vi toàn quốc cũng như các doanh nghiệp có nền kinh tế tương đồng với Việt Nam.
97.	Nguyễn Thu Hiền- Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị	Cơ sở tính giá và các mô hình tính giá trong kế toán [Thuộc Đề tài NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, Bộ Tài Chính, Mã số: BTC/ĐT/2022-19]	Trình bày khái quát về các cơ sở tính giá trong kế toán Trình bày về các mô hình tính giá trong kế toán bao gồm: + Mô hình giá gốc + Mô hình giá hiện hành + Mô hình giá đầu ra + Mô hình giá trị hợp lý Nghiên cứu nhằm hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề tổng quan về phương pháp tính giá và các mô hình tính giá trong kế toán.	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

					+ Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
98.	Nguyễn Thu Hiền- Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị	Tổng quan về kế toán môi trường [Thuộc Đề tài NCKH cấp Bộ “Phát triển kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam”, Bộ Tài Chính, Mã số: BTC/ĐT/2022-09]	- Trình bày và phân tích khái quát về những vấn đề lý luận về kế toán môi trường; hệ thống hóa và làm rõ thêm vai trò, chức năng của kế toán môi trường. Đặc biệt là làm rõ nội dung của kế toán môi trường, bao gồm TSMT, CPMT, NPTMT và TNMT. Các vấn đề được trình bày căn cứ vào quy trình kế toán, nội dung kế toán môi trường, gồm các công việc ghi nhận, xử lý, phân tích, cung cấp thông tin môi trường; căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin và phạm vi cung cấp thông tin, kế toán môi trường, bao gồm: kế toán tài chính môi trường và kế toán quản trị môi trường.	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào đào tạo nguồn nhân lực kế toán kiểm toán hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp	Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
99.	Nguyễn Thu Hiền- Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị	Kế toán quản trị môi trường. [Thuộc Sách chuyên khảo “Kế toán quản trị	Sáng kiến phân tích cách tiếp cận về kế toán quản trị môi trường theo quy trình đi từ các nội dung cơ bản căn nguyên của kế toán và kế toán môi trường, kế toán quản trị và tiếp đến là kế toán quản trị môi trường trên các khía cạnh: Từ lịch sử hình	Sáng kiến có hiệu quả cao và đã được áp dụng vào giảng dạy trực tiếp các môn học thuộc chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và Tài chính doanh nghiệp; Đồng thời sử dụng làm tài liệu nghiên cứu	Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo

		môi trường”. Học viện Tài chính, 2023]	thành, định nghĩa, đối tượng cũng như các hình thức thông tin của kế toán quản trị môi trường. Bên cạnh đó cũng nhận diện các nội dung ảnh hưởng của việc sử dụng kế toán quản trị môi trường có lợi ích cũng như thách thức gì và bàn sâu vào các công cụ, kỹ thuật và các nhân tố ảnh hưởng. Đặc biệt cũng nêu ra và minh họa các trường hợp sử dụng kế toán quản trị môi trường trong hệ thống kế toán ở Việt Nam.	chuyên sâu cho cao học viên, nghiên cứu sinh về kế toán tại Học viện Tài chính và các cơ sở giảng dạy khác. Cuốn sách cũng đáp ứng mục tiêu hướng dẫn các vấn đề liên quan thực tiễn triển khai Kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.	Kế toán, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc. - Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
100.	Nguyễn Thu Hiền- Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán quản trị	Kế toán quản trị chiến lược [Thuộc Sách chuyên khảo “Kế toán quản trị chiến lược Phần 1”. Học viện Tài chính, 2023]	Sáng kiến tập chung phân tích chuyên sâu các nội dung về kế toán quản trị, kế toán quản trị chiến lược bao gồm: + Sự hình thành và phát triển + Khái niệm, vai trò + Đặc điểm + Các kỹ thuật	Sáng kiến có hiệu quả cao và đã được áp dụng vào giảng dạy trực tiếp các môn học thuộc chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và Tài chính doanh nghiệp, Thuế; Đồng thời sử dụng làm tài liệu nghiên cứu chuyên sâu cho cao học viên, nghiên cứu sinh về kế toán tại Học viện Tài chính và các cơ sở giảng dạy khác. Cuốn sách cũng đáp ứng mục tiêu hướng dẫn các vấn đề liên quan thực tiễn triển	Phạm vi ảnh hưởng: Nội dung, chương trình đào tạo Kế toán, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Thuế tại các cơ sở giáo dục đại

			<ul style="list-style-type: none"> + Lý thuyết nền + Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng + Kết cấu chi phí + Phân tích lãi trên biên phí, chi phí chiến lược + Chi phí dựa trên cơ sở hoạt động <p>Các nội dung được phân tích từ bản chất tới ứng dụng vào công tác kế toán quản trị chiến lược trong doanh nghiệp ở Việt Nam.</p>	<p>khai Kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.</p>	<p>học thuộc Bộ Tài chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng nhân rộng: Các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán trong phạm vi toàn quốc; các trường đại học khối kinh tế; - Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
101.	Lý Lan Yên – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Thực trạng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày và phân tích thực trạng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam trên phương diện KTCT và KTQT. Phân tích chi tiết theo từng nội dung cụ thể của KTTTCMT và KTQTMT. 	<ul style="list-style-type: none"> -Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp -Tạo tiền đề ứng dụng vào kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> -Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. -Các doanh nghiệp niêm yết

					<p>-Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>+ Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.</p>
102.	<p>Lý Lan Yên – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính</p>	<p>Thực trạng và giải pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông khi áp dụng IFRS15 tại Việt Nam.</p>	<p>-Trình bày và phân tích thực trạng việc ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam và từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện việc ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông tại các doanh nghiệp viễn thông theo đúng quy định của IFRS 15</p>	<p>-Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo, giảng dạy giúp sinh viên hiểu và nắm vững được những nguyên tắc ghi nhận doanh thu khi áp dụng IFRS 15 vào trong các doanh nghiệp viễn thông.</p> <p>-Tạo tiền đề ứng dụng vào kế toán trong các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam hướng tới áp dụng IFRS 15.</p>	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng thuộc Bộ Tài chính .</p> <p>- Các doanh nghiệp niêm yết</p> <p>- Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>+ Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.</p>

103.	<p>Trần Thị Ngọc Anh Hoàng Thị Kim Ưng</p> <p>Giảng viên chính, Bộ môn LTHTKT</p>	<p>Vận dụng IFRS trong ghi nhận doanh thu hoạt động xây dựng trong các doanh nghiệp xây dựng dân dụng Việt Nam</p>	<p>Sáng kiến hệ thống hóa, phân tích và nghiên cứu lý luận doanh thu hợp đồng xây dựng theo hướng IFRS, trên cơ sở phân tích thực trạng kế toán doanh thu theo hợp đồng tại các DN XD DD Việt Nam, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu hoạt động xây dựng trong các DN XD DD Việt Nam theo định hướng IFRS. NCS.Ths. Hoàng Thị Kim Ưng viết nội dung chương 1 và chương 2 TS Trần Thị Ngọc Anh viết nội dung chương 2 và chương 3</p>	<p>Sáng kiến là tài liệu tham khảo trong giảng dạy sinh viên tại Học viện Tài chính.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học và hỗ trợ công tác kế toán trong các doanh nghiệp</p>
104.	<p>Lê Thị Yến Oanh – Giảng viên, Bộ môn Kế toán tài chính</p>	<p>Các nhân tố chi phối đến mức độ áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</p>	<p>Nghiên cứu các nhân tố chi phối đến mức độ áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm: + Cơ sở lý thuyết + PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU + KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU + Thảo luận Nghiên cứu các nhân tố chi phối đến mức độ áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam để đưa ra các giải pháp hoàn thiện cho phù hợp.</p>	<p>Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.</p>	<p>- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.</p>

105.	Lê Thị Hương – Giảng viên chính, Bộ môn Kế toán tài chính	Thực trạng kế toán môi trường trong chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam	-Nghiên cứu thực trạng kế toán môi trường (KTMT) trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam để thấy được sự phù hợp của chuẩn mực kế toán Việt Nam với chuẩn mực kế toán quốc tế đối với những chuẩn mực liên quan đến KTMT; xem xét những khía cạnh của các chuẩn mực kế toán Việt Nam quy định những nội dung của KTMT. Từ đó, có những đề xuất hợp lý nhằm phát triển KTMT trong các doanh nghiệp ở Việt Nam mang lại hiệu quả tích cực.	-Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp -Tạo tiền đề ứng dụng vào kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam.	-Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. -Các doanh nghiệp niêm yết -Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
106.	Hò Thị Hoài Thu- BM Kinh tế học	Sáng kiến thuộc bài báo: “Research on Factors Affecting Credit Risk of Joint Stock Commercial Banks on Vietnam Stock Market”- Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng	Nghiên cứu sử dụng số liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của 15 ngân hàng thương mại cổ phần tiêu biểu được niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2012 đến năm 2022. Các ngân hàng trong dữ liệu nghiên cứu là các ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất trong hệ thống. Sau khi thu thập và xử lý dữ liệu mẫu nghiên cứu gồm 165 quan sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến rủi ro tín dụng (RRTD) bằng phần mềm E-view trong phân tích định lượng để xây dựng mô hình	sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.	Cấp Bộ

		khoán Việt Nam - Bài báo Quốc tế JPB	hội quy nhằm xác định mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng.		
107.	Đoàn Thị Hải Yến- Bm Luật kinh tế	Sáng kiến thuộc bài báo: “Research on Factors Affecting Credit Risk of Joint Stock Commercial Banks on Vietnam Stock Market”- Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Bài báo Quốc tế JPB	Từ tổng quan nghiên cứu của Salas, V và J. Saurina (2002), Ahmad, N. H., & Ariff, M. (2007), Das, Abhiman và Ghosh, Saibal (2007)... để đề xuất một số giải pháp hạn chế rủi ro và tối đa hóa lợi ích của các ngân hàng thương mại. Đó là: - Tối ưu hóa cơ cấu vốn hợp lý, tập trung bổ sung thêm vốn chủ sở hữu - Đẩy mạnh cho vay các lĩnh vực ưu tiên nhằm tăng hạn mức cho vay, nhờ đó dòng vốn sẽ được đẩy mạnh vào sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ các khoản vay vào những lĩnh vực nhiều rủi ro như chứng khoán, bất động sản.	Sáng kiến đưa ra giải pháp hạn chế rủi ro và tối đa hóa lợi ích của các ngân hàng thương mại. sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp. Ngoài ra sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.	Cấp Bộ
108.	Vũ Thị Lê Hoa - Bộ môn Kinh tế Đầu tư Tài chính	Tác giả bài viết: “Experiences in development investment of irrigation infrastructure in some localities and lessons for Bac Ninh province” được đăng trên tạp chí Journal Finance and Accounting Research số 04(23)/2023.	Kết cấu hạ tầng thủy lợi đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, hoạt động đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi của tỉnh tồn tại nhiều hạn chế. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi ở một số địa phương, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi ở tỉnh Bắc Ninh để đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới	Theo nghiên cứu của bài báo, để nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi của tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới, tỉnh cần xây dựng và thực hiện chính sách đầu tư phát triển thủy lợi đúng đắn và hợp lý với từng giai đoạn, đồng thời tích cực thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư các công trình trọng điểm phục vụ đa mục tiêu. Bài báo được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, các nhà khoa học nghiên cứu về kinh tế.	Cấp Bộ
109.	Trần Phương Anh BM Kinh tế Đầu tư tài chính	Nhìn nhận vốn xã hội trên góc độ Kinh tế học để đánh giá tác động của vốn xã hội trong phát	Ở góc độ Kinh tế học, vốn xã hội chính là một nguồn lực, tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nói chung, tới phát triển kinh tế nông thôn	-Về thời gian áp dụng: sáng kiến có thể được áp dụng và vận dụng phân tích ngay trong điều kiện hiện nay ở Việt nam trên tất cả	Cấp Bộ

		<p>triển kinh tế nông thôn Việt Nam – Trong bài hội thảo khoa học quốc tế “<i>Tác động của vốn xã hội đến phát triển kinh tế nông thôn Việt Nam</i>” (“The Impact of Social Capital on Vietnam Rural Economic Development”) – Tại Hội thảo quốc tế <i>Eurasia Business and Economics Society – EBES 46</i> – tổ chức tại Rome, Italia</p>	<p>Việt nam nói riêng. Vốn xã hội là nguồn lực tác động tích cực tới phát triển kinh tế nông thôn Việt nam khi nó là loại nguồn vốn có tính chất vươn xa và ở Việt nam, nguồn vốn loại này đang được phát huy rất tốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và trong đời sống. Tuy nhiên, thực tế là ở nhiều vùng nông thôn Việt nam vẫn còn duy trì nguồn vốn xã hội có tính chất co cụm, và chính nguồn vốn này đã tác động tiêu cực, làm cản trở sự phát triển, cản trở cơ hội tiếp cận với những cũng như hình thành một nền kinh tế nông nghiệp nông thôn năng động trong thời kì CMCN 4.0.</p>	<p>các lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội. -<i>Về tính hiệu quả</i>: sáng kiến cung cấp một cái nhìn mới mẻ về nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là phát triển bền vững. Việc nhìn nhận nguồn vốn xã hội trên góc độ Kinh tế học còn có thể vận dụng để phân tích trên nhiều khía cạnh khác nhau của nền kinh tế - xã hội. Từ đó, giúp thay đổi hành vi, tư duy và cách làm việc cũng như hình thành một cộng đồng Việt nam vững mạnh và bền vững. Là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu kinh tế - xã hội; sinh viên và giảng viên các trường đại học.</p>	
110.	Vũ Hồng Nhung BM Kinh tế đầu tư tài chính	<p>Tác giả bài báo đăng tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán “Thách thức với xuất khẩu dệt may Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0” (“Challenges with Vietnam's textile and garment exports today in the context of the industrial revolution 4.0”) số 04 (23) – 2023</p>	<p>Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ là nền tảng để kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp chuyển sang kinh tế tri thức. Cũng như các ngành hàng khác, dệt may Việt Nam đặc biệt là xuất khẩu hàng dệt may đang chịu rất nhiều thách thức trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tác giả thực hiện phân tích hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 gặp nhiều khó khăn và thách thức, từ đó đề xuất một số giải pháp để</p>	<p>-<i>Về thời gian áp dụng</i>: sáng kiến có thể được áp dụng và vận dụng phân tích ngay từ tháng 8 năm 2023 -<i>Về tính hiệu quả</i>: sáng kiến cung cấp một cái nhìn tổng quát về thực trạng xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong gần 10 năm qua. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã ảnh hưởng sâu rộng, cách thực hiện sản xuất và xuất khẩu không có nhiều đột phá, xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam đã gặp phải</p>	Cấp Bộ

		ISSN: 1859-4093 E-ISSN: 2588-1493	xuất khẩu dệt may phát triển và hướng tới hội nhập kinh tế quốc tế.	những thách thức không nhỏ. Sáng kiến cũng đề xuất bốn nhóm giải pháp chính nhằm hạn chế những nguy cơ xảy ra rủi ro lớn, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp dệt may Việt Nam trong thời gian tới.	
111.	Nguyễn Thị Tuyết - BM Kinh tế học	Sáng kiến: “Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quản lý tài sản công tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính” thuộc đề tài cấp Bộ “Quản lý tài sản công tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính” mã số BTC/ĐT/2022-22, Chủ nhiệm đề tài: ThS. Chu Đức Lam	Tài sản công là nguồn lực nội sinh của đất nước, là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và quản lý xã hội, là nguồn lực tài chính quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia. Tuy nhiên việc sử dụng tài sản công tại đơn vị hành chính sự nghiệp lập thuộc Bộ Tài chính cũng như nhiều cơ quan nhà nước khác vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hiện nay còn gặp vướng mắc do thẩm quyền phê duyệt và thẩm quyền thẩm định đề án sử dụng TSC vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chưa phù hợp; chưa có tiêu chí cụ thể để xác định thế nào là thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị hành chính sự nghiệp lập không phải lập Đề án, thế nào là sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải lập đề án...	<p>- Về thời gian áp dụng: sáng kiến có thể áp dụng và vận dụng phân tích ngay từ tháng 10 năm 2023</p> <p>- Về tính hiệu quả: Sáng kiến đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quản lý tài sản công tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính. Sáng kiến còn được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách. Ngoài ra, sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, giảng viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	Cấp Bộ
112.	Nguyễn Thị Tuyết - BM Kinh tế học	Bài viết : “ Giải pháp tài chính phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam” được đăng trên Tạp chí Tài chính kỳ 2 – tháng	Thuật ngữ kinh tế xanh và tăng trưởng xanh ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, ở Việt Nam, những thuật ngữ này còn khá mới mẻ	<p><i>Về thời gian áp dụng:</i> sáng kiến có thể áp dụng và vận dụng phân tích ngay từ tháng 06 năm 2023</p> <p><i>Về tính hiệu quả:</i> sáng kiến cung cấp một cái nhìn tổng quát về</p>	Cấp Bộ

		6/2023 (803), ISSN – 2615-8973	<p> khiến việc nghiên cứu và triển khai các chính sách liên quan trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng thu thuế và chi ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các khuyến nghị nhằm hoàn thiện các giải pháp tài chính phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian tới.</p>	<p> thực trạng thu và chi ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian qua. Theo nghiên cứu của bài báo, đề oàn thiện các giải pháp tài chính phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian tới cần lấp đầy các khoảng trống pháp lý liên quan đến thuế, phí; mở rộng chính sách khuyến khích đầu tư vào các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng thân thiện với môi trường; thể chế hóa chính sách mua sắm công xanh; lồng ghép các chỉ tiêu tăng trưởng xanh...Sáng kiến còn được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách. Ngoài ra, sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, giảng viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	
113.	Nguyễn Đình Hoàn BM Kinh tế học	<p>Sáng kiến: “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài sản công” thuộc đề tài cấp Bộ “Quản lý tài sản công tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính” mã số BTC/ĐT/2022-22, Chủ</p>	<p>Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý TSC tại các đơn vị HCSN thuộc Bộ Tài chính là cơ sở quan trọng nhất để những tổ chức này thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản được Nhà nước giao phó. Tuy nhiên, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về quản lý TSC cho các đơn vị HCSN thuộc BTC vẫn chưa thực sự rõ ràng, chặt chẽ, khoa học và đầy đủ. Các văn bản từ Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn về quản lý TSC tại các đơn</p>	<p>- Về thời gian áp dụng: sáng kiến có thể áp dụng và vận dụng phân tích ngay từ tháng 10 năm 2023</p> <p>- Về tính hiệu quả: Sáng kiến đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài sản công. Sáng kiến còn được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch</p>	Cấp Bộ

		nhiệm đề tài: ThS. Chu Đức Lam	vị HCSN còn thiếu tính đồng bộ, được đưa ra theo từng thời điểm phát sinh các vấn đề, sự vụ trong thực tế. Trong khi đó, TSC có bản chất là đa dạng, phân tán và khó kiểm soát chặt chẽ do nó là nguồn lực công cộng mà nhiều cá nhân, tổ chức đều mong muốn khai thác lợi ích.	định chính sách. Ngoài ra, sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, giảng viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước	
114.	Nguyễn Đình Hoàn Trưởng khoa Kinh tế	<p>“Phân tích định lượng mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng”</p> <p>Thuộc bài báo quốc tế ISI- Scopus Q2: “Factors influencing consumers' online shopping decisions” của tạp chí “International Journal of Data and Network science(2023) ISSN 2561-8156 (Online) - ISSN 2561-8148 (Print) đăng ngày 10/03/2023</p>	Sáng kiến của tôi đã sử dụng kết quả điều tra từ bảng câu hỏi thu thập được từ những người đã từng có hoạt động mua sắm trực tuyến sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tôi đã triển khai phát ra 210 phiếu điều tra, thu về và hợp lệ là 200 phiếu. Bằng phương pháp ước lượng hồi quy trên phần mềm SPSS.	Kết quả nghiên cứu cho thấy khi người tiêu dùng cảm nhận được sự hữu ích của việc mua sắm trực tuyến thì họ sẽ quyết định mua sắm đồng thời chất lượng sản phẩm và người xung quanh cũng ảnh hưởng tới quyết định tiêu dùng của họ. Điều này sẽ là căn cứ vững chắc về mặt khoa học để các doanh nghiệp kinh doanh online có thể có hướng đi phù hợp trên con đường phát triển của mình Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi rộng rãi tới các doanh nghiệp kinh doanh online trên toàn quốc và có hiệu lực từ tháng 3/2023 và là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài học viện.	Cấp Bộ
115.	Hoàng Hải Ninh - Bộ môn Kinh tế đầu tư tài chính	Bài báo “Analysis of Factors Affecting the Capital Structure of Industrial Enterprises Listed on Vietnam Stock Market”	Nghiên cứu này nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp công nghiệp với mẫu là 21 công ty tại Việt Nam giai đoạn 2015–2022. Nghiên cứu này chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn như: quy mô công ty huy động vốn, tỷ suất lợi nhuận, khó	Sáng kiến “Analysis of Factors Affecting the Capital Structure of Industrial Enterprises Listed on Vietnam Stock Market” có	Cấp Bộ

		<p>Đăng trên hội thảo quốc tế ICRMAT 2023</p>	<p>khăn tài chính, lá chắn thuế từ nợ. Kết quả này cho thấy có mối liên hệ giữa các thành phần chỉ số của luận án và tỷ lệ đòn bẩy tài chính. Sau khi khắc phục khiếm khuyết của mô hình để tìm ra mô hình cốt lõi của nghiên cứu với các nhân tố được đưa vào kiểm định có thể giải thích được 44,42% sự biến động của đòn bẩy tài chính. Có thể kết luận rằng các biến độc lập ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của các công ty công nghiệp bao gồm quy mô doanh nghiệp, tỷ suất lợi nhuận và lá chắn thuế phi nợ. Dựa trên nghiên cứu này, các doanh nghiệp công nghiệp có thể thực hiện các bước để cải thiện các số liệu quan trọng nhất nhằm cải thiện lợi nhuận của mình.</p>	<p>hạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế.</p>	
116.	<p>Trần Thị Phương Dịu- Bộ Môn Kinh tế Đầu Tư Tài chính</p>	<p>“Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp”</p> <p>Thuộc bài báo quốc tế ISI- Scopus Q2: “Factor influencing corporate Financial Performance: Empirical evidence from the Textile and Garment Industry in Vietnam” của tạp chí “Journal of Asian Finance, Economics and Business Vol 10 No 1</p>	<p>Nghiên cứu của tôi tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính trên 250 doanh nghiệp dệt may tại thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, kết quả nghiên cứu cho thấy khi doanh nghiệp có khả năng huy động vốn, chi phí rẻ, phù hợp, tối ưu thì hầu hết các doanh nghiệp sẽ có hiệu quả tốt hơn. Ngược lại nếu doanh nghiệp khó khăn trong việc huy động trong nền kinh tế thường đạt hiệu quả tài chính thấp”</p>	<p>Nghiên cứu của tôi cung cấp bằng chứng khoa học cho các doanh nghiệp có thể gia tăng lợi nhuận bằng cách lựa chọn cơ cấu vốn phù hợp. Doanh nghiệp có khả năng lựa chọn cơ cấu vốn rẻ, an toàn, kịp thời thì có khả năng chủ động trong kinh doanh và đạt lợi nhuận cao. Ngược lại doanh nghiệp không tiếp cận được vốn khó đạt hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra nghiên cứu cũng khuyến nghị các doanh nghiệp nên có các chương trình thu hút nguồn nhân</p>	.Cấp Bộ

		(2023) Print ISSN: 2288-4637 / Online ISSN 2288-4645 đăng ngày 20/01/2023		lực chất lượng thì có khả năng phát triển cho doanh nghiệp. Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi rộng rãi tới các doanh nghiệp trên toàn quốc và có hiệu lực từ tháng 1/2023 và là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài học viện	
117.	Trần Thị Phương Dịu- Bộ Môn Kinh tế Đầu Tu Tài chính	“Tổng quan nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng” Thuộc bài báo quốc tế ISI- Scopus Q2: “Factors influencing consumers' online shopping decisions” của tạp chí “International Journal of Data and Network science(2023) ISSN 2561-8156 (Online) - ISSN 2561-8148 (Print) đăng ngày 10/03/2023	Tôi đã đọc và tổng quan các nghiên cứu của Yokoyama (2014), Yang và cộng sự (2016), Inman và Nikolava (2017), Yang và cộng sự (2020), Dan (2021), Luceri và cộng sự (2022), Khaled (2022)...Các nghiên cứu này ở nhiều góc độ hay tuyến vấn đề khác nhau như: vai trò của tiêu dùng với shopping online, công nghệ thông tin, về thiết bị điện thoại...	Sáng kiến của tôi cung cấp các bằng chứng khoa học vững chắc làm căn cứ cho việc xây dựng giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu cho các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng. Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi rộng rãi tới các doanh nghiệp kinh doanh online trên toàn quốc và có hiệu lực từ tháng 3/2023 và là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài học viện.	Cấp Bộ
118.	Lương Thu Thủy - Bộ Môn Kinh tế Đầu Tư Tài chính	“Xây dựng giả thuyết nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng” Thuộc bài báo quốc tế ISI- Scopus Q2: “Factors influencing	Tôi đã xây dựng được 6 giả thuyết nghiên cứu cụ thể: “Sự hữu ích cảm nhận”; “Chất lượng sản phẩm”; “Rủi ro cảm nhận”; “quyết định tiêu dùng của nhóm tham khảo”; “Chính sách của chính phủ” và “sự an toàn của thương mại điện tử” đều có ảnh hưởng tích cực đến quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng.	Sáng kiến của tôi là căn cứ quan trọng để các bước nghiên cứu tiếp theo cụ thể là quá trình phát bảng hỏi, xử lý phân tích định lượng đạt được kết quả và mục đích nghiên cứu ban đầu. Kết quả của	Cấp bộ

		consumers' online shopping decisions” của tạp chí “International Journal of Data and Network science(2023) ISSN 2561-8156 (Online) - ISSN 2561-8148 (Print) đăng ngày 10/03/2023		phân tích định lượng cũng đồng thuận với các giả thuyết ban đầu của tôi. Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi rộng rãi tới các doanh nghiệp kinh doanh online trên toàn quốc và có hiệu lực từ tháng 3/2023 và là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài học viện.	
119.	Lương Thu Thủy - Bộ Môn Kinh tế Đầu Tư Tài chính	<p>“Cải tiến công nghệ và tác động của nó đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: Trường hợp của Việt Nam”</p> <p>Thuộc bài báo quốc tế ISI- Scopus Q2: “The technological enhancement and its impact on corporate financial performance in the context of the industrial revolution 4.0: The case of Vietnam” của tạp chí “International Journal of Data and Network</p>	<p>Thông qua dữ liệu trong thực tế để phân tích hồi quy; từ đó khẳng định các doanh nghiệp cần có thời gian tiếp thu công nghệ để gia tăng sản lượng đầu ra. Các doanh nghiệp chọn có nguồn vốn tự có dồi dào thường đạt hiệu quả tốt hơn so với các doanh nghiệp sử dụng vốn từ vay nợ và tài trợ bên ngoài. Nghiên cứu cũng khẳng định, các doanh nghiệp có khả năng quản lý vòng quay tổng tài sản tốt sẽ có hiệu quả tài chính cao hơn và lãi suất cao tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Sáng kiến của tôi là căn cứ quan trọng để các bước nghiên cứu tiếp theo cụ thể là quá trình thu thập, xử lý số liệu; phân tích định lượng đạt được kết quả và mục đích nghiên cứu ban đầu. Kết quả của phân tích định lượng cũng đồng thuận với các giả thuyết nghiên cứu ban đầu của tôi.</p>	Cấp Bộ

		science (2023) ISSN 2291-6830 (Online) - ISSN 2291-6822 (Print) đăng ngày 11/5/2023			
120.	Lưu Huyền Trang - Bộ môn Kinh tế học	<p>Tên sáng kiến “<i>Ảnh hưởng tích cực của các biến số vĩ mô tới nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam</i>”</p> <p><i>Sáng kiến thuộc bài báo “The effect of macroeconomic variables on the financial resources of enterprises in Vietnam”</i></p> <p><i>- Ảnh hưởng của các biến số kinh tế vĩ mô tới nguồn lực tài chính tại Việt Nam– Hội thảo Khoa học Quốc tế SEDBM 6-9/2023 “Phát triển kinh tế bền vững và quản lý kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa”,</i></p> <p>Đồng tác giả: PGS, TS Nguyễn Thị Việt Nga;</p>	<p>Dựa theo kết quả của mô hình VAR, tác động tích cực của các biến số vĩ mô tới nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam cụ thể như sau:</p> <p>Các biến số vĩ mô bao gồm tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát, tỉ giá hối đoái có xu hướng thay đổi tích cực, dẫn tới sự tăng trưởng và mở rộng nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp. Nguồn lực của các doanh nghiệp nhà nước hưởng lợi từ sự thay đổi của các biến số vĩ mô nhiều hơn so với các doanh nghiệp nhà nước, trong đó ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng kinh tế là cao nhất. Trong giai đoạn 2002 tới 2022, lạm phát được kiểm soát tốt, giúp gia tăng nguồn lực tài chính cho các doanh nghiệp sản xuất. Lãi suất giảm nhờ các quy định điều tiết của chính phủ, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận khi tiếp cận các nguồn lực tài chính, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài khu vực quốc doanh. Tỉ giá hối đoái giảm giúp các doanh nghiệp huy động được nhiều nguồn lực tài chính hơn, đặc biệt là các doanh nghiệp nhập khẩu</p>	<p>- Sáng kiến được áp dụng từ tháng 9/2023.</p> <p><i>-Về tính hiệu quả:</i> Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi tới các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài Học viện.</p>	Cấp Bộ

		Đào Ngọc Uyên Trang; Mai Thị Lệ Thủy			
121.	Nguyễn Thị Việt Nga - BM Kinh tế học	Sáng kiến: “Giải pháp thúc đẩy sản xuất xanh nhằm phát triển bền vững doanh nghiệp tư nhân” - Sáng kiến thuộc bài báo “Sustainable development of private enterprise: current status and solution in Vietnam” - Phát triển bền vững doanh nghiệp tư nhân - Thực trạng và giải pháp ở Việt Nam - Hội thảo khoa học quốc tế SEDBM 6 - 9/2023	Ở Việt Nam, khu vực tư nhân không chỉ đóng góp đáng kể vào GDP của đất nước mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ hội việc làm cho một lượng lớn lao động. Tuy nhiên trong tiến trình hội nhập quốc tế hiện nay, khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam cũng gặp phải những thách thức nhất định. Do vậy rất cần phải đưa ra các giải pháp nhằm phát triển bền vững kinh tế tư nhân – trong đó có giải pháp thúc đẩy sản xuất xanh.	- <i>Về thời gian áp dụng</i> : Sáng kiến có thể được áp dụng và vận dụng phân tích ngay từ tháng 9 năm 2023. - <i>Về tính hiệu quả</i> : Sáng kiến cung cấp một cái nhìn tổng quát về thực trạng phát triển của doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam trong giai đoạn qua. Đồng thời, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng, nhận định rõ những thách thức và cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Sáng kiến cũng đề xuất một số nhóm giải pháp chính nhằm thúc đẩy sản xuất xanh, phát triển bền vững doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam trong thời gian tới - Kết quả của nghiên cứu này có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi tới các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, là tài liệu quan trọng phục vụ hoạt động nghiên cứu trong và ngoài Học viện.	Cấp Bộ
122.	Nguyễn Tiến Đức - BM Kinh tế học	Bài viết: “Situation of the legal framework on green bond in Vietnam” được đăng trong Hội thảo quốc tế (FASPS5)	Trái phiếu xanh là công cụ quan trọng, hữu hiệu để huy động vốn thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án bảo vệ môi trường bền vững ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn một số	Theo nghiên cứu của bài báo, Chính phủ Việt Nam cần nghiên cứu, điều tra và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng thể thị trường trái phiếu cũng như trái phiếu xanh.	Cấp Học viện

			việc cần phải làm để đảm bảo các quy định phát hành trái phiếu này rõ ràng và đầy đủ. Bài viết này xem xét các quy định hiện hành về trái phiếu xanh ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp.	Trên cơ sở khung pháp lý hiện hành, cần ban hành các văn bản cụ thể quy định yêu cầu đánh giá trái phiếu xanh, dự án xanh cũng như quy định về phát hành và quản lý.	
123.	Đặng Thị Thu Giang - Phó BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại- Góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tư nhân</i>	Sáng kiến nhằm phân tích sự ra đời của nền quản trị quốc gia, những nguyên tắc và nhân tố tác động đến quản trị quốc gia. Thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng lực quản trị nhà nước trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, trong đó có tăng trưởng và phát triển kinh tế tư nhân.	Để cải thiện quản trị quốc gia, sáng kiến đã chỉ ra các giải pháp Việt Nam cần thực hiện như: xây dựng bộ máy hành chính hoạt động minh bạch và chịu trách nhiệm trước công chúng; xây dựng hệ thống dịch vụ công hiệu quả; hoàn thiện hệ thống giải quyết và xét xử tranh chấp; thiết kế chính sách công nghiệp tập trung vào nâng cấp cơ sở công nghệ và phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Sáng kiến đã được các nhà khoa học công nhận và được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế FASPS 5.	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, ngành và một số lĩnh vực có liên quan. Nghiên cứu của sáng kiến này tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới.
124.	Vũ Thị Thu Hương-PT BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Nhà nước pháp quyền- nhân tố có ảnh hưởng lớn đến đổi mới sáng tạo ở Việt Nam - THE RULE OF LAW - THE FACTOR WITH GREAT INFLUENCE ON INNOVATION IN VIETNAM</i>	Sáng kiến đã nghiên cứu mối liên hệ chặt chẽ giữa thực hiện nhà nước pháp quyền với đổi mới sáng tạo cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2015-2022, chỉ số đổi mới sáng tạo GII của Việt Nam có hệ số tương quan cao với thực trạng xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Do đó, để cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền, đặc biệt ở khía cạnh tự	Sáng kiến đã được các nhà khoa học đánh giá cao và được đăng trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa lần thứ 6 (SEDBM6) được tổ chức tại Học viện Tài chính, tháng 9/2023. Kết quả nghiên cứu của sáng kiến là cơ sở để bộ, ngành đề xuất ra các giải pháp cụ thể để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong thời gian tới.	Sáng kiến này có khả năng nhân rộng áp dụng ở cấp Bộ, Ngành trong nhiều lĩnh vực khác nhau

		Đề nghị công nhận sáng kiến cấp Bộ	do, dân chủ để khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo của các chủ thể.		
125.	Vũ Thị Thu Hương-PT BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Hoàn thiện thể chế khuyến khích đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay-COMPLETING THE INSTITUTIONS TO PROMOTE INNOVATION IN THE CURRENT VIETNAMESE ECONOMY</i> Đề nghị công nhận sáng kiến cấp Bộ	Bằng sự sử dụng dữ liệu đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2022, sáng kiến đã phân tích mối quan hệ giữa hoàn thiện thể chế chính trị, thể chế pháp quyền, thể chế môi trường kinh doanh với kết quả của chỉ số đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong giai đoạn 2015-2022. Nhờ sự đẩy mạnh cải thiện thể chế về chính trị, pháp lý và kinh doanh, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam đã tăng cả về điểm số và thứ hạng, đóng góp không nhỏ vào quá trình đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Trên cơ sở đó, sáng kiến đề xuất những giải pháp về khía cạnh thể chế để thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong thời gian tới.	Sáng kiến đã được các nhà khoa học đánh giá cao và được lựa chọn trình bày trực tiếp tại trình bày tại Hội thảo Quốc tế: Tài chính và kế toán cho phát triển khu vực tư nhân bền vững lần thứ 5 (FASPS5) tổ chức tại Học viện Tài chính, tháng 11/2023. Sáng kiến được Ban tổ chức bình chọn Bài viết tiêu biểu (Bestpaper)	Sáng kiến này có thể được nhân rộng áp dụng ở cấp Bộ, Ngành Tài chính và các lĩnh vực khác.
126.	Hoàng Thị Hồng Hạnh- BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Một số chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam hiện nay - Some policies for development of agriculture enterprises Vietnam now</i> ”- Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế SEDBM 6 - 2023	Trong bài viết, bằng việc sử dụng các phương pháp luận chung nhất và các phương pháp nghiên cứu cụ thể, tác giả đã hệ thống hóa cùng lúc nhiều chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; nghiên cứu đầy đủ và phù hợp hơn cách thức xây dựng và tổ chức triển khai chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết này khái quát lý luận về chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; đánh giá thực trạng triển khai chính sách cho cả giai đoạn dài 10 năm và đề xuất nhiều giải pháp hoàn thiện	Sáng kiến đã được các nhà khoa học đánh giá cao và được đăng ở trang 414-425 trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa” - SEDBM 6 - năm 2023. Những kết quả nghiên cứu của sáng kiến đầy đủ và phù hợp hơn cách thức xây dựng và tổ chức triển khai chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam. Hệ thống hóa cùng lúc nhiều	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn ở cấp Bộ, Ngành và cấp cơ sở từ năm học 2023-2024; có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, tài

			chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp trong bối cảnh mới.	chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và đánh giá kết quả triển khai chính sách cho cả giai đoạn dài 10 năm.	chính, các nhà hoạch định chính sách và những ai quan tâm tìm hiểu
127.	Hoàng Thị Hồng Hạnh- BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Quan điểm của Hồ Chí Minh về trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền Nhà nước và giá trị định hướng đối với xây dựng Nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay” - Bài đăng ở Tr.120 Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” - 2023</i>	Trong bài viết, tác giả đưa ra những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò, trách nhiệm của Đảng đối với lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền nhà nước, từ đó rút ra giá trị định hướng trong xây dựng nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và khẳng định tính chính đáng của Đảng trong lãnh đạo xây dựng nhà nước ta.	Ngày nay việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước là yêu cầu cấp thiết được đặt ra. Để thực hiện được mục tiêu này thì cần phải không ngừng củng cố, xây dựng Nhà nước ta, thực sự trở thành Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nhằm phát huy được mọi nguồn lực từ nhân dân trong phát triển xã hội. Do đó, việc quán triệt và vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về trách nhiệm của Đảng trong việc xây dựng, củng cố chính quyền nhà nước, nhằm rút ra giá trị định hướng trong xây dựng Nhà nước ta hiện nay là yêu cầu cần thiết.	Sáng kiến được áp dụng từ năm học 2023-2024, là tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ, giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, sinh viên Học viện tài chính và tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này. Sáng kiến được đồng nghiệp và người nghiên cứu, học tập đón nhận và đánh giá cao.
128.	Đỗ Thị Thu Hiền- BM Kinh tế Chính trị MLN	<i>Quan điểm của Ăngghen về nguồn gốc của tư hữu và giá trị của nó trong điều kiện hiện nay”- đã</i>	Trong bài viết, bằng việc sử dụng các phương pháp luận chung nhất và các phương pháp nghiên cứu cụ thể, tác giả đã Làm rõ những quan niệm cơ bản về chế độ tư hữu của Ph.Ăngghen trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư	Đề tài đã được các nhà khoa học đánh giá cao và được nghiệm thu và xếp loại xuất sắc tháng 11/2023. Những kết quả nghiên cứu của đề tài đầy đủ và phù hợp với thực trạng của chế độ sở hữu	Đề tài góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề cơ bản về chế độ tư hữu trong tác phẩm theo

		<p>được nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc năm 2023.</p> <p>Tác giả bài viết “<i>Các yếu tố chủ đạo trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay</i>” - Bài đăng ở Tr.230 Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “<i>Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i>” - 2023</p>	<p>hữu và của nhà nước” và một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, góp phần nắm vững các quan niệm duy vật biện chứng trong cách giải quyết các vấn đề nhận thức luận, hơn nữa củng cố thế giới quan duy vật đối với bản thân với tư cách là một sinh viên chuyên ngành triết học.</p> <p>Trong bài viết, tác giả đưa ra những khái niệm liên quan các yếu tố chủ đạo trong kiểm soát quyền lực nhà nước, đưa ra những nguyên nhân và giải pháp phát huy vai trò của các yếu tố chủ đạo trong kiểm soát quyền lực nhà nước hiện nay để Nhà nước ta, thực sự trở thành Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nhằm phát huy được mọi nguồn lực từ nhân dân trong phát triển xã hội</p>	<p>Việt Nam hiện nay; những biểu hiện của chế độ tư hữu và các hình thức sở hữu tư nhân ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó bước đầu làm rõ vai trò và xu hướng sở hữu tư nhân ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Ngày nay việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước là yêu cầu cấp thiết được đặt ra. Để thực hiện được mục tiêu này thì cần phải không ngừng củng cố, xây dựng Nhà nước ta, thực sự trở thành Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nhằm phát huy được mọi nguồn lực từ nhân dân trong phát triển xã hội. Do đó, kiểm soát quyền lực là một quy luật tất yếu, một yêu cầu khách quan tự thân của Nhà nước pháp quyền Việt Nam, không có kiểm soát quyền lực hoặc kiểm soát quyền lực yếu thì quyền lực tất yếu bị lạm dụng phục vụ cho lợi ích riêng, lợi ích nhóm, quyền lực bị tha hóa dẫn đến quan liêu, tiêu cực, tham nhũng; hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành sẽ thấp. Vì vậy, kiểm soát quyền lực nhà nước có ý nghĩa đặc biệt</p>	<p>quan niệm của Ph. Ăngghen và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên và những người quan tâm đến vấn đề trên.</p> <p>Sáng kiến được áp dụng từ năm học 2023-2024, là tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ, giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, sinh viên Học viện tài chính và tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này. Sáng kiến được đồng nghiệp và người nghiên cứu, học tập</p>
--	--	--	---	---	--

				quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước, cơ chế, chính sách, pháp luật và do đó về mặt pháp lý cũng như trên thực tiễn, vấn đề này luôn được quy định là một nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp.	đón nhận và đánh giá cao.
129.	Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)	<p>Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học bậc đại học không chuyên lý luận chính trị hiện nay.</p> <p>Đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp Bộ</p>	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn học bắt buộc đối với sinh viên các trường đại học, học viện, cao đẳng. Để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn so với cuốn giáo trình chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tôi đã nghiên cứu thực hiện sáng kiến “Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học bậc đại học không chuyên lý luận chính trị hiện nay” bằng cách bố cục kiến thức môn học này thành hai phần: Phần khái quát tri thức lý luận cơ bản của 07 chương về chủ nghĩa xã hội khoa học theo giáo trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị; Phần bài tập trắc nghiệm gồm 100 câu hỏi để người học nắm vững hơn nội dung môn học. Với cách trình bày này giảng viên và sinh viên vừa dễ theo dõi nắm bắt nội dung môn học, vừa nhanh nắm vững và sâu kiến thức môn học khi đọc - nghĩ - làm bài tập trắc nghiệm theo logic kiến thức môn học. Nội dung sáng kiến khoa học này được tôi cụ hóa và in thành cuốn sách “Lý thuyết và bài tập trắc nghiệm chủ nghĩa xã hội khoa học” xuất bản năm 2023. Đây là cuốn sách đầu tiên ở nước ta hiện nay có sự đầu tư</p>	<p>- Sản phẩm khoa học được giảng viên và sinh viên đón nhận nhiệt thành.</p> <p>- Sản phẩm khoa học này đã giúp môn học có thêm một tài liệu hỗ trợ thiết thực.</p> <p>- Sáng kiến cũng đã giúp giảng viên có thêm tài liệu để thực hiện hiệu quả hơn phương pháp thảo luận nhóm cho sinh viên học tập môn học.</p> <p>- Sáng kiến khoa học này đã giúp sinh viên đọc, khai thác giáo trình, tài liệu bổ trợ môn học dễ hơn, nhanh hơn, hiệu quả hơn trong việc học - hiểu - thi - vận dụng.</p>	<p>- Tại Học viện Tài chính, sáng kiến khoa học này đã được sinh viên K61 đón nhận sử dụng để nâng cao hiệu quả học tập môn học chủ nghĩa xã hội khoa học, nhất là giúp sinh viên làm quen với các mẫu câu hỏi trắc nghiệm bên cạnh các câu hỏi tự luận truyền thống.</p> <p>- Sản phẩm khoa học này đã và đang được phát hành</p>

			trình bày kết hợp giữa lý thuyết và bài tập trắc nghiệm môn chủ nghĩa xã hội khoa học.		phục vụ cho sinh viên bậc đại học không chuyên lý luận chính trị không chỉ dành cho các trường đại học, học viện trực thuộc Bộ Tài chính mà sẽ nhân rộng ảnh hưởng đối với người học môn học này trên toàn quốc.
130.	Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)	<i>Phát triển năng lực thông tin của sinh viên Học viện Tài chính trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư</i>	Giải pháp đối với các Khoa	Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Xuất sắc.	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 - 2024.
131.	Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)	<i>Thực trạng các quy định hiện hành về giá trị hợp lý tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>	Trình bày thực trạng các quy định hiện hành về giá trị hợp lý tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm: + Quy định pháp lý hiện hành về GTHL trong kế toán ở Việt Nam: Quy định về cơ sở tính giá trong kế toán Việt Nam; Quy	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính.

			<p>định về GTHL theo hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam; Quy định về giá trị hợp lý của các văn bản pháp quy khác</p> <p>+ Quy định pháp lý hiện hành về GTHL trong kế toán tại các DNNY trên TTCK Việt Nam</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
132.	Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)	<p><i>Thực trạng áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i></p>	<p>Trình bày thực trạng áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu chung về phương pháp thu thập dữ liệu + Thực trạng áp dụng GTHL trong hệ thống kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam như: Thực trạng áp dụng GTHL để ghi nhận ban đầu các đối tượng kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam; Thực trạng áp dụng GTHL sau ghi nhận ban đầu các đối tượng kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam 	<p>Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

133.	<p>Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)</p>	<p><i>Khuyến nghị lộ trình và điều kiện cần thiết khi áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam</i></p>	<p>Khuyến nghị lộ trình và điều kiện cần thiết khi áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm: + Khuyến nghị lộ trình áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam + Điều kiện cần thiết khi áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</p>	<p>Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
134.	<p>Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)</p>	<p><i>Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong các doanh nghiệp</i></p>	<p>Trình bày việc áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) trên thế giới, lợi ích của việc áp dụng IFRS cũng như các khó khăn khi áp dụng IFRS. Trình bày việc áp dụng IFRS trong các doanh nghiệp Việt Nam: ảnh hưởng tích cực và các khó khăn rủi ro gặp phải khi áp dụng IFRS ở Việt Nam.</p>	<p>Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

					+ Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
135.	Dương Quốc Quân - Phó Trưởng khoa (PT)	<i>Đề xuất phương án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</i>	<p>Đề xuất phương án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quan điểm xây dựng các quy định pháp lý: đối với Luật Kế toán, đối với hệ thống chuẩn mực kế toán. + Đề xuất hoàn thiện thể chế để áp dụng IFRS: Hình thành Hội đồng Chuẩn mực BCTC Việt Nam, Đổi mới quy trình ban hành chuẩn mực, Các vấn đề khác^[L1]_[SEP] + Đề xuất hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho quá trình áp dụng IFRS trong các DNNY trên TTCK Việt Nam; Đề xuất phát triển tổ chức nghề nghiệp kế toán tại Việt Nam; Đề xuất đổi mới đào tạo kế toán trên cả hệ thống học thuật và nghề nghiệp. 	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
136.	Nguyễn Ngọc Ánh- BM Triết học MLN	<i>Giải pháp phát triển năng lực thông tin của sinh viên Học viện Tài chính hiện nay (Trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện: “Phát triển năng lực thông tin của sinh viên Học viện Tài chính</i>	<p>Để xây dựng giải pháp phát triển năng lực thông tin của sinh viên Học viện Tài chính hiện nay, tác giả đã tập trung chia ra các nhóm giải pháp phù hợp với từng đối tượng, cụ thể: (1) nhóm giải pháp đối với học viện và cơ quan chức năng, (2) nhóm giải pháp đối với bộ phận giảng viên, (3) nhóm giải pháp đối với cán bộ quản lý và cán bộ thư viện, (4) nhóm giải pháp đối</p>	<p><i>Về mặt lý luận:</i> sáng kiến cung cấp cơ sở lý luận về năng lực thông tin, năng lực thông tin cho sinh viên, các cá nhân và nhà trường làm tài liệu tham khảo</p> <p><i>Về mặt thực tiễn:</i> sáng kiến có giá trị trực tiếp trong phát triển</p>	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho giảng viên, sinh viên cả

		<i>trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”</i>).	với học viên... Đây là cách tiếp cận giải pháp hoàn toàn mới mà các nghiên cứu trước đây về nội dung này chưa tiếp cận. Từ đó, tác giả tập trung phân tích, làm rõ vai trò của từng nhóm giải pháp để đem lại hiệu quả thiết thực nhất nhằm nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên Học viện Tài chính hiện nay.	năng lực thông tin cho sinh viên Học viện Tài chính hiện nay. Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Xuất sắc.	nước nói chung và sinh viên khối ngành kinh tế nói riêng từ năm học 2023 - 2024, được sinh viên đón nhận và đánh giá cao.
137.	Nguyễn Ngọc Ánh- BM Triết học MLN	<i>Giải pháp giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Học viện Tài chính theo hướng tích cực. (Trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa: “Giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Học viện Tài chính hiện nay”</i>).	Để xây dựng giải pháp giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Học viện Tài chính theo hướng tích cực, tác giả đã đưa ra một loạt các giải pháp như: (1) Tiếp tục xây dựng những quy định quản lý sinh viên cho phù hợp với sinh viên Học viện Tài chính, (2) Phát động phong trào thi đua học tập trên giảng đường, (3) Nhân rộng các tấm gương điển hình về nếp sống văn hóa của sinh viên, (4) Đẩy mạnh phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện và thiện nguyện của sinh viên, (5) Tăng cường sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường đối với việc giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Học viện Tài chính. Tác giả đã tập trung bám sát từng giải pháp gắn với những nội dung cụ thể trong vấn đề khoa học để nâng cao khả năng ứng dụng các giải pháp một cách hiệu quả.	<i>Về mặt lý luận:</i> sáng kiến cung cấp cơ sở lý luận về giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên cho các cá nhân và nhà trường làm tài liệu tham khảo <i>Về mặt thực tiễn:</i> sáng kiến có giá trị trực tiếp giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Học viện tài chính hiện nay. Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Xuất sắc.	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng làm tài liệu học tập, tham khảo cho giảng viên, sinh viên Học viện Tài chính nói riêng, cho các cấp quản lý sinh viên, và sinh viên toàn quốc nói chung về vấn đề giáo dục nếp sống văn hoá, từ năm học 2023 - 2024. Đề tài được sinh viên đặc biệt đón

					nhận và đánh giá cao.
138.	Nguyễn Ngọc Ánh- BM Triết học MLN	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.</i> (Bài viết Hội thảo khoa học Khoa)	Tác giả đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Từ đó, tác giả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay qua năm nội dung cơ bản sau: Nhanh chóng cụ thể hóa quy định của hiến pháp; Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật; Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; Ổn định thể chế hóa các quy định về quyền con người, quyền và tự do hiến định của công dân, bảo đảm trách nhiệm hai chiều giữa Nhà nước và công dân; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền.	<i>Về mặt lý luận:</i> sáng kiến cung cấp cơ sở lý luận về Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay cho sinh viên và các nhà trường làm tài liệu tham khảo <i>Về mặt thực tiễn:</i> sáng kiến có giá trị trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Sáng kiến đã hoàn thành và được in trong Hội thảo Khoa học Khoa Lý luận chính trị năm 2023, trang 95-101..	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho cá nhân và tập thể nghiên cứu về vấn đề nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm học 2023 – 2024. Sáng kiến được sinh viên và đồng nghiệp đón nhận và đánh giá cao.
139.	Nguyễn Ngọc Ánh- BM Triết học MLN	<i>Thực trạng năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân và Khởi nguồn động lực phát triển năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân</i> (Current status of information capacity in the private economic sector And Unleash the	Sáng kiến đã đi vào phân tích thực trạng năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân hiện nay, đặc điểm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam cũng như khả năng phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam theo hướng chủ động, tích cực trong thời gian tới. Từ đó, tác giả xác định động lực phát triển năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam gồm 5 đặc điểm sau: (1) Đẩy mạnh vai trò của các hiệp hội trong trao đổi thông tin của từng lĩnh vực	<i>Về mặt lý luận:</i> sáng kiến là một trong những nghiên cứu đầu tiên cung cấp cơ sở lý luận về kinh tế tư nhân, phát triển năng lực thông tin ở khu vực kinh tế tư nhân cho các cá nhân và nhà trường làm tài liệu tham khảo <i>Về mặt thực tiễn:</i> sáng kiến có giá trị trực tiếp trong phát triển năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay.	Từ năm học 2023 - 2024, Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho giảng viên, sinh viên và các nhà nghiên cứu trong nước và

		<p>motivation to develop information capacity in the private economic sector) - Bài viết Hội thảo khoa học Quốc tế 2023.</p> <p>Đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp Bộ</p>	<p>sản xuất, kinh doanh; (2) Các chính sách đầu tư và hỗ trợ của nhà; (3) Xây dựng các mô hình hợp tác công tư trong trao đổi thông tin một cách sáng tạo; (4) Mỗi cá nhân tham gia khu vực kinh tế tư nhân cần tự vận động để nâng cao năng lực thông tin của mình bằng nhiều con đường khác nhau; (5) Khu vực kinh tế tư nhân cần tích cực tiếp cận với các nguồn thông tin về những thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và các xu thế mới.</p>	<p>Sáng kiến được in trong Hội thảo khoa học Quốc tế FASPS 5 tháng 10/2023, trang 798-805.</p>	<p>ngược ngoài về vấn đề năng lực thông tin trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay. Bài viết được bạn bè đồng nghiệp trong nước và quốc tế đánh giá cao.</p>
140.	<p>Hồ Thị Hà-BM Triết học MLN</p>	<p><i>Hoàn thiện môi trường pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp”</i> (thuộc Bài Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 5 “DEVELOPING THE PRIVATE SECTOR ECONOMY IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION IN VIETNAM TODAY”).</p> <p>Đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp Bộ</p>	<p>Hoàn thiện môi trường pháp lý sẽ góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước. Các chính sách kinh tế phải được xem xét kỹ lưỡng, phải đúng với thực tế và đặc biệt phải đảm bảo có sự công bằng trong từng thành phần kinh tế. Khi xây dựng bộ máy quản lý của các doanh nghiệp phải đảm bảo tất cả những nhân tố trên ảnh hưởng một cách tích cực lên quá trình tăng trưởng của toàn nền kinh tế.</p>	<p>Sáng kiến đã được đăng trong kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 5 (PAPS5)</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng từ năm 2023, được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước. Phạm vi ảnh hưởng sáng kiến: cấp Bộ</p>

141.	Hò Thị Hà-BM Triết học MLN	<p>“<i>Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học</i>” (trong đề tài: “<i>Phát triển năng lực thông tin của sinh viên Học viện Tài chính trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư</i>”)</p>	<p>Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học giúp sinh viên chủ động tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất. sáng tạo ra những nguồn tri thức mới, thông tin mới, phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu sau này, để họ biết và đánh giá được khả năng tìm kiếm thông tin.</p>	<p>Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Xuất sắc.</p>	<p>Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo.</p>
142.	Đặng Thái Bình-BM Triết học MLN	<p><i>Bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng qua việc nghiên cứu tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”</i> Link:https://www.quanlynhannuoc.vn/2024/02/02/bao-ve-nen-tang-ly-luan-cua-dang-qua-viec-nghien-cuu-tac-pham-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam</p>	<p>Khái quát một số vấn đề lý luận về Bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng qua việc nghiên cứu tác phẩm Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>Về mặt lý luận: sáng kiến cung cấp cơ sở lý luận cho các trường trung cấp lý luận, cao đẳng, Đại học làm tài liệu tham khảo Về mặt thực tiễn: sáng kiến là tài liệu áp dụng cho các ngành tuyên giáo, giảng dạy các môn lý luận chính trị</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên phạm vi toàn quốc</p>

143.	Phạm Quỳnh Trang- Phó BM Triết học MLN	<i>Liên kết kinh tế trong du lịch hướng tới phát triển bền vững</i>	Sáng kiến này nhằm phân tích sự cần thiết phải phát triển liên kết kinh tế trong phát triển du lịch và sau đó là những nguyên tắc, yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững.	Nghiên cứu giúp các nhà hoạch định chính sách xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động liên kết kinh tế trong lĩnh vực du lịch giữa các địa phương, vùng miền nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng của từng vùng miền và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành du lịch Việt Nam. Sáng kiến đã được các nhà khoa học công nhận và được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế SEBBM 6.	Phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, ngành và một số lĩnh vực có liên quan.
144.	Vương Thúy Hợp-BM Triết học MLN	<i>Phát huy vai trò quản lý của nhà nước trong đại dịch Covid - 19 ở Việt Nam</i>	Sáng kiến từ nghiên cứu và đánh giá thực tiễn đưa ra đề xuất các quan điểm, giải pháp hợp lý nhằm phát huy vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung và trong thời điểm khắc phục hậu quả của Đại dịch Covid 19, khôi phục và phát triển kinh tế đất nước sau đại dịch nói riêng.	Sáng kiến đúc rút được những bài học nhằm đưa ra những đổi mới, hoàn thiện kịp thời, sao cho chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước không ngừng phát huy hiệu quả không chỉ cho thời điểm khắc phục những hậu quả của đại dịch mà còn cho cả tiến trình phát triển kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội nói chung của đất nước.	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp Cơ sở, và một số lĩnh vực có liên quan.
145.	Vương Thúy Hợp-BM Triết học MLN	<i>Chính sách an sinh xã hội đối với người lao động ở nước ta trong đại dịch Covid 19</i>	Khái quát bối cảnh tình hình Covid trên thế giới và Việt Nam, phân tích thực trạng của chính sách an sinh xã hội hiện hành đối với người lao động ở Việt Nam trong đại dịch Covid 19, từ đó đưa ra phương hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội cho người lao động Việt Nam.	Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 10/2023, xếp loại Xuất sắc	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng làm tài liệu dạy và học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

					và Xã hội học tại Học viện Tài chính và những ai quan tâm.
146.	Nguyễn Hoài Anh- BM Triết học MLN	<i>Bài học về áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong các doanh nghiệp Việt Nam</i>	Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS như: Nhân tố văn hoá, Nhân tố tăng trưởng kinh tế, Nhân tố thị trường vốn, Nhân tố trình độ học vấn, Nhân tố hội nhập kinh tế thế giới, Nhân tố hệ thống pháp luật, Nhân tố chính trị. Trình bày bài học kinh nghiệm cho việc áp dụng IFRS tại VN	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết - Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
147.	Nguyễn Hoài Anh- BM Triết học MLN	<i>Khuyến nghị lộ trình triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.</i>	Khuyến nghị lộ trình triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm: + Đối tượng và phạm vi áp dụng + Cách thức áp dụng + Lựa chọn lộ trình phù hợp và thực hiện áp dụng IFRS tại Việt Nam như sau: Tự nguyện áp dụng IFRS, phương pháp áp	Tạo tiền đề ứng dụng thành công vào công tác đào tạo hướng tới áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam.	- Phạm vi ảnh hưởng: Các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Tài chính. - Các doanh nghiệp niêm yết

			dụng, thời gian áp dụng và Sửa đổi VAS hiện hành, các cơ chế chính sách liên quan và báo cáo tài chính theo IFRS		- Khả năng nhân rộng: + Các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc. + Các Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.
148.	Nguyễn Hoài Thương BM Triết học MLN	Kỹ năng làm việc nhóm trong học tập môn Triết học Mác – Lênin của sinh viên hệ đào tạo chất lượng cao Học viện Tài chính hiện nay.	Phân tích thực trạng làm việc nhóm của sinh viên để thấy được những thuận lợi và khó khăn của quá trình làm việc nhóm của sinh viên hệ đào tạo chất lượng cao trong học tập môn Triết học Mác- Lênin ở Học viện Tài chính hiện nay	Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Xuất sắc.	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 – 2024.
149.	Nguyễn Thị Huyền - Triết học MLN	<i>Mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay</i>	Xây dựng, lồng ghép nội dung chuyên đề dân tộc và tôn giáo vào các chương trình đào tạo dành cho sinh viên.	Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 12/2023, xếp loại Giỏi.	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 – 2024.
150.	Nguyễn Thị Hạnh-BM LSD&TTHCM	<i>Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp</i>	Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN		Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được

		<i>quyền XHCN ở Việt Nam</i>		Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu năm 2023, xếp loại Xuất sắc.	áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 - 2024.
151.	Nguyễn Thị Hạnh-BM LSD&TTHCM	<i>Phương pháp nghiên cứu năng lực thông tin đối với khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay</i> (Bài viết Hội thảo khoa học Quốc tế 2023) Đề nghị xét sáng kiến cấp Bộ	Sáng kiến làm rõ nội dung: <i>Một là</i> , dữ liệu thứ cấp là các bài báo, các nghiên cứu về năng lực thông tin, về kinh tế tư nhân hiện nay được thu thập từ các nguồn có uy tín, như các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước. <i>Hai là</i> , dữ liệu thứ cấp là các số liệu, văn bản chính sách, báo cáo, kế hoạch được thu thập từ các cơ quan, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức chính thức của Việt Nam, bao gồm Văn kiện, Nghị quyết, Luật, kế hoạch, nghị định, thông tư, Quyết định của Thủ tướng...	Sáng kiến đã hoàn thành và Sáng kiến được in trong Hội thảo khoa học Quốc tế FASPS 5 tháng 10/2023, trang 798-805.	Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 – 2024.
152.	Nguyễn Bằng Đăng Ngọc BM LSD&TTHCM	<i>Ảnh hưởng của giá trị truyền thống dân tộc đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</i> - đã được nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc năm 2023.	Sáng kiến làm rõ những tác động, ảnh hưởng sâu sắc của những giá trị truyền thống dân tộc đúc kết được trong quá trình dựng nước và giữ nước đã có những tác động đến việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, thấy được Tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau.	Sáng kiến đã được các nhà khoa học đánh giá cao và được nghiệm thu và xếp loại xuất sắc tháng 11/2023. Sáng kiến bổ sung vào nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập, giảng dạy của các môn khoa học chính trị lý luận nói chung và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Ngoài ra, làm cơ sở để nghiên cứu về nguồn gốc hình thành và sự phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.	Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu, đề tài làm rõ một số vai trò của giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam đối với sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

			Sáng kiến góp phần làm rõ các giá trị trong truyền thống dân tộc đồng thời những ảnh hưởng của giá trị đó đối với việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh.		Minh. Bên cạnh đó, phân tích 1 số khía cạnh của việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam trong điều kiện đất nước hiện nay. Sáng kiến đánh giá tổng quát về sự phát triển của những giá trị đó được phát triển trong điều kiện hiện nay dưới sự kế thừa của chủ tịch Hồ Chí Minh
153.	Nguyễn Bằng Đăng Ngọc BM LSD&TTHCM	Tác giả bài viết “ <i>Tìm hiểu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thủ tiêu nhà nước, nhà nước tiêu vong</i> ” – Bài đăng ở Tr.257 Kỷ yếu	Trong bài viết, tác giả đưa ra những quan điểm của Mác - Ăngghen - Lênin về nhà nước tiêu vong và bàn về một số điều kiện để nhà nước tiêu vong.	Cùng với Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do Mác - Ăngghen viết chung, phê phán Cương lĩnh Gôta của Mác, Nguồn gốc gia đình, của chế độ tư hữu và cửa nhà nước của Ăngghen, thì Nhà nước	Sáng kiến được áp dụng từ năm học 2023-2024, là tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ,

		Hội thảo Khoa học “ <i>Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i> ” - 2023		và cách mạng của Lenin là một tác phẩm kinh điển xuất sắc của học thuyết mácxít về nhà nước, là kim chỉ nam cho chúng ta học tập và nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác về Nhà nước.	giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, sinh viên Học viện tài chính và tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này. Sáng kiến được đồng nghiệp và người nghiên cứu, học tập đón nhận và đánh giá cao.
154.	Nguyễn Thanh Quý -BM LSD& TTHCM	<i>Xây dựng chính phủ kiến tạo, tạo động lực tăng trưởng bền vững tại Việt Nam</i> Được đăng trên Tạp chí Tài chính Tháng 11/2023 (số 812)	Xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động phục vụ người dân và doanh nghiệp đã và đang trở thành một phương châm hành động của cả hệ thống chính quyền, đồng thời cũng là điều mà Nhân dân cả nước đang trông đợi. Sáng kiến đã khái quát quá trình hình thành, nội dung và các biện pháp để nâng cao hiệu quả của việc xây dựng chính phủ kiến tạo của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	Từ việc nêu rõ quá trình hình thành, đặc trưng, sáng kiến đã đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của việc xây dựng chính phủ kiến tạo để tạo động lực cho phát triển bền vững trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, bao gồm: <i>Một là</i> , cải cách tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. <i>Hai là</i> , chuyển từ mô hình quản trị nhấn mạnh vai trò trung tâm của hành chính nhà nước sang mô hình quản trị có sự hợp tác; <i>Ba là</i> , người dân tham	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, ngành và một số lĩnh vực có liên quan. Nghiên cứu của sáng kiến này tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng bền vững Việt Nam trong giai đoạn tới.

				<p>gia vào hoạt động quản lý nhà nước; <i>Bốn là</i>, nâng cao năng lực, chất lượng cán bộ, công chức; <i>Năm là</i>, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường xây dựng đạo đức công vụ. <i>Sáu là</i>, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản trị điện tử .</p> <p>Được đăng trên Tạp chí Tài chính Tháng 11/2023 (số 812)</p>	
155.	<p>Phan Thị Thu Hoài- Chuyên viên Văn phòng Khoa</p>	<p><i>Kiến nghị chính sách nâng cấp hiệp định thương mại cho Việt Nam hiện nay</i></p> <p>Đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp Bộ</p>	<p>Tác giả đã rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ các quy định pháp luật không còn phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng theo luật quốc tế có liên quan đến các FTA Việt Nam tham gia ký kết... đã và đang được Chính phủ chỉ đạo thực hiện quyết liệt theo chủ trương của Đảng. Cụ thể, trong những năm qua, Việt Nam đã lấy ý kiến nhân dân và hoàn chỉnh dự thảo, ban hành nhiều Luật mới thay thế, bổ sung như: Luật Lao động, Luật Tổ chức chính phủ và chính quyền địa phương; Luật Quản lý ngoại thương... Ngoài ra, Chính phủ thông qua Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1254/QĐ-TTg về phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách</p>	<p>Sáng kiến đã hoàn thành và được nghiệm thu 4/2023, xếp loại Giỏi.</p>	<p>Kết quả nghiên cứu của sáng kiến được áp dụng là tài liệu học tập, tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế từ năm học 2023 - 2024</p>

			<p>công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020...</p>		
156.	<p>Hoàng Thị Bích Hà – Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính</p>	<p>“Hoạt động huy động vốn trên TTCK Việt Nam” - Một phần trong đề tài cấp Bộ: “Hiệu quả huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam” do PGS, TS. Nguyễn Lê Cường chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1769/NS-KQNC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia.</p>	<p>+ Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp: Tổng khối lượng TPDN phát hành liên tục tăng qua các năm trong giai đoạn 2011-2022. Mặc dù khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng liên tục tăng qua các năm, tuy nhiên so với tổng khối lượng trái phiếu được phát hành thì phương thức phát hành riêng lẻ vẫn chiếm tỷ trọng lớn, luôn chiếm trên 90% - Đây cũng là vấn đề đặt ra đối với việc phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp bởi lẽ phương thức phát hành riêng lẻ có thể sẽ mang lại nhiều rủi ro hơn cho nhà đầu tư do những điều kiện quy định đối với phát hành riêng lẻ thấp hơn so với phương thức phát hành ra công chúng.</p> <p>Cùng với khối lượng phát hành tăng lên, dư nợ TPDN cũng liên tục tăng qua các năm và tỷ lệ dư nợ TPDN so với GDP cũng tăng. Điều này chứng tỏ, thị trường TPDN ngày càng phát huy vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy mô thị trường TPDN Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và so với tổng dư nợ nền kinh tế cho thấy kênh trái phiếu doanh nghiệp vẫn còn khá nhỏ bé so với</p>	<p>Sáng kiến “Huy động vốn trên TTCK Việt Nam” là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động huy động vốn trên TTCK Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới.</p>	<p>Sáng kiến phân tích thực trạng tình hình huy động vốn trên TTCK Việt Nam từ đó đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam.</p>

			<p>đư nợ toàn nền kinh tế, vốn vay của toàn kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào tín dụng ngân hàng.</p> <p>+ Hoạt động phát hành cổ phiếu trên TTCK Việt Nam:</p> <p>Trong vòng 10 năm từ năm 2012 đến năm 2021, tổng số cổ phiếu được phát hành qua đấu giá của các doanh nghiệp đạt 6.207 triệu cổ phiếu, tương đương số vốn huy động đạt gần 234 nghìn tỷ đồng.</p> <p>Bên cạnh hoạt động đấu giá cổ phần tại SGDCK Hà Nội và SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động phát hành thêm cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết cũng huy động được một lượng vốn rất lớn. Chi tính riêng trên HOSE, kể từ khi thành lập đến năm 2021, các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE đã huy động được hơn 295 nghìn tỷ đồng qua 834 đợt phát hành thêm. Đặc biệt, giai đoạn 2012 - 2021, trung bình có 66 đợt phát hành thêm với giá trị vốn huy động trung bình đạt 26,5 nghìn tỷ đồng/năm.</p> <p>Như vậy, thông qua TTCK, các doanh nghiệp đã huy động được một lượng vốn lớn, đáp ứng được phần nào nhu cầu vốn của doanh nghiệp, giảm bớt áp lực cho nguồn vốn vay từ các TCTD.</p>		
157.	Vũ Thị Thúy Nga	<i>“Hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp</i>	Thông qua khảo sát 21 doanh nghiệp phát hành và niêm yết chứng khoán; 18 công ty	Sáng kiến “Hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp qua TTCK	Sáng kiến phân tích thực

<p>Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính</p>	<p>qua TTCK dựa trên kết quả khảo sát” - Một phần trong đề tài cấp Bộ: “Hiệu quả huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam” do PGS,TS.Nguyễn Lê Cường chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1769/NS-KQNC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia.</p>	<p>chứng khoán; 189 nhà đầu tư và 34 chuyên gia, đã chỉ ra những ưu, nhược điểm của TTCK Việt Nam, của hoạt động kênh huy động vốn qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp, và những giải pháp đề thúc đẩy hoạt động huy động vốn qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>+ Về giải pháp thúc đẩy hoạt động huy động vốn qua thị trường TPDN ở Việt Nam, kết quả khảo sát đưa ra các gợi ý gồm: Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động thị trường; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, có các khuyến nghị kịp thời với các rủi ro, sai sót trên thị trường; Tăng cường thông tin, tuyên truyền để chủ động cung cấp thông tin chính thống về thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong từng thời kỳ; Phổ biến các chính sách, quy định pháp lý tới công chúng; Công khai mục đích huy động vốn, sử dụng đúng mục đích các đợt phát hành trái phiếu, bao gồm cả phát hành trái phiếu riêng lẻ và phát hành trái phiếu ra công chúng; Bắt buộc xếp hạng tín nhiệm trái phiếu doanh nghiệp với trường hợp phát hành trái phiếu không có tài sản đảm bảo; Xây dựng và phát triển thị trường thứ cấp cho các trái phiếu phát hành riêng lẻ; Tăng cường trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho các tổ chức kinh doanh, công ty kiểm toán, công ty đánh giá hệ số tín nhiệm....; Minh bạch thông tin và tăng</p>	<p>dựa trên kết quả khảo sát” là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của các doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới.</p>	<p>trạng hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam dựa trên kết quả khảo sát 4 nhóm đối tượng: các chủ thể phát hành và niêm yết chứng khoán; các tổ chức kinh doanh chứng khoán; các nhà đầu tư tài chính; các chuyên gia, nhà quản lý, hoạch định chính sách, từ đó đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân đề đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam.</p>
---	---	---	--	---

			cường quản lý hoạt động công bố thông tin.		
158.	Trần Thị Phương Liên Giảng viên – BM Đầu tư Tài chính	“Hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp qua TTCK dựa trên kết quả khảo sát” - Một phần trong đề tài cấp Bộ: “Hiệu quả huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam” do PGS,TS.Nguyễn Lê Cường chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1769/NS-KQNC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia.	<p>Thông qua khảo sát 21 doanh nghiệp phát hành và niêm yết chứng khoán; 18 công ty chứng khoán; 189 nhà đầu tư và 34 chuyên gia, đã chỉ ra những ưu, nhược điểm của TTCK Việt Nam, của hoạt động kênh huy động vốn qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp, và những giải pháp đề thúc đẩy hoạt động huy động vốn qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>+ Về giải pháp thúc đẩy hoạt động huy động vốn thị trường cổ phiếu ở Việt Nam, kết quả khảo sát cho thấy cần: Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động thị trường; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho các nhà đầu tư và các doanh nghiệp phát hành; Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo kế hoạch, thực hiện nghiêm các quy định về niêm yết, đăng ký giao dịch của doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; Tăng cường trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn, bảo lãnh phát hành; Minh bạch thông tin và tăng cường quản lý hoạt động công bố thông tin; Hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán.</p>	Sáng kiến “Hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp qua TTCK dựa trên kết quả khảo sát” là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của các doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới.	Sáng kiến phân tích thực trạng hiệu quả huy động vốn của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam dựa trên kết quả khảo sát 4 nhóm đối tượng: các chủ thể phát hành và niêm yết chứng khoán; các tổ chức kinh doanh chứng khoán; các nhà đầu tư tài chính; các chuyên gia, nhà quản lý, hoạch định chính sách, từ đó đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn

					của doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam.
159.	Cao Minh Tiên Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính	“Unleashing the Role of Green Finance, Clean Energy, and Environmental Responsibility in Emission Reduction” Đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục sopus Q3 Journal of Environmental Assessment Policy and Management 24.03 (2022)	Mục đích của nghiên cứu này là Tài chính xanh (GFIN) đã trở thành một lựa chọn khả thi để ứng phó với biến đổi khí hậu trong những năm gần đây. Tuy nhiên, vẫn chưa biết nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến con đường phát thải carbon thấp ở các quốc gia tiếp nhận. Do đó, mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định mối quan hệ nhân quả giữa năng lượng sạch (CENE), GFIN và trách nhiệm môi trường (ERES) bằng cách sử dụng thử nghiệm quan hệ nhân quả thay đổi theo thời gian đối mới trên dữ liệu hàng ngày từ ngày 25 tháng 8 năm 2014 đến Ngày 12 tháng 9 năm 2021. Nghiên cứu này dựa trên S&P Dow Jones Global Clean Energy, Green Bond và các chỉ số Môi trường và Xã hội. Việc áp dụng kỹ thuật thay đổi theo thời gian phải đáng tin cậy và linh hoạt vì dữ liệu thể hiện xu hướng tăng và tiêu cực nhất quán. Các phát hiện chứng minh rằng GFIN giúp giảm lượng khí thải carbon. Nghiên cứu này cho thấy sự cần thiết phải phát triển một chiến lược toàn diện để tăng cường ERES và GFIN bằng cách tiếp thu các công nghệ xanh để đạt được các mục tiêu chuyển đổi năng lượng hiệu quả và phát triển bền vững.	Sáng kiến “Unleashing the Role of Green Finance, Clean Energy, and Environmental Responsibility in Emission Reduction” là một cơ sở quan trọng phân tích Tài chính xanh (GFIN) đã trở thành một lựa chọn khả thi để ứng phó với biến đổi khí hậu trong những năm gần đây.	Sáng kiến “Unleashing the Role of Green Finance, Clean Energy, and Environmental Responsibility in Emission Reduction” Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế
160.	Cao Minh Tiên	“THE INFLUENCE OF FREE	Mục đích của nghiên cứu này là Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích tác động	Sáng kiến “THE INFLUENCE OF FREE CASH FLOW ON	Sáng kiến “THE

	Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính	CASH FLOW ON THE PERFORMANCE OF SECURITIES COMPANIES IN VIETNAM” Đăng trên hội thảo quốc tế ICRMAT 2023	của dòng tiền tự do đến hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Mẫu nghiên cứu bao gồm 73 công ty chứng khoán, tương ứng là 1315 quan sát trong giai đoạn từ 2008 đến 2021. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính (phương pháp tổng hợp; phương pháp diễn giải) và phương pháp nghiên cứu định lượng (phương pháp hồi quy tuyến tính), tác giả đã xác định được 6 nhân tố ảnh hưởng đến dòng tiền tự do. tình hình hoạt động của công ty chứng khoán, bao gồm: (1) Quy mô doanh nghiệp (Size); (2) dòng tiền tự do (FCF); (3) tăng trưởng (tăng trưởng); (4) chi phí (Cost); (5) lợi nhuận trên tài sản (ROA); Lợi nhuận trên tài sản (ROA); (6) Tuổi của doanh nghiệp (Age). Qua nghiên cứu, tác giả đưa ra một số thảo luận, đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý dòng tiền tự do đối với hoạt động của các công ty chứng khoán tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.	THE PERFORMANCE OF SECURITIES COMPANIES IN VIETNAM” là một cơ sở quan trọng phân tích nhằm mục đích phân tích tác động của dòng tiền tự do đến hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán tại Việt Nam	INFLUENCE OF FREE CASH FLOW ON THE PERFORMANCE OF SECURITIES COMPANIES IN VIETNAM” Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế
161.	Cao Minh Tiến Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính	“Hoạt động huy động vốn trên TTCK Việt Nam” - Một phần trong đề tài cấp Bộ: “Hiệu quả huy động vốn trên thị trường chứng	Tổng hợp bài học kinh nghiệm của Singapore và Hàn Quốc là hai thị trường trong khu vực có nhiều nét tương đồng với Việt Nam, tôi có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả huy	Sáng kiến “Huy động vốn trên TTCK Việt Nam” là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động huy động vốn trên TTCK Việt Nam, từ đó đưa ra	Sáng kiến giải pháp cho Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế về tình hình

		<p>khoán Việt Nam” do PGS, TS. Nguyễn Lê Cường chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1769/NS-KQNC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia.</p>	<p>động vốn qua TTCK Việt Nam như sau: Một là, Để nâng cao hiệu quả huy động vốn qua TTCK, nhất là huy động vốn của các DN thông qua TTCK, quá trình rà soát và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, đảm bảo sự đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả là hết sức cần thiết. Hệ thống pháp luật về quản lý, tổ chức thị trường, về phát hành chứng khoán để huy động vốn trên thị trường cần hệ thống, chặt chẽ, hiệu lực nhưng đồng thời phải linh hoạt, bám sát các diễn biến của thị trường. Hai là, cần tăng cường minh bạch thông tin về hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn của các chủ thể phát hành chứng khoán; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động công bố thông tin trên TTCK nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho các NĐT, đưa các NĐT quay trở lại TTCK. Ngoài ra, theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, có thể tăng cường vai trò giám sát của các trái chủ thông qua người được ủy thác khế ước. Theo đó, các trái chủ có thể giám sát hoạt động của các tổ chức phát hành một cách có hệ thống và có thể bảo vệ lợi ích của họ tốt hơn. Ba là, Tăng cường công tác xếp hạng định mức tín nhiệm đối với TP, nhất là các TP không có tài sản bảo đảm, làm căn cứ để các NĐT đưa ra quyết định</p>	<p>giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới.</p>	<p>huy động vốn trên TTCK Việt Nam từ đó đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn trên TTCK Việt Nam.</p> <p>Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế</p>
--	--	---	--	--	---

			<p>đầu tư vào phiếu. Bón là, tập trung gỡ khó cho thị trường TPDN, tránh sự phụ thuộc quá lớn vào các DN BĐS, phát triển cơ sở NĐT TP, thu hút các tổ chức nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường TP DN. Ở Việt Nam hiện nay, các DN BĐS chiếm tỷ trọng quá lớn trong tổng dư nợ TPDN. Điều này gây ra hệ lụy đó là thị trường TPDN đang phụ thuộc rất lớn vào các DN BĐS, mà đây là nhóm DN chịu ảnh hưởng rất lớn của chu kỳ kinh tế.. Như vậy, thông qua TTCK, các doanh nghiệp đã huy động được một lượng vốn lớn, đáp ứng được phần nào nhu cầu vốn của doanh nghiệp, giảm bớt áp lực cho nguồn vốn vay từ các TCTD.</p>		
162.	<p>Cao Minh Tiên Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính</p>	<p>THE RELATIONSHIP BETWEEN CAPITAL STRUCTURE AND PERFORMANCE OF SECURITIES BROKERAGE FIRMS – A CASE STUDY IN VIETNAM Đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục sopus Q2 Evidence from Europe. <i>International</i></p>	<p>Mục đích của nghiên cứu này là kiểm tra mối quan hệ giữa cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động của các công ty môi giới chứng khoán. Khung lý thuyết: Nghiên cứu kế thừa các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và hiệu quả hoạt động để suy luận, kiểm tra và xác định phương án tối ưu cơ cấu vốn. Thiết kế/phương pháp/phương pháp tiếp cận: Sử dụng nghiên cứu định tính (Phương pháp tổng hợp; Phương pháp thống kê, mô tả; phương pháp quy nạp và</p>	<p>Sáng kiến “THE RELATIONSHIP BETWEEN CAPITAL STRUCTURE AND PERFORMANCE OF SECURITIES BROKERAGE FIRMS – A CASE STUDY IN VIETNAM” là một cơ sở quan trọng phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động của các công ty môi giới chứng khoán</p>	<p>Sáng kiến THE RELATIONS HIP BETWEEN CAPITAL STRUCTURE AND PERFORMAN CE OF SECURITIES BROKERAGE FIRMS – A</p>

		<i>Journal of Professional Business Review</i> , 8(7), e01663-e01663	<p>diễn giải) và định lượng phương pháp nghiên cứu (phương pháp hồi quy tuyến tính).</p> <p>Kết quả: Kết quả đã xác định được một cấu trúc vốn có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động thông qua các biến: (1) Đòn bẩy tài chính của nhà môi giới chứng khoán (FL) và</p> <p>(2) Quy mô công ty môi giới (Siz).</p> <p>Ý nghĩa nghiên cứu, thực tiễn và xã hội: Nghiên cứu cung cấp một số ý nghĩa thảo luận và đánh giá về vai trò quan trọng của việc ra quyết định tối ưu</p> <p>Cơ cấu vốn của công ty dịch vụ môi giới chứng khoán, bên cạnh đó đề xuất các giải pháp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công ty.</p>		<p>CASE STUDY IN VIETNAM</p> <p>Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế</p>
163.	Cao Minh Tiến Giảng viên chính – BM Đầu tư Tài chính	<p>“Analysis of factors affecting the capital structure of industrial enterprises listed on VietNam sock market”</p> <p>Đăng trên hội thảo quốc tế icrmat 2023</p>	<p>Mục đích của nghiên cứu này là Nghiên cứu này nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp công nghiệp với mẫu là 21 công ty tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2022. Nghiên cứu này chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu vốn như: quy mô huy động vốn của công ty, tỷ suất lợi nhuận, khó khăn tài chính, tầm chắn thuế từ nợ...</p> <p>Kết quả này cho thấy có mối liên hệ giữa các thành phần chỉ số của luận án và tỷ lệ đòn bẩy tài chính. Sau khi khắc phục</p>	Sáng kiến “Analysis of factors affecting the capital structure of industrial enterprises listed on VietNam sock market” là một cơ sở quan trọng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp công nghiệp với mẫu là 21 công ty tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2022	Sáng kiến “THE “Analysis of factors affecting the capital structure of industrial enterprises listed on VietNam sock market”

			<p>khuyết của mô hình để tìm ra mô hình cốt lõi của nghiên cứu với các nhân tố được đưa vào kiểm định có thể giải thích được 44,42% sự biến động của đòn bẩy tài chính. Có thể kết luận rằng các biến độc lập ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của các công ty công nghiệp bao gồm quy mô doanh nghiệp, tỷ suất lợi nhuận và lá chắn thuế phi nợ. Dựa trên nghiên cứu này, các doanh nghiệp công nghiệp có thể thực hiện các bước để cải thiện các số liệu quan trọng nhất nhằm cải thiện lợi nhuận của mình.</p>		<p>Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với UBCK nhà Nước, Sở ban ngành trong công tác quản lý về việc huy động vốn trên TTCK, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế</p>
164.	<p>Nguyễn Thị Thùy Hương</p>	<p>Sử dụng bài báo chuyên ngành khi dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính tại Học viện Tài chính (Using specialized journals when teaching ESP for students of finance majors at AOF)</p>	<p>Bài nghiên cứu được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện, chủ đề dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên. Bài nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết của việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên không chuyên tại các cơ sở giáo dục đại học. Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh 2 nhóm (1 nhóm không sử dụng bài báo chuyên ngành, 1 nhóm có sử dụng bài báo chuyên ngành khi dạy tiếng Anh chuyên ngành) để chỉ ra những lợi ích của việc sử dụng bài báo chuyên ngành dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chuyên ngành Tài</p>	<p>Sáng kiến đã được áp dụng khi các giảng viên có sử dụng tài liệu thực tế như các bài báo chuyên ngành khi dạy các từ vựng hay các vấn đề liên quan tới chuyên ngành khi dạy tiếng Anh chuyên ngành và giúp sinh viên có kết quả cao hơn khi học môn tiếng Anh chuyên ngành.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.</p>

			chính tại Học viện Tài chính. Tác giả đã chỉ ra lợi ích của việc sử dụng bài báo chuyên ngành như: Kết quả thi cuối kỳ tốt hơn, thái độ tiếp cận tài liệu chuyên ngành tích cực hơn và họ hứng thú với tiếng Anh hơn sinh viên.		
165.	Nguyễn Thị Thùy Hương	Thách thức từ việc sử dụng học liệu và nhu cầu sinh viên trong dạy tiếng Anh chuyên ngành. (Challenges from teaching resources and student's needs in teaching ESP)	Bài nghiên cứu được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện, chủ đề dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên. Bài nghiên cứu chỉ ra vai trò của việc sử dụng đúng học liệu trong chương trình để đáp ứng nhu cầu công việc cho sinh viên khi đi làm. Bài nghiên cứu phân tích các giáo trình nước ngoài và các tài liệu biên soạn bởi các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, nếu sử dụng một giáo trình trong việc dạy sẽ không mang lại hiệu quả mà nên kết hợp các tài liệu khác nhau để có kết quả tốt nhất. Từ đó, tác giả cũng đưa ra đề xuất khi kết hợp các tài liệu trong quá trình sử dụng tài liệu như khai thác tài liệu tiếng Anh tổng quát để giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng ngôn ngữ và có được vốn từ vựng cơ bản, lựa chọn các chủ đề phù hợp gần nhất với các tình huống thực tiễn khi đi làm của sinh viên, sử dụng đa dạng tài liệu giáo trình kết hợp thực tế khi dạy tiếng Anh chuyên ngành, tận dụng hiệu quả các tài liệu trực tuyến.	Sáng kiến đã được áp dụng khi các giảng viên có sử dụng đa dạng các nguồn tài liệu như sách giáo trình kết hợp tài liệu thực tế như các bài báo chuyên ngành, bản tin tài chính hay tài liệu trực tuyến khi dạy các từ vựng hay các vấn đề liên quan tới chuyên ngành khi dạy tiếng Anh chuyên ngành và giúp sinh viên có kết quả cao hơn khi học môn tiếng Anh chuyên ngành.	Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.
166.	Nguyễn Thị Thùy Hương	Nghiên cứu tốc độ khai	Bài nghiên cứu được đăng trong hội thảo khoa học Quốc tế SEDBM 2023. Bài	Ứng dụng tại Bộ Tài nguyên và Môi trường: làm cơ sở khoa học	Kết quả sẽ

		<p>thác đồng đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam</p>	<p> nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích số liệu khai thác đồng qua các năm nhằm chỉ ra thực trạng khai thác đồng ở Việt Nam và, từ đó đánh giá so sánh với chỉ số cạn kiệt của tài nguyên khoáng sản để đề xuất tốc độ khai thác hợp lý nhất vừa giúp bảo vệ tài nguyên đồng, vừa góp phần phát triển bền vững đồng ở Việt Nam. Về thực trạng khai thác đồng ở Việt Nam, tốc độ khai thác ở Việt Nam với nguồn tài nguyên này là rất nhanh, không phù hợp với khái niệm phát triển bền vững. Từ đó, bài nghiên cứu đề xuất tốc độ khai thác 0.5%/năm với việc khai thác đồng tại mỏ đồng Sinh Quyền ở Lào Cai để khai thác phù hợp nhất và bền vững nhất. Ngoài ra, bài nghiên cứu cũng chỉ ra những lưu ý khi khai thác đồng bền vững ở Việt Nam như bảo vệ môi trường và có phương án xử lý chất thải để có được giá trị kinh tế cao từ hoạt động khai thác khoáng sản này.</p>	<p>xây dựng các dự thảo liên quan tới khai thác đồng; sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các Trường đại học và các Viện nghiên cứu; các đơn vị hoặc doanh nghiệp liên quan.</p>	<p>đóng góp cơ sở khoa học và thực tiễn để Vụ Khoa học và Công nghệ tham mưu Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hoặc điều chỉnh những chính sách pháp luật liên quan.</p> <p>Ngoài ra, kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu đào tạo và cung cấp dịch vụ tư vấn của Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường cho các đơn vị/doanh nghiệp có nhu cầu.</p>
--	--	---	--	--	---

167.	<p>Nguyễn Thị Hồng Hạnh</p> <p>Vũ Thị Phụng</p>	<p>Khó khăn và nhiệm vụ của giáo viên khi dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao tại Học viện Tài chính (Difficulties and tasks of teachers in teaching English for specific purposes to Advanced Education Program students at Academy of Finance)</p>	<p>Bài báo được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện với chủ đề dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên. Bài báo sử dụng phương pháp khảo sát, phân tích và tổng hợp thông tin từ các giáo viên và các tài liệu sẵn có để có cái nhìn thực tế, toàn diện và đưa ra giải pháp phù hợp hiệu quả với hoạt động dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chương trình chất lượng cao tại Học viện Tài chính. Tác giả Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã chỉ ra một số khó khăn khi dạy sinh viên chương trình Chất lượng cao như Sinh viên và giảng viên đôi khi thiếu kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, sĩ số lớp lớn và không đều về trình độ khả năng tiếng Anh. Tác giả Vũ Thị Phụng dựa trên những khó khăn đó đã tìm hiểu và đề xuất những nhiệm vụ giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học cho giảng viên như kết hợp với giảng viên các khoa chuyên ngành để học hỏi trao đổi kiến thức chuyên sâu, đa dạng các hoạt động trong lớp và thiết kế tài liệu dễ hiểu phù hợp với trình độ của giảng viên và sinh viên.</p>	<p>Sáng kiến đã được áp dụng khi các giảng viên các khoa có sự trao đổi chuyên môn với nhau và nâng cao kiến thức chuyên môn cho các giảng viên dạy tiếng Anh chuyên ngành tại Bộ môn Ngoại ngữ. Các chủ đề đưa vào dạy phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên hơn và liên quan tới các môn chuyên ngành của chương trình Chất lượng cao.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.</p>
------	---	---	---	--	---

168.	<p>Nguyễn Thị Hồng Hạnh</p> <p>Vũ Thị Phụng</p>	<p>Sử dụng thuyết trình nhóm trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao tại Học viện Tài chính (Using group presentation in teaching English for specific purposes to Advanced Education Program students at Academy of Finance)</p>	<p>Bài báo được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện với chủ đề dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên.</p> <p>Thuyết trình nhóm trong lớp học tiếng Anh có thể hữu ích về nhiều mặt, giúp học sinh nâng cao trình độ ngôn ngữ như sắp xếp các từ và cấu trúc trong tiếng Anh, cải thiện khả năng nghe, xây dựng sự tự tin trước mọi người, học cách làm việc với người khác và phát triển tư duy phản biện. Do lợi ích to lớn này, các bài thuyết trình được chú trọng và có thể được thực hiện ở trường ở mọi cấp độ với các hoạt động khác nhau nhằm chuẩn bị cho con đường sự nghiệp trong tương lai như trình bày ý kiến cá nhân, thuyết trình báo cáo khảo sát, thuyết trình dự án/bài tập cũng như bài cuối kỳ.</p> <p>Tác giả Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn khi áp dụng việc thuyết trình nhóm cho sinh viên chương trình Chất lượng cao. Thuận lợi của việc thuyết trình nhóm là sinh viên chất lượng cao có trình độ tiếng Anh cơ bản khá tốt, các lớp học chất lượng cao được trang bị thiết bị công nghệ hiện đại. Một số khó khăn khi áp dụng thuyết trình nhóm là trình độ tiếng Anh không đồng</p>	<p>Sáng kiến đã được áp dụng trong quá trình giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chương trình chất lượng cao K60, nâng cao hiệu quả việc thuyết trình nhóm trong các giờ học Tiếng Anh chuyên ngành.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.</p>
------	---	--	--	---	---

			<p>đều, sinh viên thiếu kỹ năng thuyết trình, khối lượng kiến thức và thuật ngữ TACN cũng là một rào cản lớn đối với sinh viên trong quá trình học và thuyết trình.</p> <p>Tác giả Vũ Thị Phượng dựa trên những thuận lợi và khó khăn đó đã đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc thuyết trình nhóm cho sinh viên như chia nhóm, giáo viên hướng dẫn và giám sát để đảm bảo hiệu quả của hoạt động thuyết trình, chọn chủ đề thuyết trình liên quan đến nội dung giáo trình, yêu cầu sinh viên nhận xét nhóm thuyết trình..</p>		
169.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kinh nghiệm quốc tế về mô hình ổn định hệ thống tài chính	<p>Phân tích mô hình ổn định hệ thống tài chính tại một số nước như Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc và Indonesia, chỉ ra sự khác biệt về điều kiện kinh tế, mức độ phát triển hệ thống tài chính, kinh nghiệm về xây dựng bộ chỉ số đo lường ổn định hệ thống tài chính. Trên cơ sở những kinh nghiệm của các quốc gia, rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng mô hình ổn định hệ thống tài chính.</p> <p>- Hệ thống thanh tra, giám sát phải được trao quyền lực hợp lý, có tính độc lập cao và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật về thanh tra, giám</p>	<p>Với việc tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về hoạt động ổn định hệ thống tài chính, Sáng kiến đã rút ra một số bài học kinh nghiệm để có thể vận dụng linh hoạt, đúng đắn vào hoàn cảnh Việt Nam. Có thể coi đây là tiền đề xem xét thực trạng hoạt động thanh tra, giám sát thị trường tài chính tại Việt Nam và đưa ra một số giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, giám sát thị trường tài chính Việt Nam đảm bảo ổn định hệ thống tài chính trong những</p>	<p>Sáng kiến đã được sử dụng trong Đề tài nghiên cứu cấp Bộ “Mô hình ổn định hệ thống tài chính ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”, đã được nghiệm thu theo QĐ số 2413/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nội dung của sáng kiến được</p>

			<p>sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống kiểm tra chéo lẫn nhau. Quy trình và kỹ thuật thanh tra, giám sát thị trường phải được bí mật. Những kết quả xử lý các vụ vi phạm nghiêm trọng phải được công bố công khai để làm bài học cho các tổ chức và cá nhân tham gia thị trường, để công chúng cảnh giác với các đối tượng đã từng vi phạm pháp luật chứng khoán. Qua đó góp phần làm tăng lòng tin của công chúng đầu tư. Đây chính là điều kiện về mặt tâm lý, đảm bảo cho hoạt động trên TTTC. - Sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác thanh tra, giám sát thị trường. Đây là một đòi hỏi tất yếu của mọi loại hình kiểm tra, giám sát, bởi nó là nền tảng quan trọng để rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. - Đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát thị trường phải có đạo đức, tinh thông về nghiệp vụ, có kinh nghiệm về nghề nghiệp. Điều đó đòi hỏi người kiểm tra phải được rèn luyện, thử thách và không ngừng bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời Nhà nước cần có chế độ đãi 	<p>năm tiếp theo.</p>	<p>vận dụng nhằm rút ra bài học cho Việt Nam về hoạt động ổn định hệ thống tài chính.</p> <p>Kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho Viện chiến lược và Chính sách tài chính và các đơn vị liên quan của Bộ Tài chính để sử dụng, phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.</p>
--	--	--	---	-----------------------	---

			ngộ một cách thích đáng để giúp họ có thể an tâm trong công việc của mình.		
170.	Nguyễn Thị Tâm	Các cách tạo động lực cho sinh viên Học viện Tài chính trong việc học tiếng Anh chuyên ngành (motivating students in learning ESP at Academy of Finance)	Bài báo được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện với chủ đề “dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên”. Bài báo nêu ra các đặc điểm của Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) và các loại động lực thúc đẩy khác nhau, sau đó gợi ý các phương pháp và cách thức nhằm tạo động lực học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Học viện Tài chính.	Sáng kiến này được phổ biến tới các giáo viên dạy tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp các thầy cô có thêm các phương pháp mới để tạo hứng thú và động lực học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên tại Học viện Tài chính. Cá nhân tác giả sáng kiến đã áp dụng các phương pháp này và nhận thấy hầu hết các sinh viên hào hứng hơn với bài học và có động lực học hơn.	Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.
171.	Phạm Thị Liên Ngọc	Capital safety for Vietnam commercial Banks (An toàn vốn đối với ngân hàng thương mại Việt Nam)	Sáng kiến trình bày những vấn đề liên quan đến ngân hàng thương mại (NHTM), an toàn vốn, an toàn tài chính của các NHTM, đặc biệt trong bối cảnh số hóa hoạt động tài chính ngân hàng diễn ra mạnh mẽ hiện nay; Phân tích thực trạng an toàn vốn trong an toàn tài chính của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020. So với các NHTM nước ngoài, việc đảm bảo an toàn tài chính của các NHTM Việt Nam còn nhiều hạn chế. Đặc biệt trong đảm bảo an toàn vốn, an toàn tài sản, an toàn thanh khoản cũng như trong công tác quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế. Việc thực hiện các trụ cột liên quan đến an toàn vốn, tính toán mức độ đầy đủ về vốn hay công bố thông tin theo Basel2 của các NHTM Việt Nam còn hạn chế Trong bối cảnh 4.0, bên cạnh các rủi ro truyền thống, các NHTM Việt Nam phải đối mặt với	Sáng kiến đã được đăng trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế SEDBM 6. Đây là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên ở Học viện Tài chính và các trường đại học khối ngành kinh tế; là tài liệu nghiên cứu cho các nhà nghiên cứu và chuyên gia kinh tế trong lĩnh vực.	Sáng kiến cấp Bộ

			những rủi ro do ảnh hưởng của tội phạm công nghệ cao. Đồng thời, đại dịch Covid - 19 gây ra những hậu quả nghiêm trọng với nền kinh tế rất cần nghiên cứu về an toàn vốn của các NHTM nhằm tăng cường an toàn tài chính, nâng cao chất lượng tài sản của ngân hàng không tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực.		
172.	Phạm Thị Liên Ngọc Nguyễn Thị Phương Thảo Đặng Thị Phương Mai	Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam	<p>1. Phạm Thị Liên Ngọc viết nội dung: <i>“Đảm bảo quyền và lợi ích của NLD trong các doanh nghiệp FDI là một trong những quyền cơ bản, quan trọng của con người được bảo vệ bằng cả pháp luật quốc tế, Hiến pháp và pháp luật của mỗi quốc gia; đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả việc thực hiện pháp luật về đảm bảo quyền và lợi ích của NLD trong doanh nghiệp FDI trong thời gian tới, góp phần cụ thể hóa quan điểm, tư tưởng tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam”</i>.</p> <p>2. Nguyễn Thị Phương Thảo viết nội dung: <i>“lý luận pháp luật bảo đảm quyền của NLD trong các doanh nghiệp FDI tập trung vào các vấn đề: bảo đảm việc làm, thu nhập, nhân thân, quyền tự do liên kết... của NLD. Để các nội dung trên được bảo</i></p>	Đây là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên; là tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định, nhà nghiên cứu và chuyên gia trong lĩnh vực.	Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính, các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy chuyên ngành này cho sinh viên và các Viện nghiên cứu pháp luật

			<p><i>đảm thực hiện trên thực tế, pháp luật cũng xác định các cơ chế bảo đảm quyền của NLD”</i></p> <p>3. Đặng Phương Mai tham gia viết nội dung: <i>“Thực tiễn thực hiện pháp luật đảm bảo quyền của NLD trong các doanh nghiệp FDI trong thời gian qua, những hạn chế, bất cập ảnh hưởng như thế nào đến quyền lợi chính đáng của NLD và các quy định của pháp luật hiện hành”</i></p>		
173.	Nguyễn Thu Giang	<p>Rủi ro đạo đức tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam hiện nay</p> <p>(Further discussion on Ethical Risk Management at Vietnam Joint Stock Commercial Banks)</p>	<p>Trước sự cấp thiết khi thực tiễn phát sinh hàng loạt các vụ án kinh tế liên quan đến rủi ro đạo đức trong ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam, Sáng kiến nghiên cứu về vấn đề rủi ro đạo đức và quản lý rủi ro đạo đức trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.</p> <p>Trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý luận, sáng kiến đã đi sâu phân tích thực trạng rủi ro đạo đức và quản lý rủi ro đạo đức tại các NHTMCP Việt Nam thông qua chuyên môn nghiệp vụ, qua công cụ lãi suất, kiểm soát các thủ đoạn gian lận, qua kiểm soát chữ ký và con dấu, quản lý tài sản đảm bảo, khách hàng vay vốn, qua quản lý kiểm quỹ cuối ngày, v.v... Sáng kiến nêu bật những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình quản lý rủi ro đạo đức tại các NHTMCP Việt Nam, đồng thời xác</p>	<p>Sáng kiến được đăng trong Kỷ yếu Hội thảo NCKH Quốc tế SEDBM 6</p> <p>Sáng kiến có giá trị tham khảo về lý luận và thực tiễn cho các chuyên viên, học viên, nghiên cứu viên, sinh viên... ngành Tài chính Ngân hàng</p>	<p>Sáng kiến cấp Bộ</p> <p>(Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng đến toàn ngành Tài chính Ngân hàng, là tài liệu tham khảo cho học viên, nghiên cứu viên và sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng)</p>

			<p>định những nguyên nhân của những tồn tại đó. Trên cơ sở đó, sáng kiến đề xuất một số giải pháp về quản trị hoạt động kinh doanh, quản trị đạo đức kinh doanh, kiểm toán hệ thống và quy trình quản lý, kiểm soát việc công bố và minh bạch thông tin, tuân thủ kỷ luật thị trường theo Basel II, hoàn thiện kiểm soát nội bộ gắn với quản lý rủi ro và điều kiện thực tiễn, nâng cấp và làm chủ hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng Bộ quy tắc ứng xử và hoàn thiện quy định thưởng phạt nghiêm minh, v.v...</p>		
174.	Nguyễn Thu Giang	<p><i>Chủ biên và biên soạn Bài 07 “Nền kinh tế hàng hóa & sự xuất hiện của tiền”, Bài 08 “NHTW & Chính sách tiền tệ”, Bài 17 “Tài chính Quốc tế”</i></p> <p><i>Thuộc Giáo trình “ESP – English for Finance Course-book for Standard Bachelor Education</i></p> <p><i>Giáo trình Tiếng Anh Chuyên Ngành dành cho chương trình chuẩn”</i></p>	<p>Đề cập nhật với những thay đổi trong chương trình đào tạo bậc đại học cho SV ngành Tài chính Kế toán, Giáo trình “ESP – English for Finance Course-book for Standard Bachelor Education - Giáo trình Tiếng Anh Chuyên Ngành dành cho chương trình chuẩn” đã được nghiên cứu biên soạn và nghiệm thu thành công.</p> <p>Giáo trình được chia làm 06 phần (mỗi phần gồm 03 bài học), gồm: <i>Economics</i> (microeconomics, macroeconomics, demand & supply); <i>Public Finance</i> (Government Revenue & Taxation, Government expenditure, Fiscal Policy); <i>Money & Banking Systems</i> (Commodity Economy & Money, Central bank & Monetary Policy, Commercial Banks); <i>Corporate Finance</i> (Corporate Capitalization, Working capital</p>	<p>Giáo trình đã được nghiệm thu thành công và đang trong quá trình làm thủ tục xuất bản</p> <p>Giáo trình mang lại hiệu quả sử dụng thực tiễn trong quá trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Kế toán cho SV ngành Tài chính Ngân hàng nói chung và là tài liệu tham khảo có giá trị cho những ai quan tâm</p>	<p><i>Sáng kiến cấp Bộ</i></p>

			<p>Management, Fixed capital Management); <i>Accounting</i> (Accounting, Financial Statement, Financial ratios analysis), <i>International Finance</i> (Foreign Exchange market, International finance, Balance of Payment).</p> <p>Với tư cách là chủ biên, tôi đã lên khung nội dung và format cho giáo trình, bàn bạc và thống nhất khung nội dung của từng bài với từng thành viên tham gia. Ngoài ra, tôi trực tiếp nghiên cứu vào biên soạn 03 bài: <i>Unit 07: Commodity Economy & Money</i>; <i>Unit 08: Central bank & Monetary Policy</i> và <i>Unit 17: International finance</i>.</p>		
175.	Phan Thị Xuân	<p>Cải thiện kỹ năng Nghe cho sinh viên năm thứ 2 ngôn ngữ Anh tại Học viện Tài chính</p> <p>(Improving speaking skills for intermediate English major students at Academy of Finance: Preconditions to absorb subject-matter concern)</p>	<p>Bài báo được đăng trong hội thảo khoa học cấp Học viện với chủ đề “dạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh tại Học viện Tài chính: Góc nhìn từ phía giảng viên”. Bài báo nêu ra các khó khăn sinh viên năm thứ 2 Khoa Ngoại Ngữ thường gặp phải khi học kỹ năng Nghe và gợi ý một số các giải pháp giảng viên và sinh viên có thể áp dụng để cải thiện kỹ năng Nghe tốt hơn.</p>	<p>Sáng kiến này được phổ biến tới các giảng viên dạy thực hành tiếng tại Khoa Ngoại Ngữ, Học viện Tài chính có thêm các giải pháp mới để tạo hứng thú và động lực học sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành tiếng Anh Tài chính Kế toán khoa Ngoại Ngữ. Cá nhân tác giả sáng kiến đã áp dụng các phương pháp này và nhận thấy hầu hết các sinh viên hào hứng hơn với bài học và có động lực học hơn.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng tại Học viện Tài chính và có thể được áp dụng tại các cơ sở đào tạo khác có giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.</p>
176.	Đào Thị Minh Thanh	<p>Giải pháp hoàn thiện hoạt động logistics tại các chuỗi siêu thị điện máy Việt Nam (năm</p>	<p>Trên cơ sở nghiên cứu tiềm năng phát triển của thị trường điện máy, xu hướng, quan điểm và yêu cầu phát triển Hoạt động logistics tại các chuỗi</p>	<p>Sáng kiến đã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cho các trường đại học và các nhà quản trị logistics nói riêng, Nhà quản 	<p>Trong bộ ngành</p> <p>Là tài liệu tham khảo và</p>

		<i>trong Đề tài cấp Học viện Năm 2023)</i>	<p>siêu thị điện máy Việt Nam, tác giả đã đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa kết quả hoạt động logistics tại các siêu thị điện máy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh một cách bền vững. Các giải pháp tập trung vào việc:</p> <p>Hoàn thiện các hoạt động lưu kho (Chọn địa điểm đặt kho hàng, Quản trị kho hàng hóa. Trong đó chỉ rõ trường hợp nào thì thuê kho, trường hợp nào chuỗi siêu thị điện máy tự xây kho.) và Quản trị hàng hóa dự trữ (Xác định lượng hàng hóa dự trữ tối ưu là lượng hàng hóa đủ để cung cấp kịp thời nhu cầu của thị trường nhưng chi phí lưu kho là tối thiểu; Hoàn thiện các kỹ thuật tác nghiệp kho hàng,...)</p> <p>Giải pháp tối ưu hóa hoạt động vận chuyển bao gồm cả vận chuyển hàng hóa nhập vào và vận chuyển hàng hóa bán ra.</p>	<p>trị chuỗi siêu thị điện máy nói chung nhìn rõ mối quan hệ giữa chi phí logistics với doanh thu bán hàng và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>- Cung cấp cho các nhà quản trị chuỗi các giải pháp thiết thực để hoàn thiện công tác lưu kho dự trữ và vận chuyển hàng hóa. Từ đó tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh</p>	<p>chuyên khảo tốt cho giảng viên, sinh viên các trường đại học, các nhà khoa học và nhà quản trị các chuỗi cung ứng, quản trị chuỗi siêu thị, nói chung và chuỗi siêu thị điện máy nói riêng.</p>
177.	Nguyễn Sơn Lam	<p>Phối hợp triển khai đào tạo định hướng chứng chỉ quốc tế đáp ứng yêu cầu thực tiễn</p> <p><i>(năm trong Đề án mở chuyên ngành đào tạo Digital Marketing nghiệp thu năm 2023)</i></p>	<p>Trên cơ sở chương trình đào tạo chuyên ngành Digital Marketing của Học viện Tài chính xây dựng, sáng kiến đã phối hợp giữa tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn về nhân lực marketing của thị trường nhân lực. Cụ thể:</p> <p>+ Tổ chức quốc tế cung cấp học liệu chuyên ngành để cơ sở đào tạo xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá năng lực</p>	<p>Sáng kiến đã chuẩn hóa kiến thức đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế. Nội dung chương trình đào tạo gắn sát với nhu cầu thực tiễn về nhân lực của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp tham gia vào việc xây dựng chương trình đào tạo, tham gia giảng dạy, trao đổi kiến thức thực tiễn. Sự phối hợp giữa các bên làm cho chương trình đào tạo định hướng chuẩn quốc tế và</p>	<p>Phạm vi bộ, ngành:</p> <p>Sáng kiến có thể áp dụng tại các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ LĐTBXH,...)</p>

			<p>của người học để cấp chứng chỉ chuyên gia.</p> <p>+ Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình đào tạo định hướng kiến thức chuyên ngành chứng chỉ chuyên gia của tổ chức quốc tế và tổ chức đào tạo sinh viên kiến thức chuyên ngành và các kiến thức cơ sở.</p> <p>+ Doanh nghiệp và các doanh nhân tham gia vào việc xây dựng học liệu trên cơ sở những yêu cầu thực tế về nghiệp vụ đối với người lao động. Nhà kinh doanh có thể tham gia vào việc huấn luyện, đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho người học của các cơ sở đào tạo.</p>	<p>thực tiễn cao.</p> <p>Mô hình kết hợp này có thể nhân rộng áp dụng với nhiều cơ sở đào tạo và nhiều ngành nghề khác nhau.</p>	
178.	Hà Thị Đoan Trang Phó Trưởng Khoa TCC	<p>Bài tham gia hội thảo quốc tế: THE 6TH INTERNATIONAL CONFERENCE ON SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT AND BUSINESS MANAGEMENT IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION (SEDBM6)</p>	<p>Viết bài tham luận: "FISCAL POLICY TO STABILIZE THE MACROECONOMY IN THE CONTEXT OF GLOBAL INFLATION". Bài viết phân tích thực trạng chính sách tài khóa tới sự phát triển của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam trước bối cảnh lạm phát toàn cầu. Đồng thời đưa ra một số giải pháp chính sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát ở Việt Nam.</p>	<p>Bài viết có giá trị tham khảo đối với các học giả, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, hoạch định chính sách trong việc nghiên cứu thực trạng chính sách tài khóa ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh lạm phát toàn cầu; Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất phù hợp trong việc hoàn thiện chính sách tài khóa ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát ở Việt Nam trong thời gian tới.</p>	Cấp Bộ
179.	Nguyễn Anh Quang	<p>Đưa ra các kiến nghị và giải pháp nhằm áp dụng các mô hình kinh tế lượng phù hợp nhằm đánh giá tác động của chính sách hạn mức tín dụng đến doanh nghiệp.</p>	<p>Tổng quan về các mô hình kinh tế lượng, xây dựng các mô hình và áp dụng các mô hình vào số liệu thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam nhằm đưa ra các kết quả và kiểm chứng các giả thuyết liên quan đến ảnh hưởng của chính sách hạn mức tín dụng đến các doanh nghiệp.</p>	<p>Cung cấp các cơ sở mô hình kinh tế lượng có thể áp dụng nhằm đánh giá ảnh hưởng của các chính sách kinh tế đến các doanh nghiệp phi tài chính đang hoạt động.</p>	Cấp Bộ

		Sáng kiến thuộc bài báo “The impact of macroprudential policies and corporate financial leverage: evidence from Vietnamese public listed company” – HTQT SEDBM 2023			
180.	Nguyễn Anh Quang	Đưa ra các cơ sở lý thuyết, định nghĩa, phân loại và nguyên nhân hình thành tài sản bị mắc kẹt. Sáng kiến thuộc bài báo “stranded assets risks in the context of climate change: evidence of the electric power industry in Vietnam” – HTQT SEDBM 2023	Sáng kiến tổng hợp và khái quát các nội dung, cơ sở lý thuyết, định nghĩa, phân loại và nguyên nhân hình thành của các tài sản bị mắc kẹt và đặc biệt là các tài sản bị mắc kẹt do nguyên nhân biến đổi khí hậu.	Cung cấp các cơ sở lý thuyết về tài sản bị mắc kẹt cũng như các nguyên nhân hình thành tài sản bị mắc kẹt.	Cấp Bộ
181.	Lê Văn Liên	“ <i>Quản trị nguồn vốn bệnh viện công lập</i> ” - Sách chuyên khảo: “ <i>Quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam</i> ”.	Quản trị nguồn vốn bệnh viện công lập bao gồm các nội dung về nguồn vốn của bệnh viện công lập và nội dung quản trị nguồn vốn bệnh viện công lập gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và ra quyết định nguồn vốn	Nội dung quản trị nguồn vốn bệnh viện công lập đã phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề thực tiễn quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp công lập và quản trị tài chính các bệnh viện công lập.	Cấp Bộ
182.	Lê Văn Liên	“ <i>Quản lý chi quỹ Bảo hiểm y tế Việt Nam</i> ” - Sách chuyên khảo:	Các vấn đề về quản lý chi quỹ BHYT Việt Nam bao gồm các nội dung về lập kế hoạch chi quỹ BHYT, tổ chức thực hiện	Sáng kiến đã trình bày các nội dung về thực tiễn quản lý chi quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn	Cấp Bộ

		<i>“Một số vấn đề về quản lý Quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam”.</i>	chi quỹ BHYT và kiểm soát chi quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022.	2017-2022 bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát chi quỹ BHYT, góp phần làm phong phú thêm thực trạng quản lý quỹ BHYT Việt Nam giai đoạn 2017-2022; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản lý quỹ bảo hiểm y tế nói riêng và quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nói chung.	
183.	Phạm Thu Huyền	<i>“Quản trị doanh thu bệnh viện công lập” - Sách chuyên khảo: “Quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam”.</i>	Quản trị doanh thu bệnh viện công lập bao gồm các nội dung về doanh thu của bệnh viện công lập và nội dung quản trị doanh thu bệnh viện công lập gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và ra quyết định về doanh thu	Nội dung quản trị doanh thu bệnh viện công lập đã phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề thực tiễn quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp công lập và quản trị tài chính các bệnh viện công lập.	Cấp Bộ
184.	Phạm Thu Huyền	<i>“Cơ sở lý luận về quản lý quỹ Bảo hiểm y tế” - Sách chuyên khảo: “Một số vấn đề về quản lý Quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam”.</i>	Cơ sở lý luận về quản lý quỹ BHYT bao gồm các nội dung khái quát về quỹ BHYT và quản lý quỹ BHYT ở Việt Nam như quan niệm, chủ thể, mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, công cụ, các nhân tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá quản lý quỹ BHYT.	Cơ sở lý luận về quản lý quỹ BHYT đã hệ thống hóa, phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề lý luận về quản lý Quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản lý quỹ bảo hiểm y tế nói riêng và quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nói chung.	Cấp Bộ
185.	Lê Thanh Dung	<i>“Quản trị tài sản bệnh viện công lập” - Sách chuyên khảo: “Quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam”.</i>	Quản trị tài sản bệnh viện công lập bao gồm các nội dung về tài sản của bệnh viện công lập và nội dung quản trị tài sản bệnh viện công lập gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và ra quyết định tài sản	Nội dung quản trị tài sản bệnh viện công lập đã phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề thực tiễn quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam; là tài liệu chuyên khảo hữu	Cấp Bộ

				ích về quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp công lập và quản trị tài chính các bệnh viện công lập.	
186.	Lê Thanh Dung	<p><i>“Một số vấn đề thực tiễn về quản lý thu quỹ Bảo hiểm y tế Việt Nam giai đoạn 2017-2022” - Sách chuyên khảo: “Một số vấn đề về quản lý Quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam”.</i></p>	<p>Các vấn đề về quản lý thu quỹ BHYT Việt Nam bao gồm các nội dung về lập kế hoạch thu quỹ BHYT, tổ chức thực hiện thu quỹ BHYT và kiểm soát thu quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022.</p>	<p>Sáng kiến đã trình bày các nội dung về thực tiễn quản lý thu quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022 bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát thu quỹ BHYT, góp phần làm phong phú thêm thực trạng quản lý quỹ BHYT Việt Nam giai đoạn 2017-2022; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản lý quỹ bảo hiểm y tế nói riêng và quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nói chung.</p>	Cấp Bộ
187.	Phạm Thu Trang	<p><i>“Tổng quan về tài chính và quản trị tài chính các bệnh viện công lập” - Sách chuyên khảo: “Quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam”.</i></p>	<p>Tổng quan về tài chính và quản trị tài chính các bệnh viện công lập bao gồm các nội dung khái quát về bệnh viện công lập và tài chính bệnh viện công lập, quản trị tài chính bệnh viện công lập, nội dung quản trị tài chính bệnh viện công lập, các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính bệnh viện công lập</p>	<p>Nội dung Tổng quan về tài chính và quản trị tài chính các BVCL đã hệ thống hóa, phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề lý luận quản trị tài chính các bệnh viện công lập ở Việt Nam; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp công lập và quản trị tài chính các bệnh viện công lập.</p>	Cấp Bộ
188.	Phạm Thu Trang	<p><i>“Một số vấn đề thực tiễn về quản lý cân đối quỹ Bảo hiểm y tế Việt Nam” - Sách chuyên khảo: “Một số vấn đề về quản lý Quỹ bảo hiểm y tế ở Việt Nam”.</i></p>	<p>Các vấn đề về quản lý cân đối quỹ BHYT Việt Nam bao gồm các nội dung về lập kế hoạch thu quỹ BHYT, tổ chức thực hiện cân đối quỹ BHYT và kiểm soát cân đối quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022.</p>	<p>Sáng kiến đã trình bày các nội dung về thực tiễn quản lý cân đối quỹ BHYT Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022 bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát cân đối quỹ BHYT, góp phần làm phong phú thêm thực trạng quản lý quỹ BHYT Việt</p>	Cấp Bộ

				Nam giai đoạn 2017-2022; là tài liệu chuyên khảo hữu ích về quản lý quỹ bảo hiểm y tế nói riêng và quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách nói chung.	
189.	Vũ Sỹ Cường, Phó trưởng bộ môn	Đưa ra các đặc điểm và phân tích thực trạng của tài sản bị mắc kẹt trong ngành điện ở Việt Nam. Sáng kiến thuộc bài báo “stranded assets risks in the context of climate change: evidence of the electric power industry in Vietnam” – HTQT SEDBM 2023	Sáng kiến trình bày chi tiết về thực trạng về tài sản bị mắc kẹt của ngành điện ở Việt Nam qua đó đưa ra những phân tích về rủi ro tài sản bị mắc kẹt đối với ngành này cũng như các ngành khác ở Việt Nam.	Cung cấp các phân tích về rủi ro tài sản bị mắc kẹt hình thành do biến đổi khí hậu đến các ngành bị ảnh hưởng và đặc biệt là ngành điện ở Việt Nam.	Cấp Bộ
190.	Phạm Thị Hoàng Phương Phó trưởng bộ môn QLTCC	"Quản trị các khoản thu của cơ sở giáo dục, đào tạo công lập" - Sách chuyên khảo " Quản trị tài chính cơ sở giáo dục đào tạo công lập ở Việt Nam	Quản trị các khoản thu của cơ sở giáo dục đào tạo công lập trình bày các nội dung liên quan đến quản trị xây dựng kế hoạch các khoản thu, quản trị thực hiện kế hoạch các khoản thu và kiểm soát các khoản thu của cơ sở giáo dục đào tạo công lập	Nội dung quản trị các khoản thu của cơ sở giáo dục đào tạo công lập cung cấp thêm cơ sở lý luận, thực tiễn về quản trị các khoản thu và quản trị tài chính cơ sở giáo dục đào tạo công lập. Sáng kiến có giá trị tham khảo về quản trị tài chính cơ sở giáo dục đào tạo công lập.	Cấp Bộ
191.	Ngô Thị Thùy Quyên	Tổng quan vấn đề nghiên cứu “Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam” - Đề tài NCKH cấp Bộ "Áp dụng nguyên tắc kế toán	Tổng hợp các nghiên cứu trên thế giới và trong nước về kế toán quản trị quốc tế trong khu vực công	Sáng kiến trực tiếp chỉ ra khoảng trống của những nghiên cứu trước, giúp ban chủ nhiệm đề tài xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài “Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam”	Cấp Bộ

		quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam"			
192.	Hy Thị Hải Yến	Thực trạng kế toán quản trị tại khu vực công Việt Nam giai đoạn 2017 - 2021 - Đề tài NCKH cấp Bộ "Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam"	Báo cáo chuyên đề phân tích thực trạng kế toán quản trị tại khu vực công Việt Nam giai đoạn 2017 - 2021	Sáng kiến phân tích thực trạng kế toán quản trị tại khu vực công Việt Nam giai đoạn 2017 - 2021, làm căn cứ giúp ban chủ nhiệm đề tài đề xuất giải pháp "Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam"	Cấp Bộ
193.	Võ Thị Phương Lan, Phó Trưởng Khoa TCC	Hoà thiện định chế tài sản bảo đảm trong quản lý nợ công	Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu, đưa ra câu hỏi Nghiên cứu nhằm xác định rõ mục tiêu nghiên cứu của đề tài Báo cáo tóm tắt các kết quả nghiên cứu đề tài.	Nội dung Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu quy định của pháp luật về tài sản bảo đảm, đảm bảo an toàn nợ công. Nghiên cứu làm rõ một số vấn đề cơ bản, mang tính chất lý luận về tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ và vấn đề quản lý, xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong lĩnh vực quản lý nợ công đã nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu. Tổng kết, đánh giá quy định của pháp luật về tài sản bảo đảm trong lĩnh vực quản lý nợ công qua các thời kỳ và thực tiễn triển khai, đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện.	Ngành tài chính
194.	Nguyễn Hữu Đại	Bài báo quốc tế: "Integrating a new management accounting routine into a routine	Sáng kiến trình bày về vai trò của sự tương tác giữa các quy trình kế toán quản trị trong việc tích hợp một quy trình mới vào trong quy trình kế toán quản trị nhóm	Sáng kiến đề xuất cách thức áp dụng phương thức kế toán mới trong doanh nghiệp	Cấp Bộ

		cluster: the role of interactions between multiple management accounting routines", đăng trên tạp chí Qualitative Research in Accounting & Management, Q2			
195.	Phùng Thanh Loan	Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 – 2020.	Sử dụng các tiêu chí khác nhau để phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch và xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại sáu huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa. Chỉ rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.	Sáng kiến đã cung cấp các bằng chứng khoa học cho tỉnh Thanh Hóa và 06 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa về những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn 2011 – 2020.	Cấp Bộ
196.	Hy Thị Hải Yến	Giải pháp chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cho các huyện, thị xã, thành phố ven biển tỉnh Thanh Hóa theo hướng phát triển nhanh và bền vững đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.	Đề xuất nhóm giải pháp chung về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cho các địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa. Đề xuất các giải pháp về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 3 ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ theo hướng phát triển nhanh và bền vững tại 6 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Sáng kiến đã đề xuất với chính quyền tỉnh Thanh Hóa và các địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại theo hướng phát triển nhanh và bền vững.	Cấp Bộ
197.	Ngô Thị Thùy Quyên	Đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới các yếu tố phát triển nhanh và bền vững tại các địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Sử dụng các một số các tiêu chí định lượng để đánh giá tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới các yếu tố phát triển nhanh và bền vững như năng suất lao động, GRDP/người, độ mở của nền kinh tế, tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất, hiện trạng môi trường tại 06 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa	Sáng kiến đã cung cấp bằng chứng khoa học cho tỉnh Thanh hóa và chính quyền 06 địa phương ven biển tỉnh Thanh Hóa về những tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương này,	Cấp Bộ

198.	Phạm Thanh Hà, Phó trưởng Bộ môn, Khoa Tài chính công	Sách chuyên khảo "Quản lý tài sản công"	Đồng chủ biên và viết chương 4, 5: Hệ thống hoá, phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam về quản lý tài sản công tại doanh nghiệp; quản lý tài sản công là đất đai và tài nguyên khác.	Cuốn sách là học liệu có giá trị khoa học về lý luận và thực tiễn quản lý tài sản công ở Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển CTĐT trình độ đại học Chuyên ngành quản lý tài chính công, CTĐT sau đại học ngành Quản lý kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng ở Học viện Tài chính.	Cấp Học viện
199.	Bùi Tiến Hanh, Trưởng khoa, Khoa Tài chính công	Sách chuyên khảo "Quản lý tài sản công"	Đồng chủ biên và viết Chương 1, 2,3: Hệ thống hoá, phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam về tổng quan tài sản công và quản lý tài sản công; quản lý tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công; quản lý tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng.	Cuốn sách là học liệu có giá trị khoa học về lý luận và thực tiễn quản lý tài sản công ở Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển CTĐT trình độ đại học Chuyên ngành quản lý tài chính công, CTĐT sau đại học ngành Quản lý kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng ở Học viện Tài chính.	Cấp Học viện
200.	Nguyễn Thị Thương Giang, Khoa Tài chính công	Bài tham gia hội thảo quốc tế International Conference on Financial and Accounting For the Promotion of Sustainable development in the Private Sector (FASPS5): Cybersecurity issues in cashless payment in Vietnam	Tham gia viết mục 2.1 Theoretical basis: nghiên cứu những cơ sở lý thuyết về an ninh mạng cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Sáng kiến đã làm rõ nội dung, các hình thức của thanh toán không dùng tiền mặt, nội dung của an ninh mạng...	Cung cấp cơ sở lý thuyết về đảm bảo an ninh mạng đối với hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong công tác nghiên cứu và quản lý tài chính tiền tệ.	Cấp Học viện Tài chính
201.	Nguyễn Thị Thanh Phó trưởng khoa TCDN,	Ảnh hưởng của việc sử dụng công cụ Tái bảo	- Nội dung chính của sáng kiến: Nhóm tác giả đã nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý	Trong các cơ quan quản

	<p>trưởng BM PTTC Học viện Tài Chính</p> <p>Lê Hải Anh Học viện Tài Chính</p>	<p>hiểm đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ niêm yết tại Việt Nam. Thuộc bài báo: “Reinsurance and firm performance: Evidence from the non-life insurance firms listed in Vietnamese stock exchange” Hội thảo khoa học “Sustainable economic development and business management in the context of globalisation (SEDBM)” năm 2023. Tác giả Nguyễn Thị Thanh; Lê Hải Anh (Trang 127).</p>	<p>dụng công cụ Tái bảo hiểm đến khả năng sinh lời của các DNBH phi nhân thọ niêm yết tại Việt Nam dựa trên bộ dữ liệu thứ cấp 280 mẫu quan sát bao gồm số liệu tài chính và phi tài chính thu thập theo quý từ nguồn công bố thông tin của 10 DNBH PNT niêm yết trên 3 sàn chứng khoán UPCOM, HNX và HOSE trong giai đoạn 2016-2022. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất 2 bước (2SLS) để đo lường mức độ ảnh hưởng của biến “Tỷ lệ tái bảo hiểm” đến biến phụ thuộc ROE (được sử dụng để đo lường hiệu quả hoạt động). Trong mô hình, nhóm tác giả sử dụng các biến đo lường đặc điểm của DN và các biến đo lường nhân tố kinh tế vĩ mô làm biến kiểm soát. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng Tái bảo hiểm có mối quan hệ phi tuyến tính dạng chữ U với khả năng sinh lời của DNBH PNT. Nhóm tác giả đã xác định được điểm “Reinsurance threshold” (Ngưỡng tái bảo hiểm) – tại mức 41,79% tại đó ROE đạt giá trị thấp nhất. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, đối với các DNBH PNT niêm yết tại Việt Nam các nhân tố bao gồm quy mô DN, lãi suất ngân hàng và sàn chứng khoán niêm yết đóng vai trò tác động trung gian đến ảnh hưởng của tái bảo hiểm và hiệu quả hoạt động. - Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến: + Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thanh chịu trách nhiệm thực hiện tổng quan nghiên</p>	<p>nhà nước, các DNBH phi nhân thọ trong việc ra quyết định quản lý. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DNBH PNT tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	<p>lý nhà nước; các DN Bảo hiểm; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>
--	---	---	--	--	---

			<p>cứ, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và thu thập dữ liệu nghiên cứu.</p> <p>+ Tác giả: Ths Lê Hải Anh chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp.</p>		
202.	Bùi Văn Vân GVCC, Bộ môn TCDN, Học viện Tài chính	<p>Khái quát lịch sử hình thành, phát triển và định hướng phát triển khoa TCDN đến năm 2045.</p> <p>Đồng tác giả: PGS, TS. Bùi Văn Vân và PGS, TS. Vũ Văn Ninh</p>	<p>Đã khái quát lịch sử hình thành, phát triển, truyền thống của khoa TCDN; đã chỉ ra 5 kết quả lớn mà khoa đã đạt được trong 60 năm qua và những định hướng phát triển khoa TCDN đến năm 2045.</p>	<p>Là tài liệu tham khảo bổ ích cho tất cả cán bộ, sinh viên Học viện Tài chính và những ai quan tâm</p>	<p>Trong Học viện Tài chính và những ai quan tâm đến tìm hiểu về khoa TCDN, Học viện Tài chính.</p>
203.	Lâm Thị Thanh Huyền - Giảng viên chính Bộ môn Định giá Tài sản - Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính	<p>Ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến rủi ro phá sản của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam</p>	<p>Nội dung chính của sáng kiến: Thị trường bất động sản là một trong những thị trường quan trọng của nền kinh tế, có vai trò thiết yếu trong việc thu hút các nguồn lực, tạo tài sản cố định cho nền kinh tế và thúc đẩy các thành phần kinh tế, các nền kinh tế khác cùng phát triển (thị trường tài chính, xây dựng, sản xuất VLXD, nội thất, lao động...), đáp ứng nhu cầu nhà ở, phát triển đô thị, du lịch của người dân... Từ nửa cuối năm 2022, khi thị trường bất động sản có nhiều tín hiệu “tiêu cực”, doanh nghiệp bất động sản gặp nhiều khó khăn, thị trường trì trệ, hàng loạt doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoạt động, cắt giảm nhân sự, giảm lương, mất thanh khoản, không có khả năng trả nợ ngân hàng.. ..thậm chí có thể phá sản. Bài viết tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến rủi ro phá sản của các DN BĐS niêm yết trên sàn</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN bất động sản xác định và giảm thiểu rủi ro phá sản, góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN BĐS tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	<p>Trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN BĐS; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>

			<p>chứng khoán Việt Nam. Bằng việc sử dụng mô hình hồi quy Logistic với 53 doanh nghiệp Bất động sản niêm yết trên sàn giao chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2012 -2022 cho thấy tăng trưởng GDP của nền kinh tế cao làm giảm rủi ro phá sản của các doanh nghiệp, trong khi đó lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng đối mặt với nguy cơ phá sản càng lớn.</p>		
204.	<p>Lâm Thị Thanh Huyền - Giảng viên chính Bộ môn Định giá Tài sản - Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính</p> <p>Nguyễn Mạnh Hùng - Giảng viên Bộ môn Định giá Tài sản - Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính</p>	<p>Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển thị trường bất động sản xanh và bài học cho Việt Nam</p>	<p>Nội dung chính của sáng kiến: Con người ngày càng có xu hướng tìm kiếm những không gian sống xanh, cộng đồng dân cư văn minh, hiện đại. Xu hướng đó đang lan rộng tại các nước phát triển trên thế giới và cũng dần trở thành tất yếu đối với thị trường bất động sản Việt Nam. Tuy nhiên, tại Việt Nam, bất động sản xanh vẫn còn là một khái niệm còn khá mới mẻ và thị trường bất động sản xanh ở nước ta vẫn còn khá non trẻ, mới bắt đầu xuất hiện trong vài năm trở lại đây. Vì vậy, các tác giả đã nghiên cứu xu hướng phát triển công trình xanh và kinh nghiệm của các nước trên thế giới, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam nhằm thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản xanh. Nghiên cứu tập trung sử dụng nhiều số liệu do Dodge Data & Analytics, WCED, IFC đưa ra... Mặc dù có sự đa dạng về số liệu nhưng nghiên cứu chỉ tập trung vào các quốc gia có sự tương đồng về kinh tế, xã hội, văn hóa so với Việt Nam như Singapore , Malaysia, Trung Quốc...</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN bất động sản hiểu, nắm bắt được xu thế và xây dựng được các chiến lược, chính sách trong phát triển bất động sản xanh. Từ đó, góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN BĐS tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	<p>Trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN BĐS; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>

205.	Vũ Thị Lan Nhung- Giảng viên chính Bộ môn Định giá Tài sản - Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính	“Đề xuất quy trình dịch vụ thẩm định giá công nghệ từ kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách Nhà nước” - Thuộc đề tài cấp Bộ: ” Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và xây dựng quy trình thử nghiệm dịch vụ tư vấn về thẩm định giá công nghệ từ KQNC sử dụng NSNN”	Đưa ra đề xuất xây dựng quy trình dịch vụ thẩm định giá công nghệ từ kết quả nghiên cứu sử dụng NSNN.	Kết quả của sáng kiến đã cung cấp các đề xuất nhằm xây dựng quy trình dịch vụ thẩm định giá công nghệ từ kết quả nghiên cứu sử dụng NSNN. Từ đó góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý Nhà nước hoạch định chính sách về thương mại hóa tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, chuyển giao công nghệ, chuyên giao tri thức ở Việt Nam do đó góp phần thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ..., đồng thời đóng góp phần xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện và đồng bộ hóa các văn bản pháp luật liên quan trong hoạt động dịch vụ định giá, thẩm định giá công nghệ ở nước ta.,	Trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN Thẩm định giá, các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước
206.	Lê Hải Anh - Giảng viên BM PTTC - Khoa TCDN - Học viện Tài chính	Kinh nghiệm thế giới cho các Doanh nghiệp Việt Nam về động cơ và các vấn đề đạo đức trong gian lận báo cáo tài chính. Thuộc bài báo: “Motives and Ethical delimmas arising from aspect of financial statement fraud: Comparision and analysis between the United Kingdom and Japan and Lesson for	Tác giả đã thực hiện nghiên cứu các động cơ và vấn đề đạo đức phát sinh trong các vụ gian lận báo cáo tài chính thông qua việc phân tích các vụ bê bối, gian lận báo cáo tài chính phát sinh trong thực tế tại 2 quốc gia phát triển là Nhật Bản và Vương Quốc Anh. Tác giả đã thực hiện phân tích các vụ bê bối Báo cáo tài chính của 3 tập đoàn lớn tại Anh bao gồm Wickes, Powerscreen và Tesco hoạt động trong các lĩnh vực lần lượt là bán lẻ đồ gia dụng, xây dựng và bán lẻ thực phẩm; và của 2 tập đoàn lớn tại Nhật Bản bao gồm Olympus và Toshiba hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và điện tử điện lạnh. Trên cơ sở kết	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN trong việc ra quyết định quản lý. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.	Trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN Bảo hiểm; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước.

		<p>Vietnam” Hội thảo khoa học “Finance and accounting for the promotion of sustainable development in the private sector (FASPS4)” năm 2022. Tác giả: Lê Hải Anh (Trang 242).</p>	<p>quả phân tích các tình huống thực tế, tác giả đã tiến hành so sánh điểm giống và khác giữa động cơ và các vấn đề đạo đức đằng sau các vụ bê bối ở 2 quốc gia Nhật Bản và Vương Quốc Anh. Kết quả phân tích, so sánh cho thấy động cơ chính trong các vụ bê bối tại Anh xuất phát từ lợi ích các nhân, trong khi động cơ chính cho các vụ bê bối của các DN Nhật Bản lại có nguồn gốc từ văn hóa doanh nghiệp gắn liền với phong tục tập quán của quốc gia. Do đó có các vụ bê bối tại Anh thường có quy mô số người tham gia tương đối nhỏ nhưng mức độ gian lận khá phức tạp, ngược lại các vụ gian lận của DN Nhật Bản thường có sự tham gia của cả một hệ thống nhân sự với mức độ gian lận khá đơn giản. Dựa trên kết quả phân tích và so sánh, tác giả đã đề xuất các bài học kinh nghiệm cho các DN Việt Nam trong việc quản lý, phát hiện và phòng ngừa các rủi ro gian lận báo cáo tài chính.</p>		
207.	<p>Lê Hải Anh Giảng viên BM PTTC - Khoa TCDN - Học viện Tài chính</p> <p>Trần Minh Giang Giảng viên BM PTTC - Khoa TCDN - Học viện Tài chính</p>	<p>Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch niêm yết. Thuộc bài báo: “Factors affecting the business performances: The evidence of tourism companies listed in Vietnamese stock exchanges” Hội thảo khoa học “Finance and</p>	<p>- Nội dung chính của sáng kiến: Nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các DN du lịch niêm yết tại Việt Nam dựa trên cơ sở bộ dữ liệu thứ cấp thu thập từ nguồn công bố thông tin của 30 DN du lịch niêm yết trong giai đoạn 8 năm từ 2014 đến 2022. Thông qua việc sử dụng các kỹ thuật mô hình khác nhau bao gồm OLS, REM, FEM và FGLS, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu ảnh hưởng của 10 nhân tố đến hiệu quả kinh doanh của các</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng trong việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN du lịch. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN du lịch tại Việt Nam và sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên và sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	<p>Trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN Du lịch; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>

		accounting for the promotion of sustainable development in the private sector (FASPS5)” năm 2023. Tác giả Trần Minh Giang; Lê Hải Anh (Trang 768)	DN du lịch niêm yết (được đo lường bằng 3 biến ROE, ROA và ROS). Các nhân tố được đưa vào mô hình nghiên cứu bao gồm: quy mô DN (SIZE), tốc độ tăng trưởng doanh thu (SAGR), tỷ lệ vốn cố định (FIXED), đòn bẩy tài chính (LEV), hiệu suất sử dụng tài sản (TAT), kỳ thu hồi nợ (DAR), kỳ hoàn trả nợ (DAP), tuổi thọ DN (AGE), tỷ lệ GVHB (CFS) và Covid 19. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra tất cả các nhân tố trên đều có tác động đến hiệu quả kinh doanh của DN du lịch niêm yết ở các mức độ khác nhau. Cụ thể, các nhân tố quy mô doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng doanh thu, hiệu suất sử dụng tài sản có tác động cùng chiều với hiệu quả kinh doanh, trong khi có nhân tố còn lại bao gồm đòn bẩy tài chính, tỷ lệ GVHB, kỳ thu hồi nợ, kỳ hoàn trả nợ và Covid lại có tác động ngược chiều. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực nghiệm, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm giúp các DN du lịch tại Việt Nam nhanh chóng phục hồi, cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh sau những ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid.		
208.	Trần Thị Thanh Hà Phó Trưởng Bộ môn Định giá Tài sản- Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính	“Chính quyền địa phương cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất rõ ràng; doanh nghiệp có chính sách hỗ trợ, ưu đãi	Khi xây dựng và thực hiện Luật Đất đai, một trong những khó khăn và vướng mắc lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có đất bị thu hồi là công tác bồi thường khi thu hồi đất. Từ năm 2013 đến nay, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo Luật Đất đai 2013 và các Văn bản	Vận dụng Sáng kiến trong giảng dạy và nghiên cứu các môn học tại Học viện Tài chính, các sinh viên, giảng viên gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Cụ thể là các nội dung liên quan tới: Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản và kinh	Sáng kiến được áp dụng trong giảng dạy và nghiên cứu các môn học tại Học viện Tài chính: Thị trường bất

		<p>phù hợp đối với các hộ gia đình trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.” Sáng kiến được đề xuất trong bài báo Tiếng Anh (đồng tác giả):</p> <p>“INDEMNIFICATION POLICY WHEN THE STATE RECOVERS LAND IN HANOI” đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa (SEDBM 6 năm 2023) Trang 344.</p>	<p>hướng dẫn thi hành, đã có nhiều chuyên viên tích cực. Tuy nhiên, đây là công việc rất khó khăn, phức tạp; còn bộc lộ một số hạn chế, như: tiến độ giải phóng mặt bằng còn chậm; việc giải quyết yêu cầu tái định cư chưa đồng bộ, bất cập; tình trạng khiếu nại liên quan đến giải phóng mặt bằng vẫn diễn biến phức tạp... Vì vậy cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó Chính quyền địa phương cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất rõ ràng; doanh nghiệp có chính sách hỗ trợ, ưu đãi phù hợp đối với các hộ gia đình trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Nếu chính quyền địa phương có những định hướng, quy hoạch kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch sử dụng đất rõ ràng; doanh nghiệp có những hỗ trợ và chính sách ưu đãi đối với người lao động địa phương; các hộ gia đình chủ động trong việc chuyển đổi sinh kế thì người bị thu hồi đất sẽ nhanh chóng ổn định cuộc sống. Từ đó, công tác thu hồi đất để triển khai dự án cũng sẽ thuận lợi hơn, những khiếu kiện liên quan đến công tác thu hồi đất sẽ không còn là điểm “nóng”.</p>	<p>doanh bất động sản; Thẩm định giá, Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất. Sáng kiến là tài liệu tham khảo để Bộ Tài chính hoạch định cơ chế, chính sách, góp ý dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.</p>	<p>động sản, Kinh doanh bất động sản, Thẩm định giá bất động sản. Sáng kiến là tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các sinh viên, giảng viên tại Học viện Tài chính. Sáng kiến là tài liệu tham khảo để hoạch định cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính liên quan tới sửa đổi Luật Đất đai, nghiên cứu xây dựng Luật Đất đai.</p>
209.	<p>Vương Minh Phương Giảng viên chính Bộ môn Định giá Tài sản - Khoa Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính</p>	<p>Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước các cấp và tách ra dự án độc lập trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định</p>	<p>Bồi thường, giải phóng mặt bằng là điều kiện ban đầu và tiên quyết để triển khai thực hiện các dự án. Mặc dù công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ tái định cư đạt được một số kết quả: Tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, ngăn chặn việc</p>	<p>Giải pháp tác động trực tiếp và toàn diện thúc đẩy việc giải tỏa điểm tắc nghẽn là phân cấp, phân quyền. Từ đó giải quyết vướng mắc về thủ tục hành chính phải qua nhiều cấp, nhiều ngành tham gia.</p>	<p>Sáng kiến được áp dụng trong giảng dạy và nghiên cứu các môn học tại Học viện Tài chính: Thị</p>

		<p>cu". Sáng kiến được đề xuất trong bài báo Tiếng Anh (đồng tác giả): "Indemnification policy when the state recovers land in Ha Noi" đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa (SEDBM 6) Trang 344.</p>	<p>lấn chiếm, xây dựng trái phép, hạn chế việc tranh chấp... Nhưng công tác này vẫn còn có những bất cập: Vương mắc chính trong thực tiễn triển khai như việc hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất lưu không; Việc xử lý đối với các dự án treo chưa hiệu quả... Giải pháp tăng cường phân cấp, ủy quyền cho cơ sở, ủy quyền cho các quận, huyện thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư thực chất là giao trách nhiệm để địa phương thể hiện năng lực và bộ máy của mình. Vì vậy giải pháp này sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư thực hiện dự án, huy động các nguồn lực từ đó thúc đẩy kinh tế xã hội.</p>	<p>- Sáng kiến được vận dụng trong giảng dạy và nghiên cứu các môn học tại Học viện Tài chính giảng viên và sinh viên gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn.</p>	<p>trường bất động sản, Kinh doanh bất động sản, Thẩm định giá bất động sản. - Sáng kiến là tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các sinh viên, giảng viên tại Học viện Tài chính. - Sáng kiến là tài liệu tham khảo để hoạch định cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính liên quan tới sửa đổi Luật Đất đai, nghiên cứu xây dựng Luật Đất đai từ tháng 09 năm 2023</p>
210.	<p>Nguyễn Hồ Phi Hà Trưởng BM ĐGTS- HVTC</p>	<p>"Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy sự phát triển bền vững đối với các DN KD bất động sản ở Việt Nam trong thời gian tới" Thuộc bài báo hội thảo quốc tế "Digital transformation-</p>	<p>Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KD cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của các DN thì việc áp dụng chuyển đổi số là một tất yếu khách quan đối với các DN. Muốn vậy, cần phải: (i) Có sự vào cuộc, hỗ trợ của hệ thống chính quyền, Nhà nước đến các DN; (ii) Cần có sự thay đổi dần về tư duy, nhận thức của các chủ thể (lãnh đạo DN, nhân viên, cũng như</p>	<p>Sáng kiến là tài liệu tham khảo đối với các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách của Bộ Tài chính; tài liệu tham khảo đối với giảng viên, sinh viên, các nhà khoa học và những người quan tâm đến vấn đề này trong phạm vi Bộ/ Ngành Tài chính (thời gian</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng đến Bộ/ Ngành Tài chính, trong các cơ quan quản lý nhà nước; các trường Đại</p>

		Essential for sustainable development of Vietnamese real estate enterprises" (FASPS5 năm 2023), tác giả Nguyễn Hồ Phi Hà, Vũ Thị Phương, Nguyễn Kiều My Lan Hương, Nguyễn Xuân Trường.	khách hàng và nhà đầu tư...) về vai trò của các ứng dụng công nghệ; (iii) Bản thân các DN bất động sản cần có sự đầu tư cho hoạt động này; (iv) Bản thân các chủ thể tham gia cũng cần phải tự thay đổi tư duy, thói quen, nâng cao năng lực sử dụng, áp dụng công nghệ thông tin, thích ứng với môi trường chuyển đổi số. Đặc biệt, DN cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao, chuyên gia công nghệ thông tin	áp dụng: sau khi hội thảo quốc tế 11/2023).	học, cao đẳng trong cả nước
211.	Trần Đức Trung Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN	“Tận dụng cơ hội ứng dụng công nghệ trong đào tạo chuyên ngành phân tích tài chính” Được đề xuất trong bài viết đăng HTKH Khoa TCDN với tên bài: “cơ hội và thách thức đối với ứng dụng công nghệ trong đào tạo chuyên ngành phân tích tài chính”	Hiện nay xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, đã làm đa dạng hóa và phong phú các hình thức, phương thức đào tạo. Xu thế đó cũng đòi hỏi các nhà giáo, nhà quản lý cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để tận dụng tối đa những cơ hội, vượt qua thách thức phát huy tính tích cực của công nghệ. Thực tế chưa có nghiên cứu nào chuyên sâu về ứng dụng công nghệ đối với đào tạo chuyên ngành phân tích tài chính. Thứ nhất, tác giả đã nêu rõ xu hướng, tầm quan trọng và những lợi ích cơ bản của ứng dụng công nghệ trong đào tạo đại học. Tác giả nhấn mạnh, việc đào tạo chuyên ngành phân tích tài chính đang có nhiều cơ hội để tận dụng những lợi thế của công nghệ. Thứ hai, tác giả đi sâu phân tích những cơ hội ứng dụng công nghệ như: được tiếp cận và khai thác nguồn tài nguyên học tập không giới hạn; đa dạng hóa và tối ưu hóa các hình thức, phương pháp giảng dạy, học tập; giúp cá nhân hóa, chủ động và độc lập trong hoạt động đào	Nội dung của sáng kiến trên được áp dụng trong giảng dạy, nghiên cứu, học tập tại Học viện Tài chính từ năm 2023. Nội dung sáng kiến cũng được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học và phục vụ cho việc hoạch định cơ chế, chính sách có liên quan đến ứng dụng công nghệ và phân tích tài chính.	Trong Học viện Tài chính, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có liên quan đến ứng dụng công nghệ và phân tích tài chính trong cả nước.

			<p>tạo; phát huy tư duy phản biện chuyên môn; gia tăng sự thú vị và khả năng sáng tạo... Trên cơ sở đó, tác giả đã nhấn mạnh một số điều kiện để có thể tận dụng tốt cơ hội trong việc ứng dụng công nghệ trong đào tạo chuyên ngành phân tích tài chính.</p>		
212.	<p>Trần Đức Trung, Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN</p>	<p>“Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng bền vững các doanh nghiệp năng lượng ở Việt Nam”</p> <p>Được đề xuất trong bài viết đăng tại HTKH Quốc tế FASPS-5 với tên bài: “Promoting sustainable growth of enterprises energy industry in Vietnam”</p>	<p><i>Thứ nhất</i>, tác giả đã nêu tổng quan những nghiên cứu đương đại về tăng trưởng và tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp. <i>Thứ hai</i>, tác giả chọn lọc và đưa ra khái niệm chung về tăng trưởng và tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp. Có nhiều mô hình và chiến lược dành cho mục tiêu tăng trưởng của doanh nghiệp, nhưng nhìn chung đều hướng tới sự bền vững. Bền vững, theo tác giả, đó là một trạng thái quan trọng của tăng trưởng. Trạng thái này đồng thời cũng là điều kiện và mục tiêu cho sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp trong tương lai. Do đó, việc xem xét tốc độ tăng trưởng bền vững và các nhân tố tác động, từ đó đề xuất và thực thi các giải pháp là rất cần thiết. Quan điểm về tăng trưởng của doanh nghiệp giờ đây cần phải được đặt trong khuôn khổ của sự phát triển bền vững với những yêu cầu, mục tiêu cụ thể. <i>Thứ ba</i>, trên cơ sở lý thuyết và các số liệu về tài chính doanh nghiệp được thu thập và chia nhóm, tác giả đã đi sâu phân tích đánh giá thực trạng tình hình tăng trưởng bền vững của các doanh nghiệp năng lượng ở Việt Nam trong thời gian qua. Tăng trưởng bền vững của các doanh</p>	<p>Nội dung của sáng kiến trên được áp dụng trong giảng dạy, học tập tại Học viện Tài chính từ năm 2023. Nội dung sáng kiến cũng được dùng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, các đối tượng quan tâm và phục vụ cho việc phân tích, quản trị tài chính doanh nghiệp; hoạch định các cơ chế, chính sách.</p>	<p>Học viện Tài chính và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về kinh tế tài chính; Bộ Tài chính cũng như các Bộ, ngành khác có liên quan đến chủ trương, chính sách về phát triển doanh nghiệp và năng lượng ở Việt Nam.</p>

			<p>ngành năng lượng ở Việt Nam thời gian qua ở mức phù hợp với lĩnh vực và xu hướng phát triển của ngành. Một số doanh nghiệp có mức tăng trưởng khá nhanh, nhưng chưa có sự đồng đều qua các năm. Mức tăng trưởng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó có cả những nhân tố tích cực và những hạn chế. Từ đó tác giả đưa ra những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng bền vững của các doanh nghiệp ngành năng lượng ở Việt Nam như: (i) Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đảm bảo các nguồn lực tài chính, chú trọng nguồn vốn chủ sở hữu nội sinh, (ii) Nâng cao hiệu quả kinh doanh theo hướng hiện đại, bám sát nhu cầu của nền kinh tế, (iii) Chủ động tiếp cận các thị trường và sản phẩm năng lượng mới theo xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới; (iv) Quản trị tài chính, kiểm soát rủi ro và sử dụng tốt hệ thống đòn bẩy; (v) Thực hiện chuyển đổi số và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp là một chủ đề quan trọng và một nội dung tương đối khó, cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trên thực tế, đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực, đồng thời cũng là yêu cầu khách quan của các doanh nghiệp trong bối cảnh mới.</p>		
213.	Trần Đức Trung Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN	<p>“Một số gợi ý về thuế tài chính đối với các công ty tư nhân ở Việt Nam” Được đề xuất trong bài viết đăng tại HTKH</p>	<p><i>Thứ nhất</i>, tác giả đã tổng hợp và đưa ra những khái niệm cơ bản về thuế tài chính, thị trường cho thuê tài chính. Đồng thời, tác giả cũng phân biệt rõ ràng thuế tài chính với một số hình thức huy động vốn</p>	<p>Nội dung của sáng kiến trên được áp dụng trong giảng dạy, học tập tại Học viện Tài chính từ năm 2023. Nội dung sáng kiến cũng được dùng làm tài liệu tham khảo</p>	<p>Học viện Tài chính và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về kinh tế tài</p>

		<p>Quốc tế FASPS-5 với tên bài: “Financial leasing views from foreign enterprises and suggestions for Vietnamese private companies”</p>	<p>trung và dài hạn khác, hay nêu rõ mối liên hệ giữa các bên trong một giao dịch thuê tài chính điển hình.</p> <p><i>Thứ hai</i>, tác giả đã sơ lược về tình hình đặc điểm của thuê tài chính ở các doanh nghiệp tại một số quốc gia trên thế giới. Qua đó đánh giá huy động vốn bằng thuê tài chính đã rất phát triển ở các quốc gia đó. Theo thống kê, tổng giá trị máy móc thiết bị đi thuê hàng năm ở Mỹ lên tới hàng nghìn tỷ USD và có tốc độ gia tăng 8% mỗi năm. Giá trị các hợp đồng thuê ở Mỹ chiếm khoảng 30% tổng số tiền tài trợ cho các giao dịch mua bán thiết bị hàng năm. Hình thức thuê tài chính ở Mỹ chủ yếu là thuê hai bên, ba bên hoặc bán và tái thuê, trong đó, quyền chọn mua tài sản thuộc về bên đi thuê... Sự tăng trưởng nhanh của các doanh nghiệp Nhật Bản khiến họ phải đối mặt với sự thiếu hụt về vốn, bởi vậy huy động vốn bằng thuê tài chính là một hình thức tài trợ hấp dẫn. Thuê tài chính đã trở thành một công cụ huy động vốn hữu hiệu cho nền kinh tế Nhật Bản, từ những tập đoàn lớn mang đặc trưng kiểu Nhật Bản cho đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ... <i>Thứ ba</i>, trên cơ sở nghiên cứu về thuê tài chính đã được nhiều doanh nghiệp trên thế giới sử dụng như một phương án huy động vốn có hiệu quả, tác giả đã đưa ra những gợi ý cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trên thực tế, thuê tài chính cũng đã có những thông lệ quốc tế với những hợp đồng lớn xuyên quốc gia. Song doanh</p>	<p>cho các nhà nghiên cứu, các đối tượng quan tâm và phục vụ cho việc phân tích, quản trị tài chính doanh nghiệp; hoạch định các cơ chế, chính sách.</p>	<p>chính; Bộ Tài chính cũng như các Bộ, ngành khác có liên quan đến chủ trương, chính sách về phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới.</p>
--	--	---	---	--	--

			<p>ngành cũng như chính sách tài chính doanh nghiệp tại mỗi quốc gia, trong mỗi thời kỳ lại có những đặc trưng riêng. Một số gợi ý như: (i) Các doanh nghiệp cần xác định rõ nhu cầu tài sản và phương án tài trợ bằng thuê tài chính; (ii) Các doanh nghiệp nên thuê các đối tác tư vấn độc lập khi tiếp cận và sử dụng thuê tài chính; (iii) Cần có trách nhiệm trong việc sử dụng tài sản thuê, chủ động cân đối nguồn lực, quản trị rủi ro thuê tài chính có hiệu quả. Để góp phần đẩy mạnh huy động vốn bằng thuê tài chính đối với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có thể vận dụng một cách có chọn lọc, linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.</p>		
214.	<p>Trần Minh Giang Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN</p>	<p><i>“Xây dựng phương pháp nghiên cứu tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp và kiểm định cơ chế tác động”</i></p> <p>Thuộc chương 42 sách “Proceedings of the 4th International Conference on Research in Management & Technovation” của Hội thảo quốc tế ICRMAT 2023 do Springer Nature xuất bản.</p>	<p>Sáng kiến được thể hiện trong các mục 3. Xây dựng phương pháp nghiên cứu tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp, 5.3 Tài sản cố định có nói lòng tiêu chí vay vốn (5.3. Do Fixed Assets Really Loosen the Borrowing Criteria?). Nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất: Xây dựng phương pháp nghiên cứu tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng nợ trong doanh nghiệp, xác định biến phụ thuộc và biến độc lập trong mô hình để đánh giá mức độ ảnh hưởng của tài sản cố định đến mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp. - Thứ hai, đánh giá tác động của tài sản cố định tới chi phí sử dụng nợ qua các bằng chứng thực nghiệm thông qua kết quả hồi 	<p>Sáng kiến đóng góp hệ thống các kết quả nghiên cứu về các yếu tố tác động đến mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp. Đặc biệt, rất ít các nghiên cứu trước đây đi sâu nghiên cứu riêng về mối quan hệ này và nghiên cứu ở Việt Nam. Đồng thời, kết quả của sáng kiến được chứng minh bằng mô hình kinh tế lượng, được kiểm định các khuyết tật chặt chẽ nên cho kết quả có tính tin cậy cao.</p>	<p>Sáng kiến được công bố trên Sách do nhà xuất bản uy tín quốc tế xuất bản nên có khả năng tiếp cận với nhiều đối tượng người đọc cả Việt Nam và thế giới.</p> <p>Sáng kiến được sử dụng để làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, giảng</p>

			<p>quy dữ liệu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ chí minh từ năm 2000 đến năm 2021. Kết quả cho thấy các bằng chứng thực nghiệm ủng hộ giả thuyết nghiên cứu đã đưa ra là tài sản cố định có vai trò quan trọng trong việc giảm chi phí sử dụng vốn nợ của doanh nghiệp.</p>		<p>viên, sinh viên các trường đại học kinh tế, tài chính, kinh doanh.</p>
215.	<p>Vũ Đức Kiên Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN</p>	<p><i>“Biên soạn nội dung hướng dẫn về môi trường kinh tế, các quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ, kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp”</i> Thuộc sách hướng dẫn “Instruction manual on Business, Technology and Finance 2”</p>	<p>Sáng kiến được thể hiện trong 3 chương thuộc sách hướng dẫn “Instruction manual on Business, Technology and Finance 2”: Chương 1 – Môi trường kinh tế (Chapter 1 – The economic environment), Chương 2 – Quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ (Chapter 2 – The external regulation and technology development), Chương 5 – Kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp (Chapter 5 – The professional accountant and The professional financial analyst). Nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, hệ thống hoá kiến thức nền tảng mang tính học thuật và khoa học môi trường kinh tế, các quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ, kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp. - Thứ hai, đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm có đáp án giải thích và các câu hỏi tự luyện tập về môi trường kinh tế, các quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ, kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp. 	<p>Sáng kiến đóng góp vào hệ thống tài liệu học tập hỗ trợ sinh viên ôn tập kiến thức học phần và phát triển các kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề. Sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và học tập tại Học viện Tài chính, hướng tới các chứng chỉ chuyên môn quốc tế, đáp ứng nhu cầu của sinh viên cũng như nhu cầu ngày càng cao của xã hội.</p>	<p>Sáng kiến được sử dụng để bồi dưỡng giảng viên, sinh viên tham gia giảng dạy và học tập môn Business, Technology and Finance 2 của ICAEW, các cơ sở tham gia đào tạo chứng chỉ quốc tế về Tài chính, Kế toán và Kinh doanh (ICAEW CFAB), các ứng viên tham gia kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế về Tài chính, Kế toán và Kinh doanh</p>

			<p>- Thứ ba, đưa ra hệ thống tình huống thực tế có đáp án giải thích và các tình huống để sinh viên tự luyện tập phân tích về môi trường kinh tế, các quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ, kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp.</p> <p>- Thứ tư, kết nối, bám sát các nội dung luyện tập về môi trường kinh tế, các quy định bên ngoài và sự phát triển công nghệ, kế toán viên và chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp với các nội dung tương ứng trong môn học Kinh doanh, Công nghệ và Tài chính 2 và định hướng nghề nghiệp của hai chuyên ngành Phân tích Tài chính và Kiểm toán.</p>		(ICAEW CFAB).
216.	Vũ Đức Kiên Giảng viên chính, Bộ môn PTTC, Khoa TCDN	<p><i>“Xây dựng giả thuyết nghiên cứu và đánh giá tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng tổng nợ, nợ ngắn hạn, nợ dài hạn của doanh nghiệp”</i></p> <p>Thuộc chương 42 sách “Proceedings of the 4th International Conference on Research in Management & Technovation” của Hội thảo quốc tế ICRMAT 2023 do Springer Nature xuất bản.</p>	<p>Sáng kiến được thể hiện trong các mục 2. Xây dựng giả thuyết (2. Hypothesis development), 4. Kết quả và thảo luận (4. Findings and discussion), 5.2. Tài sản cố định, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn (5.2. Fixed assets, short-term debt, and long-term debt). Nội dung cụ thể như sau:</p> <p>- Thứ nhất, xây dựng giả thuyết nghiên cứu về mối quan hệ giữa tài sản cố định và mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp căn cứ vào lý thuyết người đại diện. Theo lý thuyết này, doanh nghiệp có càng nhiều tài sản cố định thì mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính càng cao.</p> <p>- Thứ hai, đánh giá tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính qua các bằng chứng thực nghiệm thông qua kết quả hồi quy dữ liệu của các doanh</p>	<p>Sáng kiến đóng góp hệ thống các kết quả nghiên cứu về các yếu tố tác động đến mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp. Đặc biệt, rất ít các nghiên cứu trước đây đi sâu nghiên cứu riêng về mối quan hệ này và nghiên cứu ở Việt Nam. Đồng thời, kết quả của sáng kiến được chứng minh bằng mô hình kinh tế lượng, được kiểm định các khuyết tật chặt chẽ nên cho kết quả có tính tin cậy cao.</p>	<p>Sáng kiến được công bố trên Sách do nhà xuất bản uy tín quốc tế xuất bản nên có khả năng tiếp cận với nhiều đối tượng người đọc cả Việt Nam và thế giới. Sáng kiến được sử dụng để làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, giảng</p>

			<p>nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ chí minh từ năm 2000 đến năm 2021. Kết quả cho thấy các bằng chứng thực nghiệm ủng hộ giả thuyết nghiên cứu đã đưa ra.</p> <p>- Thứ ba, đánh giá tác động của tài sản cố định tới mức độ sử dụng nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Kết quả cho thấy, các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam ưu tiên sử dụng nợ dài hạn hơn nợ ngắn hạn khi họ có lợi thế về tài sản cố định lớn.</p>		<p>viên, sinh viên các trường đại học kinh tế, tài chính, kinh doanh.</p>
217.	<p>Đoàn Hương Quỳnh Phó trưởng khoa TCDN, trường BM TCDN Học viện Tài Chính</p>	<p>Ảnh hưởng của chính sách an toàn vĩ mô, chính sách hạn mức tín dụng đến hoạt động của các doanh nghiệp.</p> <p>Sáng kiến thuộc bài báo <i>“The impact of macroprudential policies and corporate financial leverage: evidence from Vietnamese public listed company”</i> – HTQT SEDBM 2023</p>	<p>Tổng quan về các cơ sở lý thuyết liên quan đến các chính sách an toàn vĩ mô trong đó bao gồm cả chính sách hạn mức tín dụng qua đó đưa ra các lý thuyết về ảnh hưởng của các chính sách an toàn vĩ mô đến hoạt động của các doanh nghiệp và đặc biệt là các doanh nghiệp trên sàn chứng khoán Việt Nam. Sử dụng bộ số liệu thứ cấp gồm 7000 quan sát của hơn 700 doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn chứng khoán HNX và HOSE trong giai đoạn 2000-2020, tác giả sử dụng mô hình kinh tế lượng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của chính sách giới hạn tín dụng của Ngân hàng Nhà nước tới cơ cấu vốn của các doanh nghiệp và đã chỉ ra rằng chính sách hạn mức tín dụng đã có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp và khiến cơ cấu vốn tối ưu của doanh nghiệp thay đổi. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chính sách hạn mức có ảnh hưởng chủ yếu đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ</p>	<p>Sáng kiến cung cấp các cơ sở lý thuyết về chính sách an toàn vĩ mô và ảnh hưởng của chúng đến doanh nghiệp nhằm tạo tiền đề cho việc đánh giá tác động của các chính sách này đến doanh nghiệp. Sáng kiến có thể làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp,... Ngoài ra sáng kiến có thể làm tài liệu tham khảo cho các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng đến Bộ/ Ngành Tài chính, trong các cơ quan quản lý nhà nước; các DN; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>

			còn có ảnh hưởng yếu đến doanh nghiệp lớn.		
218.	<p>Đặng Phương Mai Giảng viên chính, Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Tài chính doanh nghiệp</p>	<p>Mối quan hệ giữa CASA với hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.</p> <p>Thuộc bài báo: “Relationship between CASA and business performance of the commercial banks in Vietnam” Hội thảo khoa học “International conference on research in management and technovation 2023 (ICRMAT)” năm 2023</p>	<p>Sáng kiến được thực hiện nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa chỉ tiêu tỷ lệ tiền gửi vãng lai và tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tỷ lệ tiền gửi của ngân hàng thương mại (CASA) đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Sử dụng dữ liệu trên báo cáo tài chính của 27 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2015-2021, nghiên cứu đã xây dựng mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa CASA với hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa CASA và hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại trên cả hai thang đo tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) và tỷ suất lợi nhuận ròng (NIM). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) và quy mô ngân hàng (SIZE) ảnh hưởng thuận chiều đến ROA và NIM. Ngược lại năng lực quản lý chi phí (CIR), tỷ lệ nợ xấu (NPL), cơ cấu vốn là những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy đổi mới công nghệ cũng như khả năng số hóa hoạt động thanh toán góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng. Nghiên cứu có ý nghĩa trong hoạch định các chính sách về quản lý nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn chi phí thấp nhằm hạn chế rủi ro và gia tăng năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, ngân hàng thương mại trong việc ra quyết định quản lý. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, và các ngân hàng thương mại ở Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng đến Bộ/ Ngành Tài chính, trong các cơ quan quản lý nhà nước; các ngân hàng thương mại; các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước</p>

219.	<p>Vũ Duy Vĩnh Trưởng khoa- Trưởng Bộ môn KTQT</p>	<p>Sáng kiến: “Thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam – ISRAEL trong bối cảnh ký kết Hiệp định VIFTA (Promoting Vietnam-ISREL trade relations in the context of the signing of vifta agreement)” đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế do Học viện Tài chính, Trường ĐH Tài chính – Marketing, Trường Đại học Tài chính – Kế toán và Trường Bồi dưỡng cán bộ Tài chính, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đồng tổ chức với chủ đề: “Tài chính-Kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững (FASPS-5) tháng 11/2023.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát một số nội dung cơ bản về thương mại quốc tế và hiệp định thương mại tự do. - Phân tích thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam - Israel giai đoạn 2016 – 2022. - Đánh giá về quan hệ thương mại Việt Nam - Israel giai đoạn 2016 – 2022 gồm cả những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế. - Trên cơ sở thực trạng quan hệ thương mại giữa hai nước và các cam kết trong VIFTA, đề tài đã đề xuất một hệ thống 10 giải pháp khá toàn diện nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước Việt Nam - Israel trong bối cảnh hai nước ký kết Hiệp định VIFTA. 	<p>Sáng kiến mang lại hiệu quả to lớn cho cả 2 nước Việt Nam và Israel, đặc biệt là hiệu quả rất lớn cho Việt Nam, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng kiến đã góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam – Israel lên một tầm cao mới trong bối cảnh hai nước đã ký kết Hiệp định VIFTA. Sáng kiến góp phần để Việt Nam tận dụng tốt những kết quả đạt được trong đàm phán Hiệp định VIFTA nhằm thu được nhiều lợi ích và hạn chế bất lợi trong quan hệ thương mại Việt Nam – Israel - Sáng kiến cũng góp thêm tiếng nói để các cơ quan của 2 nước dành nhiều thời gian nguồn lực để thực hiện tiếp những công đoạn cuối cùng nhằm để Hiệp định có hiệu lực trong thời gian sớm nhất 	<p>- Cấp Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Tài chính, Công Thương, Giáo dục – Đào tạo . Cụ thể là + Sáng kiến này trực tiếp phục vụ cho việc giảng dạy rất nhiều khóa sinh viên hiện nay và những năm sắp tới tại Học viện Tài chính và nhiều trường đại học khác trên phạm vi cả nước. + Sáng kiến cũng có tầm ảnh hưởng đến công tác quản lý thương mại và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên phạm vi toàn quốc
------	--	---	--	---	---

220.	Lê Thanh Hà – Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn QTTCQT	Sáng kiến: “Xác định các yếu tố ảnh hưởng và khuyến nghị nhằm thu hút vốn FDI vào Thành phố Hà Nội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0” – thuộc bài báo khoa học : “Factors Affecting the Attraction of Foreign Direct Investment in Hanoi, Vietnam” Tạp chí Business and Economic Research, ISN 2162-4860 2023, Vol.13, N0.4	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI của Hà Nội trên ba góc độ chính, gồm hạ tầng dịch vụ, môi trường kinh tế và môi trường xã hội. Khuyến nghị các giải pháp để Thành phố Hà Nội trở thành điểm đến thuận lợi của các nhà đầu tư nước ngoài.	Bài báo được xét duyệt và đăng tải trên Tạp chí Business and Economic Research, ISSN 2162-4860 2023, Vol. 13, No.4, nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, người đọc. Bài báo được sử dụng để tham khảo trong giảng dạy, nghiên cứu tại Học viện Tài chính cũng như là khuyến nghị chính sách trực tiếp với UBND Thành phố Hà Nội.	Cấp Bộ
221.	Dương Đức Thắng – Giảng viên chính	Sáng kiến: “ Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm quốc tế (Development of Vietnam`s derivatives market viewed from international experience) – đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế do Học viện Tài chính, Trường ĐH Tài chính – Marketing, Trường Đại học Tài chính – Kế toán và Trường Bồi dưỡng cán bộ Tài chính, Viện	- Khái quát một số vấn đề cơ bản về sự hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam nói chung và TTCK phái sinh nói riêng, làm rõ tầm quan trọng của việc phát triển TTCK phái sinh - Phân tích đặc điểm các sản phẩm phái sinh giao dịch tại Việt Nam - Đánh giá về sự phát triển của thị trường phái sinh Việt Nam trên cơ sở khối lượng giao dịch các sản phẩm phái sinh - Phân tích kinh nghiệm quốc tế từ các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản; trên cơ sở đó kết hợp với phân tích thực tế và đánh giá những điều kiện của Việt Nam, đề xuất 05 nhóm giải pháp phù hợp nhằm phát triển thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam trong thời gian tới	Sáng kiến mang lại hiệu quả to lớn trong việc bổ sung các sản phẩm giao dịch trên TTCK, lành mạnh hóa thị trường, tăng tính cạnh tranh của TTCK Việt Nam trên bình diện khu vực và quốc tế; đặc biệt là hiệu quả rất lớn ở các khía cạnh cụ thể sau: - Sáng kiến đã đánh giá toàn diện các sản phẩm phái sinh hiện đang được sử dụng trên TTCK Việt Nam, tiềm năng phát triển cũng như xu hướng của các nhà đầu tư trong việc sử dụng các công cụ phái sinh. Đây là cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước nhìn nhận, đánh giá để có giải pháp điều chỉnh thích hợp, đảm bảo đồng	- Cấp Bộ - Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Tài chính, Giáo dục – Đào tạo. Cụ thể là: + Sáng kiến này trực tiếp phục vụ cho việc giảng dạy rất nhiều khóa sinh viên hiện nay và những năm sắp tới tại Học viện Tài chính và nhiều

		Chiến lược và Chính sách tài chính, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đồng tổ chức với chủ đề: “Tài chính-Kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững (FASPS-5) tháng 11/2023.		thời 2 mục tiêu: quyền lợi của nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường - Sáng kiến cũng góp phần bổ sung hệ thống các giải pháp ở góc độ quản lý nhà nước; trong đó đặc biệt nhấn mạnh tính cần thiết của việc phát triển thêm các sản phẩm phái sinh đồng thời tăng cường quản lý thị trường theo hướng thu hẹp các tổ chức trung gian tài chính kém hiệu quả, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro.	trường đại học khác trên phạm vi cả nước. + Sáng kiến cũng có tầm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về chứng khoán, trực tiếp là Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có những khía cạnh tác động tới các công ty chứng khoán, các tổ chức trung gian tài chính.
222.	Dương Đức Thắng – Giảng viên chính	Sáng kiến: “ Upas L/C tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số (UPAS L/C at Vietnam commercial banks in the context of digital transformation) - đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế do Học viện Tài chính, Trường ĐH Tài chính – Marketing, Trường Đại học Tài	- Khái quát một số vấn đề cơ bản về UPAS L/C – một công cụ mới đang được sử dụng ngày càng nhiều trong hoạt động thanh toán quốc tế - Phân tích quy trình thực hiện, các đặc điểm của phương thức UPAS L/C; từ đó làm nổi bật tính ưu việt và lợi ích đa chiều của việc triển khai UPAS L/C trong hệ thống NHTM - Đánh giá về thực trạng triển khai UPAS L/C tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số nền kinh tế ở các khía cạnh: kết quả đạt được cũng như những hạn chế, vướng mắc; trong đó nhấn mạnh về việc chưa có hành lang pháp lý	Sáng kiến mang lại hiệu quả to lớn trong việc bổ sung một phương thức thanh toán quốc tế mới được đánh giá là có nhiều ưu điểm, an toàn, tiện lợi và nhanh chóng. Cụ thể hiệu quả rất lớn thể hiện ở các khía cạnh sau đây: - Sáng kiến đã đánh giá toàn diện về UPAS L/C, đưa ra kết luận đây là phương thức thanh toán rất phù hợp trong điều kiện chuyển đổi số ngành ngân hàng diễn ra ngày càng mạnh mẽ như hiện nay.	- Cấp Bộ - Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Tài chính, Ngân hàng, Giáo dục – Đào tạo. Cụ thể là + Sáng kiến này trực tiếp phục vụ cho việc giảng dạy

		<p>chính – Kế toán và Trường Bồi dưỡng cán bộ Tài chính, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đồng tổ chức với chủ đề: “Tài chính-Kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững (FASPS-5) tháng 11/2023.</p>	<p>cụ thể cho việc triển khai các giao dịch UPAS L/C trên nền tảng Blockchain - Đưa ra một số lưu ý trong triển khai và 03 giải pháp khuyến nghị nhằm đẩy mạnh thực hiện sử dụng phương thức thanh toán UPAS L/C tại Việt Nam</p>	<p>Sáng kiến làm rõ những lợi ích đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và các ngân hàng có liên quan đến quá trình thanh toán - Sáng kiến cũng góp phần bổ sung những yêu cầu về mặt pháp lý, kỹ thuật và giải pháp công nghệ để đảm bảo quá trình thực hiện thanh toán UPAS L/C thuận lợi nhất, đảm bảo tính hiệu quả và nâng cao sự an toàn. Đứng trên góc độ quản lý nhà nước, sáng kiến đồng thời là những khuyến nghị về mặt chính sách đối với Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>rất nhiều khóa sinh viên hiện nay và những năm sắp tới tại chuyên ngành Tài chính Quốc tế, Ngân hàng của Học viện Tài chính và nhiều trường đại học khác trên phạm vi cả nước. + Sáng kiến cũng có tầm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực ngân hàng, trực tiếp là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam + Sáng kiến đưa ra những khuyến nghị cả với các Ngân hàng thương mại nhằm triển khai áp dụng một phương thức thanh toán rất có hiệu quả trong điều kiện hiện nay.</p>
--	--	---	---	--	---

223.	Vũ Việt Ninh- Trưởng Bộ môn TCQT	<p>“Benifits and challenges for business in green certification and recommendation for business in the face of the global trend of green certification” – “Thuận lợi và khó khăn đối với doanh nghiệp trong việc được công nhận đạt tiêu chuẩn xanh và một số đề xuất đối với doanh nghiệp trước xu hướng sử dụng chứng nhận xanh trên toàn cầu”.</p>	<p>Sáng kiến đã chỉ ra, trong nền kinh tế sản xuất hiện nay trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đang tồn tại thực trạng tiêu hao nguồn năng lượng lớn và gây ô nhiễm môi trường, trong đó phải kể đến lượng khí thải CO2 từ lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, việc sử dụng chứng nhận xanh sẽ mang lại nhiều lợi ích như: tăng cường khả năng cạnh tranh lành mạnh theo hướng thân thiện với môi trường giữa các doanh nghiệp; tiết kiệm tài nguyên, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, tối ưu hoá các quy trình, công nghệ, hệ thống quản lý nhằm giảm chất thải, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong việc xin cấp chứng nhận xanh như chi phí liên quan các vấn đề như thiết kế, xây dựng, vận hành các toàn hà xanh, sử dụng công nghệ, vật liệu xanh với chi phí thường cao hơn so với các yếu tố truyền thống tương tự; đào tạo nhân viên, lao động có kiến thức chuyên môn về quản lý, sản xuất, kinh doanh phù hợp với yêu cầu của phát triển “xanh”; thời gian và nỗ lực trong chuẩn bị tài liệu đáp ứng quy trình, quy định đăng ký chứng nhận chứng chỉ xanh; thay đổi trong quy trình đáp ứng theo quy định trong từng giai đoạn cũng như Luật và quy định của địa phương. Đồng thời, sáng kiến cũng đưa ra một số đề khuyến nghị cho các doanh nghiệp</p>	<p>Sáng kiến “Benifits and challenges for business in green certification and recommendation for business in the face of the global trend of green certification” – “Thuận lợi và khó khăn đối với doanh nghiệp trong việc được công nhận đạt tiêu chuẩn xanh và một số đề xuất đối với doanh nghiệp trước xu hướng sử dụng chứng nhận xanh trên toàn cầu” là một cơ sở quan trọng để giúp các doanh nghiệp nhận diện các thuận lợi và khó khăn trong chứng nhận xanh bởi đây là xu hướng đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay trên toàn cầu như một tiêu chuẩn bắt buộc khi tham gia vào kinh tế thế giới. Đồng thời, các đề xuất đưa ra cũng là những khuyến nghị giúp doanh nghiệp tháo gỡ các khó khăn trong việc xin cấp chứng chỉ xanh. Ngoài ra, sáng kiến cũng được sử dụng phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu phù hợp với diễn biến, thay đổi, yêu cầu thực tiễn hiện nay trong hội nhập quốc tế.</p>	<p>Phạm vi ảnh hưởng áp dụng với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường quốc tế; các cơ quan quản lý doanh nghiệp, áp dụng làm tài liệu giảng dạy với các cơ sở giảng dạy đại học và sau đại học về khối ngành kinh tế, tài chính; áp dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu khoa học liên quan đến doanh nghiệp, phát triển kinh tế “xanh”.</p>
------	----------------------------------	---	--	--	---

			<p>trước xu hướng yêu cầu về chứng nhận xanh trên toàn cầu. Trọng tâm của sáng kiến gồm 7 khuyến nghị gồm: Tiến hành phân tích nắm bắt xu hướng, định hướng của thế giới và nắm bắt các yêu cầu, tiêu chí xanh ở các quốc gia, khu vực mà doanh nghiệp hoạt động; cung cấp hỗ trợ đào tạo, đánh giá năng lực xanh và hiệu suất của doanh nghiệp, đặt mục tiêu và kế hoạch xanh, xác định các hành động cần thực hiện, các nguồn lực cần thiết và lập kế hoạch để đảm bảo các mục tiêu xanh được đáp ứng; tăng cường sự tương tác và hợp tác để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp, dựa vào mối quan hệ chặt chẽ trong hiệp hội các doanh nghiệp; thúc đẩy và xây dựng thương hiệu xanh; liên tục cải tiến để thích ứng với các quy định và xu hướng mới trong lĩnh vực chứng nhận xanh.</p>		
224.	<p>Lê Xuân Trường – Trưởng khoa – Khoa Thuế và Hải quan</p>	<p>Giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế ở Việt Nam trong điều kiện phát triển nền kinh tế số</p>	<p>Đề xuất 4 nhóm giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế ở Việt Nam, đó là: (1) Sửa đổi các quy định pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan nhằm cắt giảm và hợp lý hóa thủ tục hành chính thuế như: Cắt giảm tối đa các hồ sơ phải nộp theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, sửa đổi quy định về phân bổ thuế cho địa phương...; (2) Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ hiện đại để hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính thuế như: Đẩy nhanh tiến độ kết nối và nâng cấp thủ tục hành chính thuế trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đa dạng hóa các phương</p>	<p>Một số nội dung cụ thể của sáng kiến đã được áp dụng ở Tổng cục Thuế và cơ quan thuế các cấp, giúp nâng cao hiệu quả quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế. Một số giải pháp khác khi triển khai áp dụng sẽ giúp việc giải quyết thủ tục hành chính thuế được nhanh chóng hơn, thuận tiện hơn; giảm chi phí quản lý thuế và giảm chi phí tuân thủ thuế cho người nộp thuế.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi áp dụng ở ngành Tài chính, cụ thể là ở cơ quan thuế các cấp trong cả nước: Tại Tổng cục Thuế và các cục thuế địa phương. Nội dung sáng kiến cũng có thể được sử</p>

			<p>thức và công cụ điện tử hỗ trợ thủ tục hành chính thuế...; (3) Nhóm giải pháp nghiệp vụ cải cách thủ tục hành chính thuế như: Đổi mới cách thức công khai văn bản pháp luật và thủ tục hành chính thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin...; (4) Nhóm giải pháp khác như: Đổi mới công tác đánh giá, sử dụng công chức và chế độ tiền lương và thu nhập đối với công chức thuế, tăng cường công tác kiểm tra công vụ và xử lý nghiêm vi phạm của công chức thuế.</p>		<p>dụng làm tài liệu tham khảo để Bộ Tài chính tham mưu cho Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế, tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế trong thời gian tới.</p>
225.	<p>Vương Thị Thu Hiền – Trưởng Bộ môn – Bộ môn Thuế Nhà nước</p>	<p>Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội</p>	<p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2016- 2022, nghiên cứu đã đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới. Các giải pháp chủ yếu như: Hoàn thiện hành lang pháp lý; Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở ứng dụng quản lý rủi ro; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế</p>	<p>Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà quản lý tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam; có ý</p>

					nghĩa tham khảo với ngành Thuế nói chung và các Cục thuế nói riêng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; chống thất thu Ngân sách Nhà nước
226.	Vương Thị Thu Hiền – Trưởng Bộ môn – Bộ môn Thuế Nhà nước	Hoàn thiện chính sách thuế đối với bất động sản ở Việt Nam	Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của một số nước về chính sách thuế, phí, lệ phí đối với bất động sản và rút ra bài học đối với Việt Nam. Các bài học bao gồm: (i) Chính sách thuế đối với bất động sản như: Phạm vi điều chỉnh; Về căn cứ tính thuế; Về thuế suất; Về miễn giảm thuế; về kê khai, nộp thuế; (ii) <i>Về thuế thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản như: Về chính sách thuế thu nhập đối với bất động sản và quản lý thuế thu nhập đối với bất động sản;</i>	Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà làm chính sách tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cơ chế tài chính nhằm quản lý tốt bất động sản ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm.	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách tài chính nói chung và chính sách thuế đối với bất động sản ở Việt Nam.
227.	Nguyễn Hoàng Tuấn – Trưởng Bộ môn – Bộ	Những vấn đề lý luận về kinh doanh trên nền tảng số	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về khái niệm nền tảng số, phân loại nền tảng số, khái niệm kinh doanh trên nền	Kết quả nội dung sáng kiến được sử dụng để nghiên cứu chuyên đề 1 và mục 1.1 trong đề tài NCKH	Nội dung sáng kiến có ảnh hưởng và

	môn Nghiệp vụ Hải quan		tầng số, các đặc điểm, chủ thể tham gia kinh doanh trên nền tảng số và phân loại những mô hình kinh doanh trên nền tảng số cơ bản hiện nay	cấp thành phố Hà Nội “Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội” nghiệm thu đạt loại Giỏi tháng 12/2023.	khả năng nhân rộng trong Bộ, ngành và thành phố Hà Nội.
228.	Nguyễn Hoàng Tuấn – Trưởng Bộ môn – Bộ môn Nghiệp vụ Hải quan	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế đối với nhà nước của người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trên nền tảng số tại thành phố Hà Nội	Thực hiện phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế đối với nhà nước của người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trên nền tảng số tại thành phố Hà Nội	Kết quả nội dung sáng kiến được sử dụng vào báo cáo khảo sát và nội dung nghiên cứu trong đề tài NCKH cấp thành phố Hà Nội “Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội” nghiệm thu đạt loại Giỏi tháng 12/2023.	Nội dung sáng kiến có ảnh hưởng và khả năng nhân rộng trong Bộ, ngành và thành phố Hà Nội.
229.	Nguyễn Thị Kim Oanh – Phó Trưởng Khoa – Khoa Thuế và Hải quan	Khả năng đáp ứng các yêu cầu để huy động nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học từ phía nhà nước và người dân ở Việt Nam.	Nghiên cứu khả năng đáp ứng các yêu cầu để huy động nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học từ phía nhà nước và người dân ở Việt Nam thông qua những nghiên cứu về: khả năng đáp ứng yêu cầu huy động nguồn lực tài chính từ phía nhà nước; Mức học phí đại học hiện nay tại Việt Nam; Mức độ sẵn sàng chi trả học phí của sinh viên Việt Nam; Thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng chi trả học phí của sinh viên Việt Nam thông qua mô hình hồi quy đa biến.	Kết quả nội dung của sáng kiến được sử dụng để nghiên Mục 2.4 thuộc Chương 2 “Thực trạng chính sách tài chính và nguồn lực tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học Việt Nam” để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, mã số: ĐTDL.XH-07/19 “ Một số giải pháp đột phá về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035”, nghiệm thu xếp loại “Đạt”	Nội dung sáng kiến có ảnh hưởng và khả năng nhân rộng trong Bộ, ngành và toàn quốc.
230.	Nguyễn Thị Kim Oanh – Phó Trưởng Khoa – Khoa Thuế và Hải quan	Kinh nghiệm về thực thi pháp luật kiểm toán nhà nước của các nước trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và bài học kinh	Nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức đảm bảo pháp luật kiểm toán nhà nước của các nước trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thông qua những nghiên cứu về: tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động kiểm toán nhà nước của các nước Nhật Bản, Thái Lan, Áo, Canada, Hà Lan,	Kết quả nội dung của sáng kiến được sử dụng để nghiên Mục 2.2 và 2.3 thuộc Chương 2 “Kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của cơ quan kiểm toán nhà nước và bài học kinh nghiệm đối với	Nội dung sáng kiến có ảnh hưởng và khả năng nhân rộng trong Bộ, ngành và toàn quốc

		<p>nhệm đối với Việt Nam</p>	<p>Trung Quốc đảm bảo pháp luật cho phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; Ứng dụng công nghệ trong quản lý và hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước để đảm bảo điều kiện cho công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả và hiệu lực; Kiểm soát chất lượng kiểm toán và kiểm soát nội bộ của đoàn kiểm toán nhằm đảm bảo về pháp luật đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong xây dựng và đảm bảo thực thi pháp luật kiểm toán nhà nước trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.</p>	<p>Việt Nam” để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, mã số: ĐTĐL.XH-08/20 “Hoàn thiện pháp luật kiểm toán nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở Việt Nam”, nhệm thu xếp loại Xuất sắc</p>	
231.	<p>Thái Bùi Hải An – Giảng viên chính – BM Nghệ vụ Hải quan</p>	<p>Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội</p>	<p>Kinh nghiệm quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở các nước và các Cục thuế (TP HCM; Đà Nẵng); từ đó rút ra bài học đối với Cục thuế Hà Nội</p>	<p>Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà quản lý tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm.</p>	<p>Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam; có ý nghĩa tham khảo với ngành</p>

					Thuế nói chung và các Cục thuế nói riêng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; chống thất thu Ngân sách Nhà nước
232.	Nguyễn Thị Minh Hằng – Giảng viên chính – Bộ môn Thuế	Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu về Bối cảnh kinh tế - xã hội ở Thành phố Hà Nội và cơ hội, thách thức, vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý thuế của Thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu về tổng quan tình hình hoạt động kinh doanh trên nền tảng số của người nộp thuế ở Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2021. - Nghiên cứu thực trạng chung về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động kinh tế chia sẻ ở Thành phố Hà Nội và đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động kinh tế chia sẻ ở Thành phố Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp quản lý thuế đối với kinh tế chia sẻ ở Thành phố Hà Nội. 	Kết quả nghiên cứu có thể được các nhà quản lý tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam. Đây còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và sinh viên, các độc giả quan tâm.	Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cả nước, đặc biệt có ý nghĩa tham khảo đối với Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số ở Việt Nam; có ý nghĩa tham khảo với ngành Thuế nói chung và các Cục thuế nói riêng để nâng cao hiệu

					quả quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; chống thất thu Ngân sách Nhà nước.
233.	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, khoa Cơ bản Học viện Tài chính	Đánh giá vai trò của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thuộc bài báo: “ <i>Kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán việt nam</i> ” Tạp chí tài chính tháng 3/2023. Tác giả Trần Thị Khánh Linh, Đặng Lê Thu Hiền, Phạm Thị Kiều Linh, Nguyễn Thị Hồng Đăng, Vũ Thị Phương Liên, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (Trang 42-46).	- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Kiểm soát nội bộ luôn được biết đến như một phương tiện hữu hiệu trong công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là của các doanh nghiệp niêm yết. Nhằm đánh giá vai trò của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, - Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến: + Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh chịu trách nhiệm thực hiện tổng quan phương pháp định lượng trong nghiên cứu và định hướng thiết lập mô hình nghiên cứu, thu thập dữ liệu nghiên cứu. + Thảo luận và đưa ra các kết luận cũng như định hướng nghiên cứu tiếp theo.	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN niêm yết. Nhằm đánh giá vai trò của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Toàn quốc năm 2023
234.	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh khoa Cơ bản Học viện Tài chính	Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khơi thông nguồn lực hiện có tại các doanh	- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khơi thông nguồn lực hiện có tại các doanh nghiệp	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cho các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) , doanh nghiệp khởi nghiệp, góp	Toàn quốc năm 2023

		<p>ng nghiệp nhà nước (DNNN) để đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới - sáng tạo nói chung và đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo DN KN-ĐM-ST. Thuộc đề tài cấp Bộ: “<i>Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, cơ chế thí điểm cho phép các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo</i>” Mã số: BTC/ĐT/2022-01. Tác giả ThS. Nguyễn Thị Ngọc Khánh và TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh.</p>	<p>nhà nước (DNNN) để đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới - sáng tạo nói chung và đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo DN KN-ĐM-ST nói riêng, góp phần phục hồi kinh tế Việt Nam hậu Covid-19; Thúc đẩy DNNN quy mô lớn đóng vai trò là “sếu đầu đàn” trong việc thành lập và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp - sáng tạo, góp phần hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp - sáng tạo tại Việt Nam.</p> <p>- Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến:</p> <p>+ Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh chịu trách nhiệm thực hiện làm rõ khung lý thuyết, đánh giá thực trạng và thảo luận đưa ra khung nghiên cứu, khung thực hiện khảo sát và đánh giá kết quả phân tích khảo sát</p>	<p>phân hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp - sáng tạo tại Việt Nam.</p>	
235.	<p>Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Châu - Bộ môn Kinh tế lượng, Học viện Tài chính</p>	<p>Các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh quốc gia: Bằng chứng từ các nước trong khu vực Châu Á. Thuộc bài báo: “Factors influencing national competitiveness: Evidence from asian countries” Tạp chí Tài</p>	<p>- Nội dung chính của sáng kiến: Khủng hoảng tài chính toàn cầu dẫn đến sự suy giảm các chỉ tiêu kinh tế và những bất ổn của thị trường tài chính. Trong khi một số quốc gia đạt được mức độ cạnh tranh cao nhờ vào sự đổi mới và năng lực sáng tạo thì cũng có một số quốc gia gặp phải các thách thức kinh tế, chính trị dẫn đến sự</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước hiểu và nắm bắt được các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh quốc gia từ đó có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, các nhà nghiên cứu; sáng kiến</p>	<p>Cơ sở năm 2023</p>

		<p>chính kế toán – số 6/2023 (25). Tác giả Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, Nguyễn Thị Quỳnh Châm, Nguyễn An Khanh.</p>	<p>giảm sút trong chỉ số GCI của họ. Năng lực cạnh tranh quốc gia không chỉ là động lực thúc đẩy kinh tế mà còn là nhân tố thu hút đầu tư, khẳng định vị thế của các quốc gia trên thế giới. Vì thế, nhóm tác giả nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tới năng lực cạnh tranh của một quốc gia. Với mẫu dữ liệu của 13 quốc gia Châu Á giai đoạn 2008 đến 2019 đã chỉ ra: Khả năng phổ biến công nghệ, Cạnh tranh về công nghệ và thương mại, xuất nhập khẩu công nghệ cao có ảnh hưởng tích cực đến năng lực cạnh tranh quốc gia.</p> <p>- Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến:</p> <p>+ Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh chịu trách nhiệm thực hiện tổng quan nghiên cứu, xây dựng mô phân tích và đánh giá.</p> <p>+ Tác giả: Ths Nguyễn Thị Quỳnh Châm chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp.</p>	<p>được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	
236.	<p>Nguyễn Thị Thúy Quỳnh khoa Cơ bản Học viện Tài chính</p>	<p>The study examined the relationship between social capital, human capital, access to</p>	<p>- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Lý giải quá trình chuyển đổi số của các startup ở Việt Nam trong thời gian bùng phát đại dịch COVID-19. Trong đó xem xét mối quan hệ giữa vốn xã hội, vốn con người,</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cho các nhà quản lý khởi nghiệp trong việc xây dựng mạng lưới quan hệ với các bên liên quan như cơ quan chính</p>	<p>Toàn quốc năm 2023</p>

		<p>resources, and digital transformation of startups in Vietnam.</p> <p>Thuộc bài báo: <i>“Social capital and digital transformation of startups in vietnam during the covid-19 pandemic: the mediating role of human capital and access to resources”</i></p> <p>Management Systems in Production Engineering 2023, Volume 31. Tác giả Thi Thuy Quynh Nguyen</p> <p>Academy of Finance Nha Ghi Tran Industrial University of Ho Chi Minh City Tan Trung Nguyen University of Economics Ho Chi Minh City (Issue 1, pp. 33-42).</p>	<p>khả năng tiếp cận nguồn lực và chuyển đổi số của các công ty khởi nghiệp ở Việt Nam.</p>	<p>phủ và đối tác kinh doanh (khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp và nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số dịch vụ).</p>	
--	--	--	---	---	--

237.	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh khoa Cơ bản Học viện Tài chính	Đánh giá hiệu quả mô hình dự báo xu hướng chỉ số VN-Index dựa trên việc khảo sát độ trơn và độ lệch của ba loại đường trung bình động dạng mũ, cụ thể là đường trung bình động mũ (EMA), đường trung bình động mũ bội hai (DEMA) và đường trung bình động mũ bội ba (TEMA). Thuộc bài báo: “ <i>Đánh giá hiệu quả các đường trung bình động dạng mũ trong dự báo xu hướng chỉ số vn-index</i> ” Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Kỳ 2 tháng 5 (số 240) - 2023. Tác giả Chu Bình Minh - Hà Bình Minh - TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Đánh giá hiệu quả mô hình dự báo xu hướng chỉ số VN-Index dựa trên việc khảo sát độ trơn và độ lệch của ba loại đường trung bình động dạng mũ, cụ thể là đường trung bình động mũ (EMA), đường trung bình động mũ bội hai (DEMA) và đường trung bình động mũ bội ba (TEMA). - Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến: + Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh chịu trách nhiệm thực hiện tổng quan nghiên cứu, hiệu chỉnh bài và kiểm soát kết quả nghiên cứu theo mục tiêu nghiên cứu ban đầu.	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cho các nhà đầu tư hoặc những người quan tâm đến việc dự báo xu hướng chỉ số VN-Index có thể sử dụng thông tin từ nghiên cứu này để cải thiện hiệu suất của mô hình dự báo của họ.	Toàn quốc năm 2023
238.	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh khoa Cơ bản Học viện Tài chính	Đánh giá các doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo và kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các chỉ tiêu đo lường hiệu quả đầu tư vào	- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo là chìa khóa để các quốc gia phát triển kinh tế. Việc đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới -	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cho các DN xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh cũng như để các cơ quan quản lý, nhà đầu tư nói chung, DNNN nói riêng có thang đo	Toàn quốc năm 2023

		doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo ở Việt Nam. Thuộc bài báo: “ <i>Lượng hóa chỉ tiêu đo lường hiệu quả đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo</i> ” TẠP CHÍ TÀI CHÍNH Kỳ 1 - Tháng 9/2023 (808). Tác giả Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, Cù Thu Thủy.	sáng tạo và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đang được thực hiện có hiệu quả. - Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến: + Tác giả: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh chịu trách nhiệm định hướng nội dung bài viết, thực hiện một nửa tổng quan nghiên cứu, và thảo luận thống nhất các nội dung bài báo để xây dựng được khung lý thuyết một số vấn đề định lượng trong đánh giá doanh nghiệp nói chung DN KN-ĐM-ST nói riêng.	đánh giá khả năng đầu tư vào DN khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo ở Việt Nam.	
239.	Nguyễn Thị Quỳnh Châm khoa Cơ bản Học viện Tài chính	Ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến rủi ro phá sản của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Thuộc bài báo: “Research on macro factors affecting bankruptcy risk of real estate businesses listed on the vietnamese stock exchange” Hội thảo khoa học “The fifth international conference on "Finance and accounting for the	- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Thị trường bất động sản là một trong những thị trường quan trọng của nền kinh tế, có vai trò thiết yếu trong việc thu hút các nguồn lực, tạo tài sản cố định cho nền kinh tế và thúc đẩy các thành phần kinh tế, các nền kinh tế khác cùng phát triển, đáp ứng nhu cầu nhà ở, phát triển đô thị, du lịch của người dân... Từ nửa cuối năm 2022, khi thị trường bất động sản có nhiều tín hiệu “tiêu cực”, doanh nghiệp bất động sản gặp nhiều khó khăn, thị trường trì trệ, hàng loạt doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoạt động, cắt giảm nhân sự, giảm lương, mất thanh khoản, không có khả năng trả nợ ngân hàng.. ..thậm chí có thể phá sản. Bài viết	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN bất động sản xác định và giảm thiểu rủi ro phá sản, góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN BĐS tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.	cấp bộ

		<p>promotion of sustainable development in the private sector". (FASPS) năm 2023. Tác giả Lâm Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Quỳnh Châm (Trang 747-752).</p>	<p>tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến rủi ro phá sản của các DN BĐS niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Bằng việc sử dụng mô hình hồi quy Logistic với 53 doanh nghiệp Bất động sản niêm yết trên sàn giao chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2012 -2022 cho thấy tăng trưởng GDP của nền kinh tế cao làm giảm rủi ro phá sản của các doanh nghiệp, trong khi đó lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng đối mặt với nguy cơ phá sản càng lớn.</p> <p>- Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến:</p> <p>+ Tác giả: TS. Lâm Thị Thanh Huyền chịu trách nhiệm thực hiện tổng quan nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và thu thập dữ liệu nghiên cứu.</p> <p>+ Tác giả: Ths Nguyễn Thị Quỳnh Châm chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp.</p>		
240.	<p>Nguyễn Thị Quỳnh Châm khoa Cơ bản Học viện Tài chính</p>	<p>Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển thị trường bất động sản xanh và bài học cho Việt Nam. Thuộc bài</p>	<p>- <i>Nội dung chính của sáng kiến:</i> Con người ngày càng có xu hướng tìm kiếm những không gian sống xanh, cộng đồng dân cư văn minh, hiện đại. Xu hướng đó đang lan rộng tại các nước phát triển trên</p>	<p>Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các DN bất động sản hiểu, nắm bắt được xu thế và xây dựng được các chiến lược, chính sách trong phát triển bất động sản</p>	<p>cấp bộ</p>

		<p>báo: “<i>The international experiences in developing green real estate market and the lessons learned for Viet Nam</i>” Hội thảo khoa học “The sixth international conference on Sustainable economic development and business management In the context of globalization (sedbm 6) năm 2024. Tác giả Lâm Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Nguyễn Mạnh Hùng (Trang 849 – 857)</p>	<p>thế giới và cũng dần trở thành tất yếu đối với thị trường bất động sản Việt Nam. Tuy nhiên, tại Việt Nam, bất động sản xanh vẫn còn là một khái niệm còn khá mới mẻ và thị trường bất động sản xanh ở nước ta vẫn còn khá non trẻ, mới bắt đầu xuất hiện trong vài năm trở lại đây. Vì vậy, các tác giả đã nghiên cứu xu hướng phát triển công trình xanh và kinh nghiệm của các nước trên thế giới, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam nhằm thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản xanh. Nghiên cứu tập trung sử dụng nhiều số liệu do Dodge Data & Analytics, WCED, IFC đưa ra... Mặc dù có sự đa dạng về số liệu nhưng nghiên cứu chỉ tập trung vào các quốc gia có sự tương đồng về kinh tế, xã hội, văn hóa so với Việt Nam như Singapore , Malaysia, Trung Quốc...</p> <p>- Đóng góp của các tác giả vào sáng kiến:</p> <p>+ Tác giả: TS. Lâm Thị Thanh Huyền chịu trách nhiệm tổng hợp các tài liệu liên quan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.</p>	<p>xanh. Từ đó, góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Sáng kiến được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý của các Bộ, ngành, tài liệu cho các DN BĐS tại Việt Nam; sáng kiến được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước.</p>	
--	--	---	--	--	--

			<p>+ Tác giả: Ths Nguyễn Mạnh Hùng chịu trách nhiệm tìm kiếm, tổng hợp tài liệu của Singapore và Malaysia.</p> <p>+ Tác giả: Ths Nguyễn Thị Quỳnh Châm chịu trách nhiệm tìm kiếm và tổng hợp tài liệu của Trung Quốc.</p>		
241.	Cù Thu Thủy khoa CB- Học viện Tài chính	<p>Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khơi thông nguồn lực hiện có tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới - sáng tạo nói chung và đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo DN KN-ĐM-ST. Thuộc đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, cơ chế thí điểm cho phép các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo” Mã số: BTC/ĐT/2022-01. Tác giả ThS. Nguyễn Thị Ngọc Khánh và TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh.</p>	<p>- Nội dung chính của sáng kiến: Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khơi thông nguồn lực hiện có tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới - sáng tạo nói chung và đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo DN KN-ĐM-ST nói riêng, góp phần phục hồi kinh tế Việt Nam hậu Covid-19;</p>	Sáng kiến đã góp phần quan trọng giúp các cho các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới - sáng tạo nói chung và đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo DN KN-ĐM-ST nói riêng	Toàn quốc năm 2023
242.	Cù Thu Thủy khoa CB- Học viện Tài chính	Đề xuất mô hình nghiên cứu dự báo rủi ro phá sản ứng dụng kỹ thuật	<i>Bài nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu dự báo rủi ro phá sản ứng dụng kỹ</i>	Nghiên cứu góp phần giúp doanh nghiệp thêm phương pháp phát hiện sớm rủi ro tài chính.	Toàn quốc năm 2023.

		học máy áp dụng cho các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam. Thuộc bài Bài báo: “Đề xuất mô hình và kỹ thuật học máy dự báo rủi ro phá sản trong các doanh nghiệp Việt Nam”. Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 33, 11/2023, Bộ kế hoạch và đầu tư, tr120-124	<i>thuật học máy áp dụng cho các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam.</i>		
243.	Phan Thị Phương Thanh Khoa Cơ bản, HVTC	<p>“Một số vấn đề chung về nguồn lực tài chính thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa” và “Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa” – Hai báo cáo chuyên đề trong đề tài cấp Bộ: “Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam” do ThS. Lê Minh Hương chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1357/NS-KQNC ngày 06 tháng 09 năm</p>	<p><i>thuật học máy áp dụng cho các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam.</i></p> <p>+ Thể hiện một số nội dung chính như khái niệm về nguồn lực tài chính và vấn đề huy động, sử dụng nguồn lực tài chính; Các nguồn lực tài chính thực hiện CNH, HĐH và vai trò của các nguồn lực tài chính thực hiện CNH, HĐH.</p> <p>+ Làm rõ các phương thức huy động, sử dụng và nhân tố ảnh hưởng đến nguồn lực tài chính thực hiện CNH, HĐH.</p>	<p>Xem xét, đánh giá lại nguồn lực tài chính để có những đổi sách phù hợp cho giai đoạn CNH, HĐH đến năm 2030, định hướng 2045.</p> <p>Góp phần cung cấp thêm các cơ sở và luận cứ cho việc hoàn thiện các giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện CNH, HĐH ở Việt Nam giai đoạn tới.</p>	<p>Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho đơn vị như Bộ Tài chính, Ban Kinh tế Trung ương trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện CNH, HĐH.</p>

		2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.			
244.	Đào Thị Kim Cúc khoa Cơ bản	<p>“Cơ sở lý luận về kinh tế số, Hiệp định kinh tế số và kinh nghiệm quốc tế về Hiệp định Kinh tế số” trong đề tài cấp Bộ: “Xu hướng phát triển các Hiệp định kinh tế số trên thế giới và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong lĩnh vực quản lý thuế và hải quan của ngành tài chính” do ThS. Trương Thanh Hà chủ nhiệm – GCN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN số 2023-28-1759/NS-KQNC ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>nội dung chính của sáng kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - trình bày cơ sở lý luận về kinh tế số và thương mại điện tử, bao gồm: Bối cảnh phát triển kinh tế số; khái niệm, sự cần thiết và vai trò của kinh tế số; khái niệm và một số nội dung liên quan đến thương mại điện tử; xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới. - Trình bày cơ sở lý luận về Hiệp định kinh tế số, bao gồm: Sự cần thiết hình thành Hiệp định kinh tế số; mối quan hệ giữa hiệp định kinh tế số với quản lý thuế và hải quan - Trình bày kinh nghiệm quốc tế về Hiệp định kinh tế số, bao gồm: Thực trạng và xu hướng phát triển các Hiệp định kinh tế số trên thế giới; tác động của Hiệp định kinh tế số đến kinh tế - xã hội và hoạt động quản lý thuế và hải quan và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. 	<p>Sáng kiến nghiên cứu và trình bày cơ sở lý luận về về kinh tế số, Hiệp định kinh tế số và kinh nghiệm quốc tế về Hiệp định Kinh tế số. Là cơ sở để đề tài đưa ra những đánh giá thực trạng quản lý thuế và hải quan ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với quản lý thuế và hải quan khi Việt Nam tham gia các Hiệp định Kinh tế số. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số giải pháp để góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra trong trường hợp Việt Nam tham gia các hiệp định kinh tế số.</p>	Toàn quốc 2023
245.	Đàm Tuấn Anh khoa Cơ bản	<p>“Đánh giá thực trạng phong trào thể dục thể thao của cán bộ, viên chức và sinh viên Học viện Tài chính” – Kỷ yếu Hội thảo Khoa học</p>	<p>Đánh giá khái quát thực trạng phát triển phong trào tập luyện TDTT của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện thông qua các tiêu chí đánh giá về nhận thức, nhu cầu tập luyện TDTT, hoạt động tập luyện TDTT của cán bộ, giảng viên,</p>	<p>Kết quả nghiên cứu là cơ sở để triển khai các giải pháp phát triển phong trào tập luyện TDTT cho cán bộ, giảng viên và sinh viên các trường Đại học, Học viện trên</p>	Toàn quốc

		cấp Quốc gia “Công tác giáo dục thể chất và thể dục thể thao trường học ở các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng trong xu thế hội nhập Quốc tế”, tháng 06/2023, tr60-68.	sinh viên và các tiêu chí về sự quan tâm, đầu tư phát triển cho phong trào TĐTT.	cả nước trong thời gian tới một cách hiệu quả.	
246.	Đàm Tuấn Anh Phạm Tuấn Hiệp khoa Cơ bản	“Đánh giá hiệu quả ứng dụng trò chơi vận động phát triển sức bền chung cho học sinh trung học cơ sở ở thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh” – Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc “Chương trình Giáo dục thể chất gắn với phát triển thể thao dân tộc và trò chơi dân gian”, tháng 10/2023, tr684-688.	Nghiên cứu đã lựa chọn và xác định được hiệu quả ứng dụng của 14 trò chơi vận động trong các giờ học GDTC nhằm phát triển sức bền chung cho học sinh THCS (lứa tuổi 12 – 14) phù hợp với điều kiện thực tiễn trong các nhà trường hiện nay.	Kết quả nghiên cứu là cơ sở để giáo viên lựa chọn, biên soạn dạng bài tập về trò chơi vận động trong các giờ học GDTC chính khóa ở trường THCS. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển sức bền cho học sinh, nó không chỉ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mà còn đem lại sự thoải mái, hứng thú trong tập luyện.	Toàn quốc
247.	Nguyễn Quốc Việt	Sáng kiến: “Thứ nhất, doanh nghiệp cần tập trung vào chất lượng sản phẩm xuất khẩu và nắm bắt đầy đủ thông tin về các FTA thế hệ mới” thuộc bài báo “VIETNAM ECONOMY SINCE	Trong cơ cấu, với những yêu cầu khắt khe cùng với những tiêu chuẩn cao từ EU, cũng như các nước châu Âu khác, doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động tìm hiểu và nắm bắt đầy đủ các thông tin, yêu cầu, quy định chặt chẽ về các FTA thế hệ mới cũng như các quy định xuất nhập khẩu của đối tác. Quốc gia. Bên cạnh đó, cũng cần đa dạng hóa thị trường nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, chú trọng chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn từ các nước đối tác. Hạn chế sản xuất hàng loạt, không chỉ	Kết quả nghiên cứu là hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các tiêu chuẩn, quy định chặt chẽ từ các FTA thế hệ mới thông qua các hội thảo, tọa đàm, báo cáo, hướng dẫn cho doanh nghiệp để Doanh nghiệp có thể hiểu, áp dụng linh hoạt, trung thực các quy định và tự tin khi thực hiện ký kết hợp đồng với các đối tác từ các thị trường khó tính.	Toàn quốc

		<p>JOINING NEW-GENERATION FREE TRADE AGREEMENTS AND SOME COMPLETE ORIENTATIONS” tại Hội thảo Khoa học Quốc tế “The sixth international conference on Sustainable economic development and business management In the context of globalization (sedbm 6). Tác giả TS. Lê Thị Hồng Nhung, ThS. Bùi Xuân Hoá, ThS. Nguyễn Quốc Việt (trang 679-686)</p>	<p>quan tâm đến doanh thu, số lượng mà còn dẫn đến chất lượng không đạt tiêu chuẩn. Chỉ bằng cách này, hàng hóa, sản phẩm Việt Nam mới có thể vươn ra thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của thị trường quốc tế, tạo dựng giá trị trong chuỗi cung ứng toàn cầu.</p>		
248.	Trần Huy Thảo phó trưởng bộ môn, Bộ môn Giáo dục thể chất.	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên Học viện Tài chính. Đăng trên Kỷ yếu Hội thảo cấp Quốc gia: “Công tác Giáo dục thể chất và thể thao	+ Qua thực tiễn công tác giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên Học viện Tài chính cho thấy, hiệu quả công tác giáo dục thể chất với mục tiêu phát triển thể chất cho sinh viên mang lại còn chưa cao. Trước thực trạng hiện nay với yêu cầu cao của công tác Giáo dục thể chất trong nhà trường, đồng thời cơ sở vật chất còn thiếu	Sáng kiến “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên Học viện Tài chính” là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy môn bóng rổ, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển thể	Sáng kiến cấp Bộ, Ngành: Sáng kiến phân tích thực trạng, giải pháp từ đó đánh giá những mặt đạt được,

		<p>trường học ở các trường Đại học, Học viện và Cao đẳng trong xu thế hội nhập Quốc tế” tại Đại học Ngoại Thương, tháng 6 năm 2023. Mã số ISBN: 978-604-393-918-7</p>	<p>và điều kiện hạn hẹp thời gian, tác giả cho rằng việc đẩy mạnh công tác giảng dạy môn bóng rổ có đầy đủ cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và sinh viên Học viện Tài chính là một việc làm vô cùng cấp bách.</p> <p>+ Thực tế giảng dạy cho thấy, công tác giảng dạy môn bóng rổ gặp nhiều khó khăn cũng như việc xây dựng hệ thống các bài tập ứng dụng trong giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên còn chưa mang tính hệ thống, dựa theo kinh nghiệm là chủ yếu.</p> <p>+ Để giải quyết các mục tiêu đã đặt ra trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm, thực nghiệm sư phạm và phương pháp toán học thống kê.</p> <p>+ Kết quả: Kết quả nghiên cứu đã đưa ra được: (04) thực trạng, (05) nhóm giải pháp, đã lựa chọn được 03 nội dung đặc trưng tiêu biểu nhất để kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn bóng rổ.</p>	<p>chất cho sinh viên trong thời gian tới.</p>	<p>hạn chế và nguyên nhân để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển thể chất cho sinh viên. Các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên đã được các cơ sở giảng dạy đại học, Học viện khối ngành kinh tế sử dụng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy và huấn luyện môn bóng rổ.</p>
249.	Trần Huy Thảo phó trưởng bộ môn, Bộ môn Giáo dục thể chất.	<p>Kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn bóng bàn. Sáng kiến thuộc sách tham khảo đã nghiệm thu năm 2023 của bộ môn Giáo dục thể chất do Ths Trần Huy Thảo chủ biên.</p>	<p>+ Bóng bàn là môn thể thao mang tính đối kháng cá nhân (gián tiếp thông qua dụng cụ). Là môn thể thao hoạt động trong phạm vi hẹp, sân bãi nhỏ, không gian thi đấu không lớn, lượng vận động không lớn nhưng cường độ vận động lớn và nhanh. Phù hợp với mọi đối tượng, lứa tuổi, giới tính.</p> <p>+ Thực hiện theo các thông tư của Bộ GD&ĐT, năm 2018 Học viện Tài chính</p>	<p>Sáng kiến “Kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn bóng bàn” là một tài liệu, học liệu hữu ích, quan trọng giúp giảng viên, sinh viên, bạn yêu thích môn bóng bàn học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho sinh viên.</p>	<p>Sáng kiến cấp Bộ, Ngành: Hiện nay đã có một số tư liệu tham khảo về giảng dạy - huấn luyện kỹ chiến thuật bóng bàn do nhiều tác giả</p>

			<p>xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất theo hướng tăng cường các môn thể thao tự chọn cho sinh viên trong đó có môn bóng bàn.</p> <p>+ Môn Bóng bàn ở Học viện Tài chính được đưa vào giảng dạy từ năm học 2022-2023, chúng tôi với mong muốn giảng viên, sinh viên và những người yêu thích bóng bàn có thêm tài liệu tham khảo giúp cho việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và tập luyện môn bóng bàn có hiệu quả.</p> <p>+ Trong quá trình giảng dạy tại Học viện ngày càng yêu cầu cao, đổi mới hơn nữa về nội dung chương trình môn học tự chọn và đổi mới các môn thể thao phù hợp với thực tiễn giảng dạy cho lớp thể hệ sinh viên hiện tại và thời gian tới, việc đưa môn thể thao mới vào giảng dạy trong đó có môn bóng bàn đòi hỏi cần có một cuốn tài liệu để những người yêu thích bóng bàn và tập luyện bóng bàn là rất cần thiết.</p> <p>+ Sau một thời gian nghiên cứu tài liệu tác giả đã viết cuốn tài liệu với 7 chương, trong đó tôi trực tiếp viết 3 chương, cung cấp cho bạn đọc những, kỹ thuật, chiến thuật và một số hiểu biết liên quan đến môn bóng bàn.</p>		<p>khác nhau biên soạn. Tuy nhiên chưa có cuốn sách tham khảo chính thống nào dành riêng cho các đối tượng sinh viên không chuyên ngành thể dục thể thao tại các trường Đại học khối ngành kinh tế. Chính vì vậy, sáng kiến “Kỹ thuật và Phương pháp tập luyện bóng bàn” của tác giả nhằm cập nhật và cung cấp những thông tin và lượng kiến thức chuyên môn cho phù hợp với yêu cầu giảng dạy, huấn luyện cũng như nghiên cứu môn thể thao tự chọn (bóng</p>
--	--	--	---	--	---

					bàn) cho đối tượng sinh viên là hết sức cần thiết và phù hợp trong điều kiện hiện nay.
--	--	--	--	--	--

Tổng số: 249 sáng kiến